

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Kí hiệu viết tắt	Chữ viết tắt
01	GTGT	Giá trị gia tăng
02	TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
03	TSCĐ	Tài sản cố định
04	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
05	TK	Tài khoản
06	SP, HH	Sản phẩm, Hàng hóa
07	TNHH	Trách Nhiệm Hữu Hạn
08	XDCB	Xây dựng cơ bản
09	BĐS	Bất động sản
10	VNĐ	Việt Nam đồng
11	K/c	Kết chuyển
12	QLDN	Quản lí doanh nghiệp
13	HH	Hàng hóa
14	DV	Dịch vụ
15	SHB	Ngân hàng Cổ Phần Thương Mại Sài Gòn – Hà Nội
16	NH	Ngân hàng
17	PC	Phiếu chi
18	PKT	Phiếu kế toán
19	LN	Lợi nhuận
20	KQKD	Kết quả kinh doanh
21	CCDC	Công cụ dụng cụ
22	PP	Phương pháp

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	4
1.1. Tổng quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	4
1.1.1. Doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh	4
1.1.2. Doanh thu, chi phí hoạt động tài chính	7
1.1.3. Thu nhập, chi phí khác	8
1.2. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	8
1.3. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	10
1.4. Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	11
1.4.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	11
1.4.2. Kế toán khoản giảm trừ doanh thu	17
1.4.3. Kế toán giá vốn hàng bán	20
1.4.5. Kế toán hoạt động tài chính	28
1.4.5.2. Kế toán chi phí tài chính	29
1.4.6. Kế toán hoạt động khác	31
1.4.7. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	36
1.4.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	37
1.5. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	38
1.5.1. Hình thức Nhật ký chung:	38
1.5.2. Hình thức kế toán Nhật ký - sổ cái	39
1.5.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	40
1.5.4. Hình thức kế toán máy	41

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÁI GIANG.....	43
2.1. Tổng quan chung về công ty	43
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty	43
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.....	44
2.1.3 Những thuận lợi, khó khăn trong quá trình hoạt động của công ty Cổ phần thương mại Thái Giang	44
2.1.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần thương mại Thái Giang	45
2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của Công ty cổ phần thương mại Thái Giang	48
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Thái Giang	52
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	52
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	60
2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	67
2.2.4. Kế toán chi phí tài chính	72
2.2.5. Kế toán thu nhập khác	77
2.2.6. Kế toán chi phí khác.....	78
2.2.7. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	79
2.2.8. Kế toán chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp.....	87
2.2.9. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	92
CHƯƠNG III: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH NHẪM TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ CHI PHÍ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÁI GIANG.....	100
3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Thái Giang.....	100
3.1.1. Kết quả đạt được	100

3.1.2.Hạn chế.....	102
3.2.Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu,chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý chi phí kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Thái Giang.....	104
3.2.1.Nguyên tắc của việc hoàn thiện	104
3.2.2.Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Thái Giang.....	105
KẾT LUẬN	130
TÀI LIỆU THAM KHẢO	133

LỜI MỞ ĐẦU

✓ **Tính cấp thiết của đề tài**

- Kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa kinh tế to lớn, giúp các nhà quản trị doanh nghiệp có những quyết định đúng đắn trong kinh doanh để đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất với chi phí thấp nhất.

- Tại Công ty Cổ phần thương mại Thái Giang việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phục vụ cho công tác quản lý chi phí vẫn còn chưa thực sự hoàn thiện.

Xuất phát từ thực tế trên, em đã mạnh dạn chọn đề tài: “*Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý chi phí kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại Thái Giang*” làm đề tài nghiên cứu khoa học. Thông qua kết quả nghiên cứu này, em hy vọng sẽ góp phần giúp công ty có thể hoàn thiện hơn công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty nhằm tăng cường quản lý chi phí kinh doanh .

✓ **Mục đích nghiên cứu của đề tài**

- Về mặt lý luận: Hệ thống những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Về mặt thực tế: Mô tả và phân tích thực trạng tổ chức kế toán doanh thu và chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Thái Giang.

- Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu và chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý chi phí kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Thái Giang.

✓ **Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng: Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Thái Giang.

Không gian: Tại công ty Cổ phần thương mại Thái Giang.

Thời gian: Bắt đầu từ ngày 01/04/2012. Kết thúc ngày 30/07/2013.

✓ **Phương pháp nghiên cứu**

- Các phương pháp sử dụng trong kế toán: chứng từ, tài khoản, tính giá, tổng hợp cân đối;

- Phương pháp tổng hợp, phân tích;

- Phương pháp chuyên gia.

✓ **Đóng góp của đề tài nghiên cứu**

Đóng góp về mặt khoa học, phục vụ công tác đào tạo:

- Giúp sinh viên hiểu rõ hơn về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Đây là một hướng nghiên cứu mới cho các đề tài tốt nghiệp ngành Kế toán- kiểm toán.

- Là tài liệu tham khảo cho sinh viên khoa Quản trị kinh doanh.

Những đóng góp liên quan đến phát triển kinh tế: Các giải pháp đưa ra trong đề tài nghiên cứu sẽ góp phần hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý chi phí kinh doanh tại công ty Cổ phần thương mại Thái Giang.

✓ **Kết cấu của đề tài**

Kết cấu của đề tài gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh Công ty Cổ phần thương mại Thái Giang

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý chi phí kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Thái Giang.

Với những nền tảng kiến thức và kinh nghiệm thực tế quý báu mà các thầy giáo, cô giáo trường ĐHDL Hải Phòng tận tình truyền đạt cùng với sự

hướng dẫn tận tình của cô giáo – Ths.Trần Thị Thanh Phương và các anh, chị đang công tác tại Công ty cổ phần thương mại Thái Giang đã giúp em hoàn thiện đề tài nghiên cứu khoa học này đúng thời hạn và nội dung quy định. Tuy nhiên do kiến thức còn hạn chế cùng với thời gian thực tế còn chưa nhiều nên đề tài nghiên cứu khoa học của em khó tránh khỏi có những thiếu sót. Em kính mong nhận được sự chỉ bảo, giúp đỡ của các thầy giáo, cô giáo để đề tài nghiên cứu khoa học của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chúc các thầy cô giáo cùng các anh chị làm việc tại Công ty cổ phần thương mại Thái Giang dồi dào sức khỏe, thành công và hạnh phúc trong cuộc sống.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày.....tháng.....năm.....

Sinh viên

Đào Thị Nhung

CHƯƠNG I:
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH
THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG
DOANH NGHIỆP

1.1. Tổng quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1. Doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

+ Khái niệm:

❖ **Doanh thu:** là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

+ Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh:

❖ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

+ Khái niệm các khoản giảm trừ doanh thu:

➤ **Chiết khấu thương mại:**

- Chiết khấu thương mại là các khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn.

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thương mại thì khoản chiết khấu thương mại này được giảm trừ vào giá bán trên “Hóa đơn bán hàng” lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được hưởng ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua. Khoản chiết khấu thương mại trong trường hợp này được hạch toán vào tài khoản 521.

- Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu

thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào tài khoản 521.

➤ **Giảm giá hàng bán:** là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

➤ **Giá trị hàng bán bị trả lại:**

- Giá trị hàng bán bị trả lại: Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

- Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng, giá trị bị trả lại, đính kèm hóa đơn (nếu trả lại một phần hàng) và đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng nói trên.

➤ **Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo PP trực tiếp:** được xác định theo số lượng sản phẩm hàng hóa tiêu thụ, giá tính thuế và thuế suất của từng mặt hàng. Trong đó:

- Thuế tiêu thụ đặc biệt là loại thuế đánh trên hàng hóa dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt tại một khâu duy nhất là khâu sản xuất hoặc nhập khẩu, đây là loại thuế gián thu cấu thành trong giá bán sản phẩm.

- Thuế xuất khẩu: Là loại thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu loại hàng hóa chịu thuế xuất khẩu.

- Thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp: là số thuế tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh từ quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

$$\begin{array}{ccc} \text{GTGT của hàng} & & \text{Doanh số hàng} & & \text{Giá vốn hàng} \\ \text{hóa, dịch vụ} & = & \text{hóa, dịch vụ, bán ra} & - & \text{hóa, dịch vụ bán ra} \end{array}$$

✚ **Khái niệm chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh:**

❖ Chi phí nói chung là sự hao phí thể hiện bằng tiền trong quá trình kinh doanh với mong muốn mang về một sản phẩm dịch vụ hoàn thành hoặc một kết quả kinh doanh nhất định. Chi phí phát sinh trong các hoạt động sản xuất,

thương mại và dịch vụ nhằm đạt đến mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp là doanh thu và lợi nhuận.

✚ Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh:

❖ **Giá vốn hàng bán:** Là giá thực tế xuất kho của số sản phẩm (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá bán ra trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

❖ **Chi phí quản lý kinh doanh:** Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

▪ **Chi phí bán hàng:** Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm : chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu bao bì, chi phí dụng cụ đồ dùng trong bán hàng, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

▪ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý doanh nghiệp, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn công ty. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao tài sản cố định, thuế, phí, lệ phí, chi phí dự phòng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

✚ Xác định kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh

$$\begin{array}{l} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động sản} \\ \text{xuất kinh} \\ \text{doanh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu} \\ \text{thuần về} \\ \text{bán hàng} \\ \text{và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng bán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí Kinh} \\ \text{doanh(bao gồm} \\ \text{chi phí quản lý} \\ \text{doanh nghiệp và} \\ \text{chi phí bán hàng)} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Doanh thu thuần} \\ \text{về bán hàng và} \\ \text{cung cấp dịch vụ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu về bán} \\ \text{hàng và cung cấp dịch} \\ \text{vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản} \\ \text{giảm trừ} \\ \text{doanh thu} \end{array}$$

1.1.2. Doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

✚ Khái niệm doanh thu hoạt động tài chính:

❖ Doanh thu hoạt động tài chính: Là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm những khoản phải thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

❖ Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ ...;
- Cổ tức lợi nhuận được chia;
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác;
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ;
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

✚ Khái niệm chi phí hoạt động tài chính:

❖ Chi phí hoạt động tài chính: Phản ánh các khoản chi phí bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính chi phí cho vay, đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ.

✚ Xác định kết quả của hoạt động tài chính :

$$\begin{array}{ccccc} \text{Kết quả hoạt động tài} & = & \text{Doanh thu hoạt động} & - & \text{Chi phí tài} \\ \text{chính} & & \text{tài chính} & & \text{chính} \end{array}$$

1.1.3. Thu nhập, chi phí khác

Khái niệm thu nhập khác:

❖ Thu nhập khác: Là khoản tiền thu được góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ những hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

- Thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu được các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản thuế được Ngân sách hoàn lại;
- Các khoản tiền thưởng khách hàng;
- Thu nhập do nhận tặng, biếu bằng tiền, hiện vật của tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp.

Khái niệm chi phí khác:

❖ Chi phí khác: Chi phí khác bao gồm các khoản chi phí ngoài các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

- Chi phí về thanh lý, nhượng bán TSCĐ;
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có);
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy thu thuế;
- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hay bỏ sót khi ghi sổ kế toán;
- Các khoản chi phí khác.

Xác định kết quả của hoạt động khác:

$$\text{Kết quả hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

1.2. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường như

hiện nay phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả, mà hiệu quả cuối cùng phải được phản ánh thông qua chỉ tiêu tổng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, các yếu tố liên quan đến việc xác định lợi nhuận là doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi khác phí. Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa rất quan trọng đến sự tồn tại và phát triển cả doanh nghiệp, nhất là khi nền kinh tế đất nước ta đang ngày càng phát triển với xu thế hội nhập toàn cầu. Do đó, doanh nghiệp cần phải quản lý chặt chẽ kế toán doanh thu chi phí để nắm vững tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đẩy mạnh kinh doanh nhằm đạt được hiệu quả cao nhất. Như vậy, tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò quan trọng trong việc tập hợp ghi chép các số liệu về tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó cung cấp thông tin số liệu cần thiết giúp doanh nghiệp có thể phân tích đánh giá để đưa ra các quyết định đầu tư đúng đắn nhất.

Tổ chức kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc tập hợp các số liệu về tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó cung cấp thông tin cần thiết giúp nhà quản lý doanh nghiệp có thể phân tích đánh giá để đưa ra các quyết định đầu tư đúng đắn nhất.

Tổ chức kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng không chỉ đóng góp vai trò quan trọng đối với nhà quản lý doanh nghiệp, mà còn rất cần thiết đối với các đối tượng khác như các nhà đầu tư, các trung gian tài chính hay đối với cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế.

- Đối với các nhà đầu tư: Thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đưa ra quyết định đầu tư đúng đắn.
- Đối với các trung gian tài chính như Ngân hàng các công ty cho thuê tài chính: Thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cung cấp

điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định cho vay vốn đầu tư.

- Đối với cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế: Thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp các nhà hạch toán hoạch định chính sách của nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô được tốt hơn, thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

1.3.Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Để kế toán thực sự là công cụ sắc bén đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý tình hình tiêu thụ hàng hóa của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hoá theo các chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị...

- Lựa chọn phương án và xác định giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.

- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí phục vụ công tác bán hàng như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán và các khoản liên quan đến quá trình tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ. Từ đó, đưa ra những kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời phải theo dõi thật chi tiết tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng để thu hồi vốn kịp thời.

- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để thu thập, xử lý thông tin về tình hình biến động của sản phẩm, hàng hóa cũng như tình hình bán hàng xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp số liệu cho việc quyết toán đầy đủ và đúng hạn.

1.4.Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.4.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

✚ Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận thỏa mãn 5 điều kiện:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

✚ Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

✚ Một số nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền hoặc sẽ thu được tiền từ giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có);
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá

bán chưa có thuế GTGT;

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT hoặc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán;

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (Bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu);

- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng;

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định;

- Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá;

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.

Các phương thức bán hàng:

- *Phương thức bán hàng trực tiếp*: là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy bán hàng của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã giao được chính thức coi là tiêu thụ. Bán hàng trực tiếp bao gồm:

- **Bán buôn**: Là quá trình bán hàng cho các doanh nghiệp thương mại, các tổ chức kinh tế khác. Kết thúc quá trình bán buôn hàng hóa vẫn trong lĩnh vực lưu thông chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị và giá trị sử dụng của hàng hóa

chưa thực hiện. Đặc biệt của bán buôn thường là bán khối lượng lớn, được tiến hành theo các hợp đồng kinh tế.

- **Bán lẻ:** Là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Đó là hành vi trao đổi diễn ra hàng ngày thường xuyên của người tiêu dùng. Thời điểm xác định tiêu thụ là khi doanh nghiệp mất đi quyền sở hữu hàng hóa và có quyền sở hữu tiền tệ.

- *Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng:* Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán, chỉ khi nào được người mua chấp nhận thanh toán một phần hay toàn bộ số hàng chuyển giao thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ và bên bán mất quyền sở hữu.

- *Phương thức bán hàng gửi đại lý:* Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán. Số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên chủ hàng cho đến khi chính thức tiêu thụ. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- *Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp :* Theo tiêu thức tiêu thụ này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi trả chậm, trả góp. Theo phương thức này, khách hàng sẽ thanh toán nhiều tiền hàng thành nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay thời điểm mua, số tiền trả chậm phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Về mặt hạch toán khi giao hàng cho người mua, thu được tiền hoặc xác định được người mua phải trả thì hàng hóa được coi là tiêu thụ.

- *Phương thức hàng đổi hàng:* Là phương thức mà doanh nghiệp mang sản phẩm của mình đổi đi lấy vật tư, hàng hóa không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa đó trên thị trường.

Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT (đối với những đơn vị hạch toán thuế GTGT theo phương

pháp khấu trừ)

- Hóa đơn bán hàng thông thường (đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)

- Hợp đồng kinh tế
- Phiếu thu hoặc giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ liên quan khác

✚ Tài khoản sử dụng:

❖ TK 511” Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

✓ Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” có 4 tài khoản cấp 2

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm
- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5118: Doanh thu khác

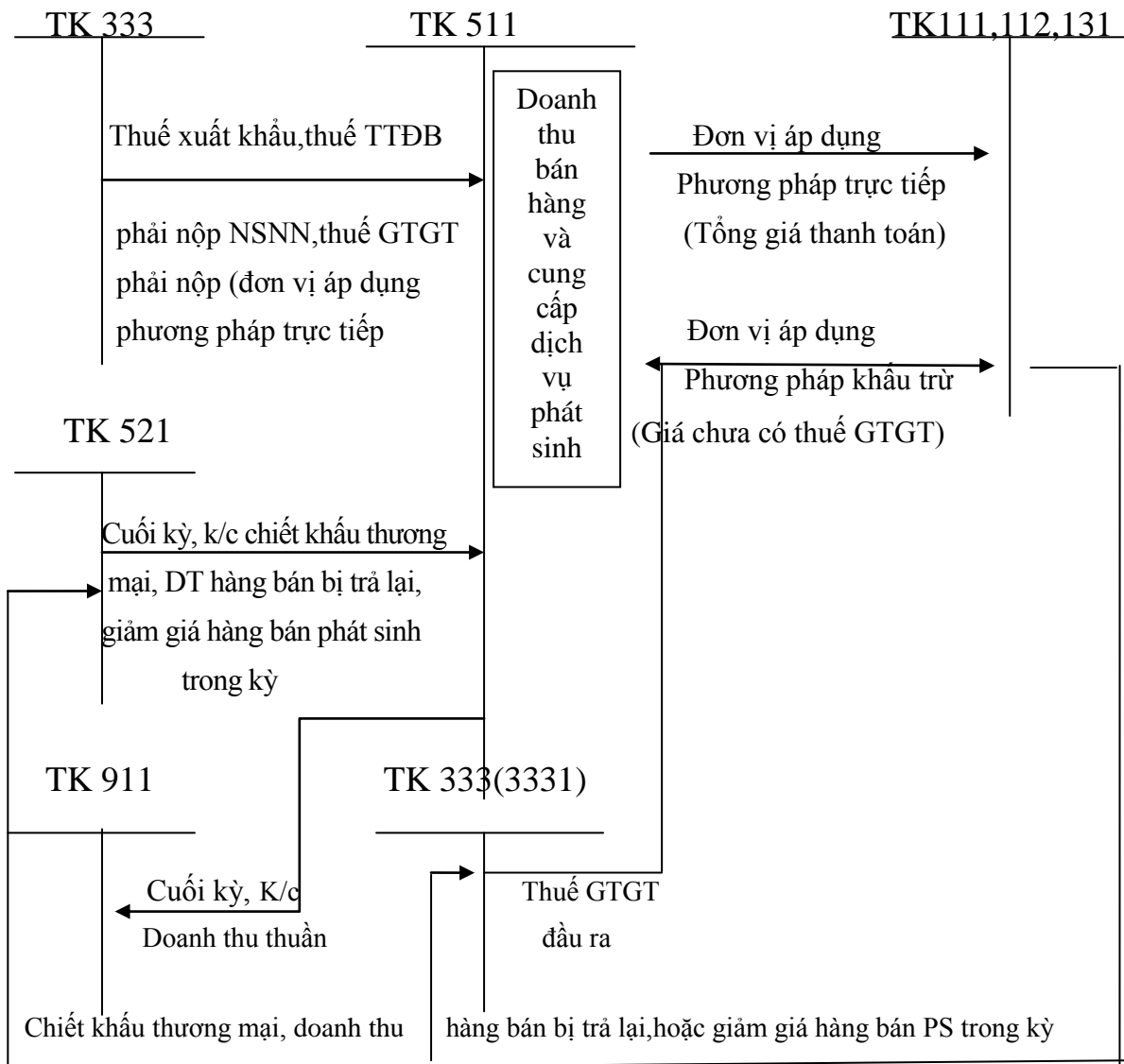
✓ Kết cấu của tài khoản 511

Nợ	TK 511	Có
-Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán; -Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp; -Doanh thu hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ; -Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.		- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

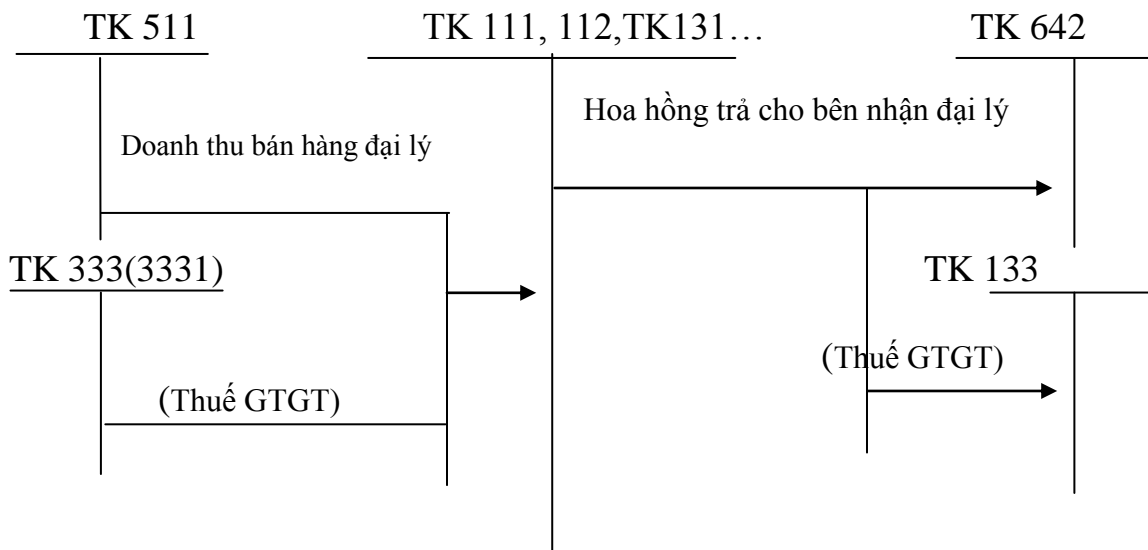
TK 511 không có số dư cuối kỳ

Phương pháp hạch toán :

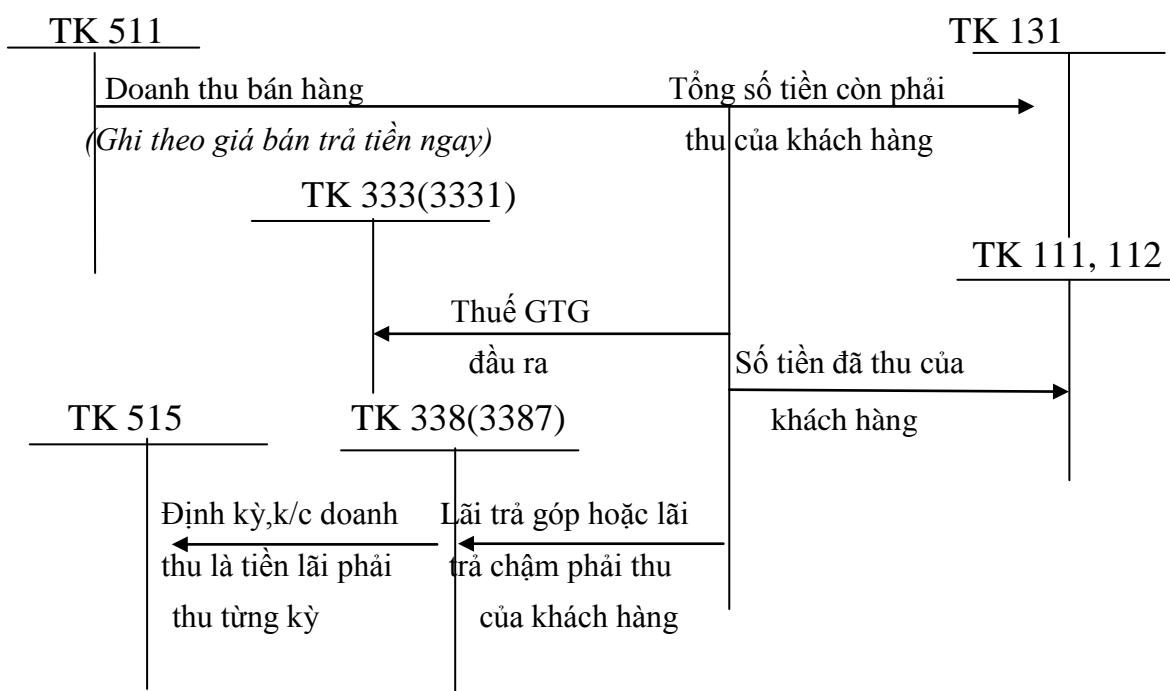
Sơ đồ 1.1. Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



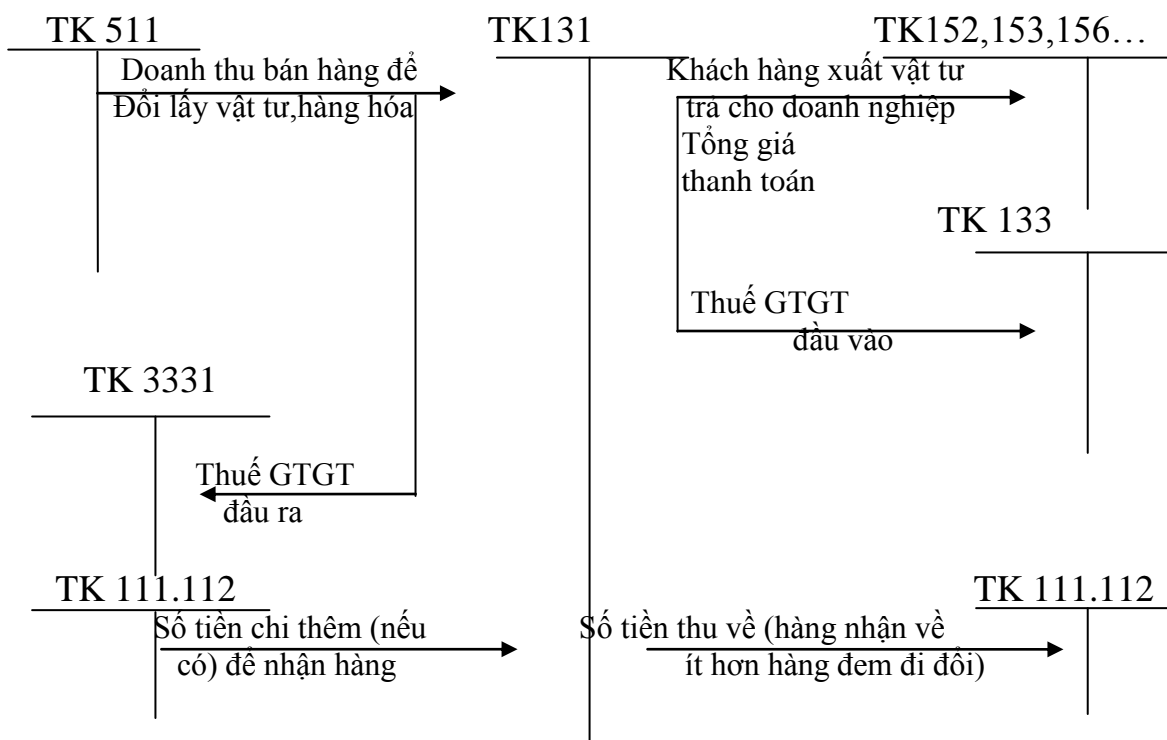
**Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý
(Theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng)**



Sơ đồ 1.3: Kế toán hàng theo phương thức trả chậm trả góp



Sơ đồ 1.4: Kế toán hàng theo phương thức trao đổi hàng



1.4.2. Kế toán khoản giảm trừ doanh thu

📌 Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng thông thường
- Hợp đồng mua bán
- Các chứng từ thanh toán khác như: Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ liên quan như: Phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại...

📌 Tài khoản sử dụng:

➤ Tài khoản 521 “ Các khoản giảm trừ doanh thu”

- Tài khoản 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu, có 3 tài khoản cấp 2:
 - Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại
 - Tài khoản 5212 – Hàng bán bị trả lại
 - Tài khoản 5213 – Giảm giá hàng bán

➤ **Kết cấu của TK 521:**

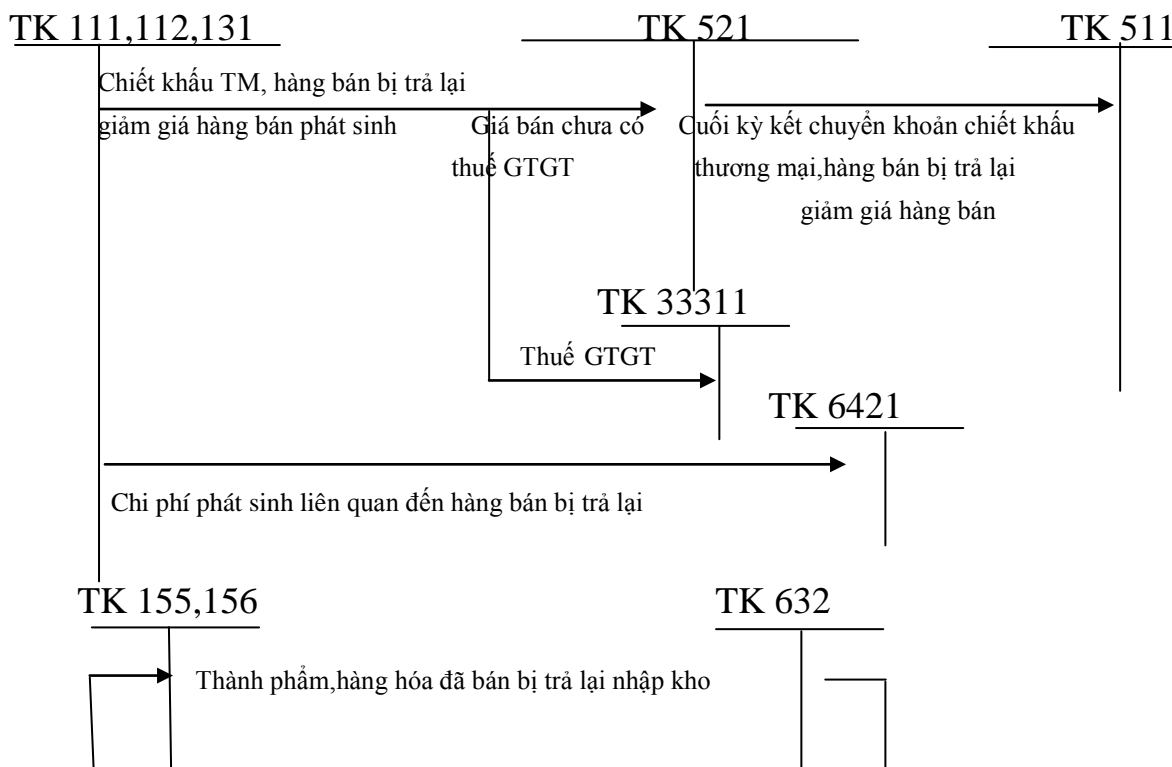
Nợ	TK 521	Có
<p>-Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.</p> <p>-Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.</p> <p>-Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.</p>		<p>-Kết chuyển toàn bộ các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.</p>
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 521 không có số dư cuối kỳ

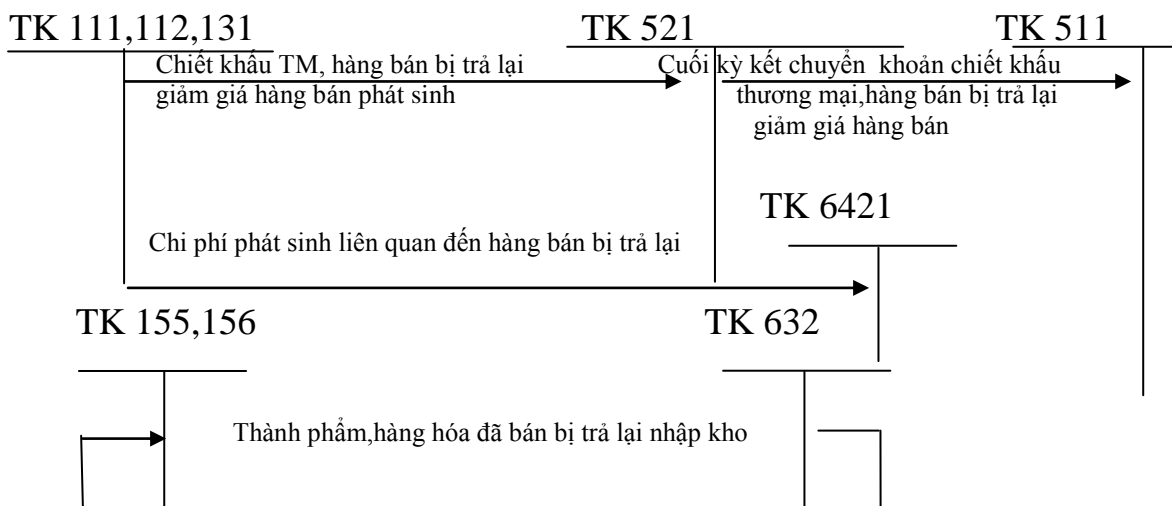
✚ Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

Sơ đồ 1.5.Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ

- Đơn vị tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ



- Đơn vị tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp



1.4.3. Kế toán giá vốn hàng bán

Phương pháp tính trị giá vốn hàng bán:

- *Phương pháp bình quân gia quyền:*

Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá SP, HH nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng SP, HH nhập trong kỳ}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khá đơn giản, dễ thực hiện, nhưng có nhược điểm là công việc sẽ dồn vào cuối kỳ, ảnh hưởng tới tiến độ của các phần hành khác và không phản ánh kịp thời tình hình biến động của hàng hóa.

Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá thực tế SP, HH tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng SP, HH thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở các doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

- *Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO):*

FIFO được áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

- *Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO):*

LIFO được giả định là hàng được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá

của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ.

- *Phương pháp thực tế đích danh:*

Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

✓ **Chứng từ sử dụng:**

Phiếu xuất kho

Các chứng từ khác có liên quan

✓ **Tài khoản sử dụng:**

TK 632 “Giá vốn hàng bán”

Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

✓ **Kết cấu nội dung TK 632:**

Nợ	TK 632	Có
<p>Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh: Trị giá vốn của SP,HH,DV đã bán trong kỳ; Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, vượt trên mức bình thường được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ; Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi đã trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra; Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành; Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.</p> <p>- Đối với hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư: Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kỳ; Chi phí sửa chữa, nâng cấp cải tạo BĐS đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐS đầu tư; Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐS đầu tư trong kỳ; Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán, thanh lý trong kỳ; Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ.</p>		<p>- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang ; Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”; - Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh; -Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước); - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.</p>
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 632 không có số dư cuối kỳ

• Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

- Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại, kế toán giá vốn hàng bán sử dụng thêm tài khoản 611- “Mua hàng”

Nợ	TK 611	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho đầu kỳ (theo kết quả kiểm kê); - Giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, mua vào trong kỳ; hàng hóa đã bị bán trả lại. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá gốc của hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho cuối kỳ (theo kết quả kiểm kê); - Giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ xuất sử dụng trong kỳ, hoặc giá gốc hàng hóa xuất bán (đã được xác định là đã bán trong kỳ); - Giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ mua. 	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 611 không có số dư cuối kỳ

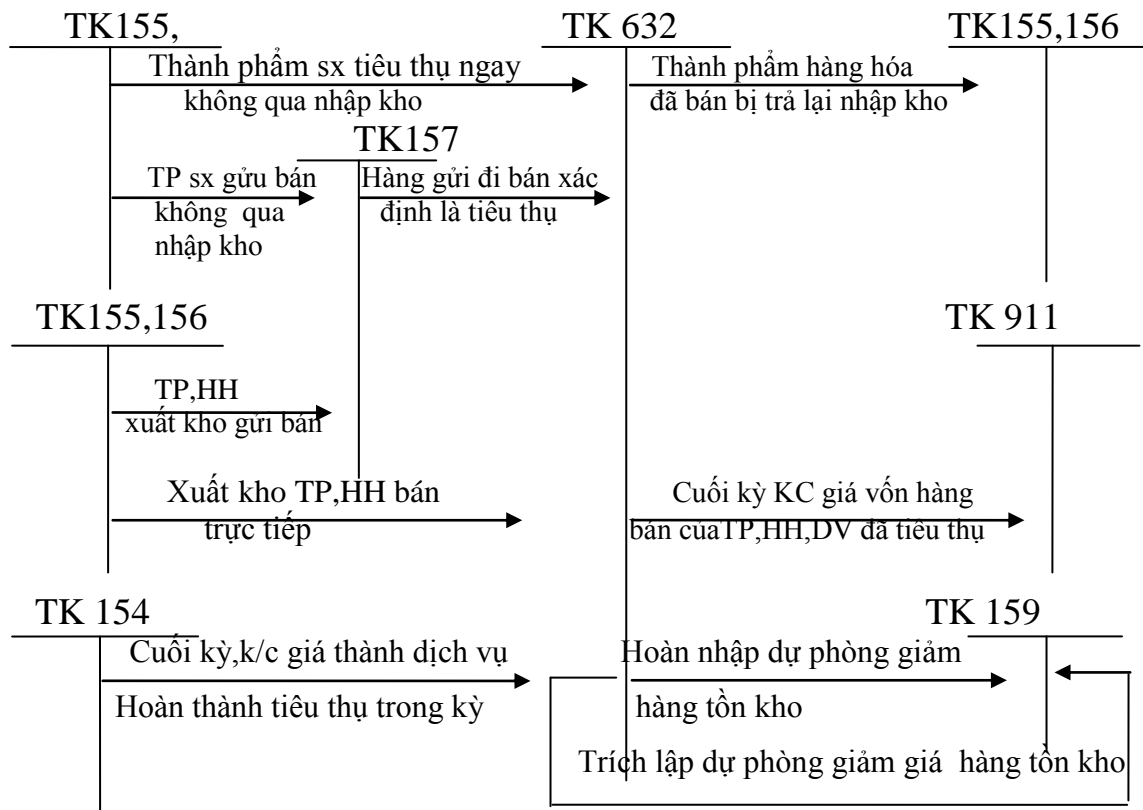
- Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ, kế toán giá vốn hàng bán sử dụng thêm tài khoản 631- “Giá thành sản xuất”

Nợ	TK 631	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ dở dang đầu kỳ; - Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ thực tế phát sinh trong kỳ. 	<ul style="list-style-type: none"> -Giá thành sản phẩm nhập kho, dịch vụ hoàn thành kết chuyển vào tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán” -Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ dở dang cuối kỳ kết chuyển vào tài khoản 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” 	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

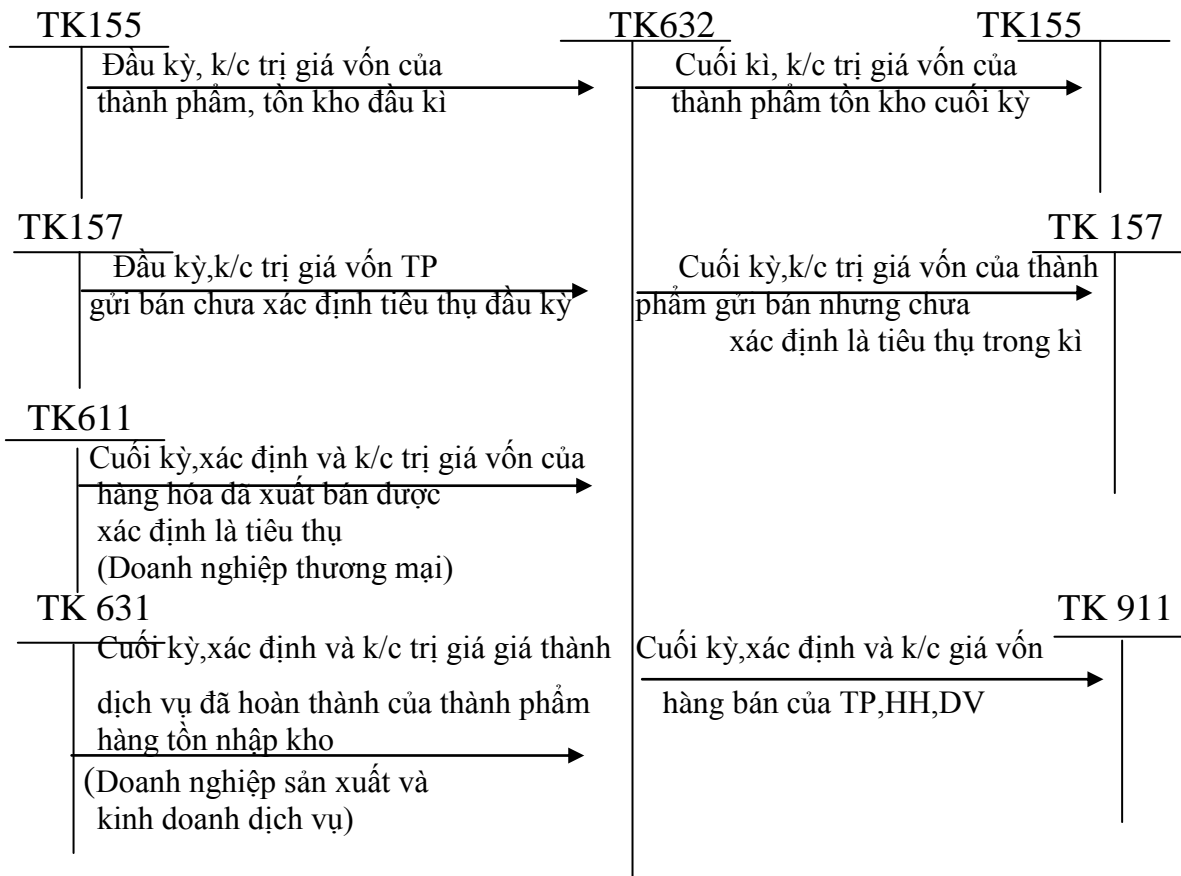
TK 631 không có số dư cuối kỳ

❖ **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.6: Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.7: Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kiểm kê định kỳ



1.4.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

❖ Chứng từ sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu- công cụ dụng cụ
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu chi, Giấy báo nợ của ngân hàng

❖ Tài khoản sử dụng:

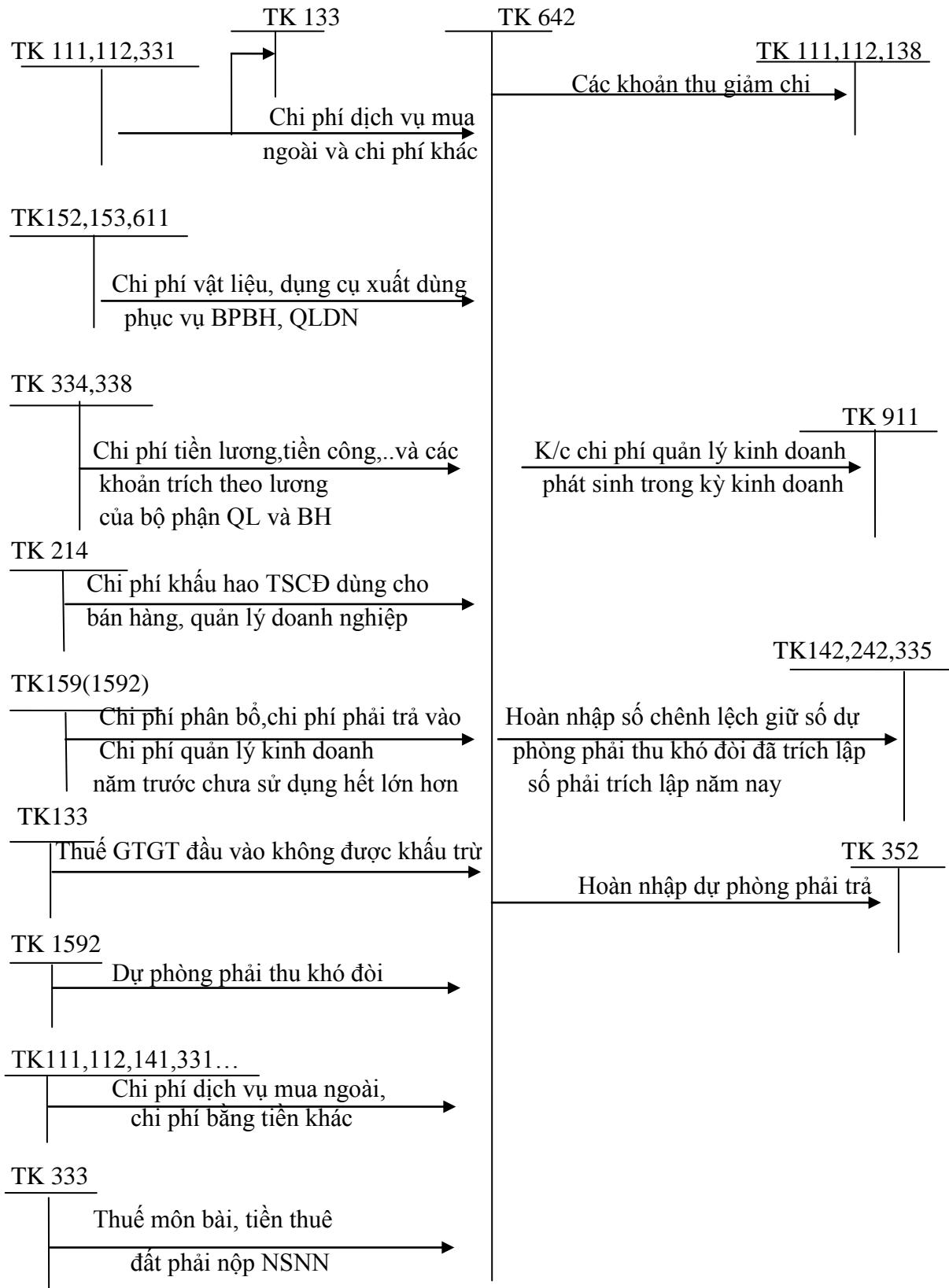
- TK 642 “ Chi phí quản lý kinh doanh”
- ✓ Các TK cấp 2:
 - TK 6421 – Chi phí bán hàng
 - TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp
- ✓ Kết cấu TK 642

Nợ	TK 642	Có
- Chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ; -Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ; -Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết; -Dự phòng trợ cấp mất việc làm.	-Các khoản ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh trong kỳ; - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); -Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 “ Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 642 không có số dư cuối kỳ

❖ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.8: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh



1.4.5. Kế toán hoạt động tài chính

1.4.5.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

❖ Chứng từ sử dụng

- Giấy báo lãi
- Giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu thu và các chứng từ khác liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

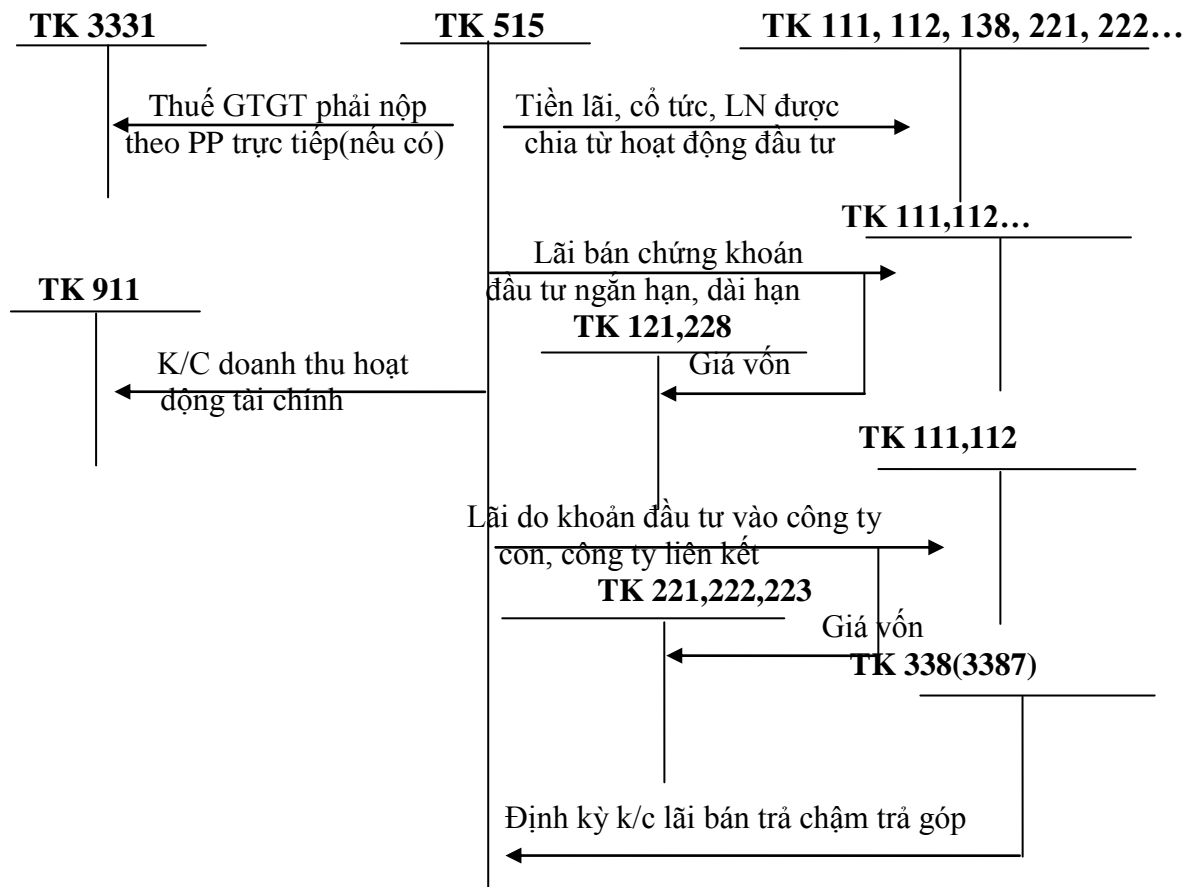
➤ Kết cấu TK 515:

Nợ	TK 515	Có
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có); - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”		- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia; - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; - Chiết khấu thanh toán được hưởng; - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ; - Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh; - Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính; - Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 515 không có số dư cuối kỳ

❖ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.9: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



1.4.5.2. Kế toán chi phí tài chính

❖ Chứng từ sử dụng

- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu kế toán
- Phiếu chi và các chứng từ khác liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

TK 635 “ Chi phí hoạt động tài chính”

- Kết cấu TK 635

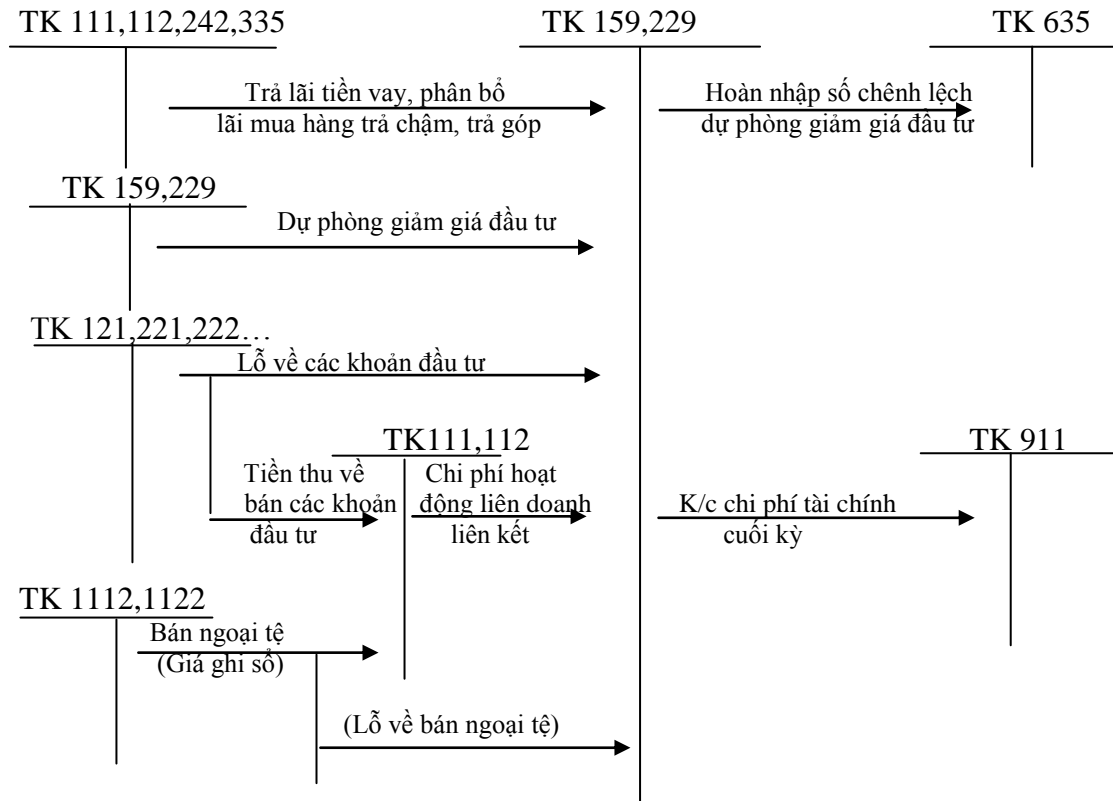
Nợ**TK 635****Có**

<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính; - Lỗ bán ngoại tệ; - Chiết khấu thanh toán cho người mua; - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện); - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh; - Dự phòng giảm giá đầu tư tài chứng khoán; - Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (lỗ tỷ giá – giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính; - Các khoản chi phí tài chính khác. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết); - Cuối kỳ kế toán năm, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.
Tổng số phát sinh nợ	Tổng số phát sinh có

TK 635 không có số dư cuối kỳ

❖ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.9: Kế toán chi phí hoạt động tài chính



1.4.6. Kế toán hoạt động khác

1.4.6.1. Kế toán thu nhập khác

❖ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng...
- Các chứng từ liên quan khác như: Biên bản thanh lý tài sản cố định, Hợp đồng kinh tế....

❖ Tài khoản sử dụng

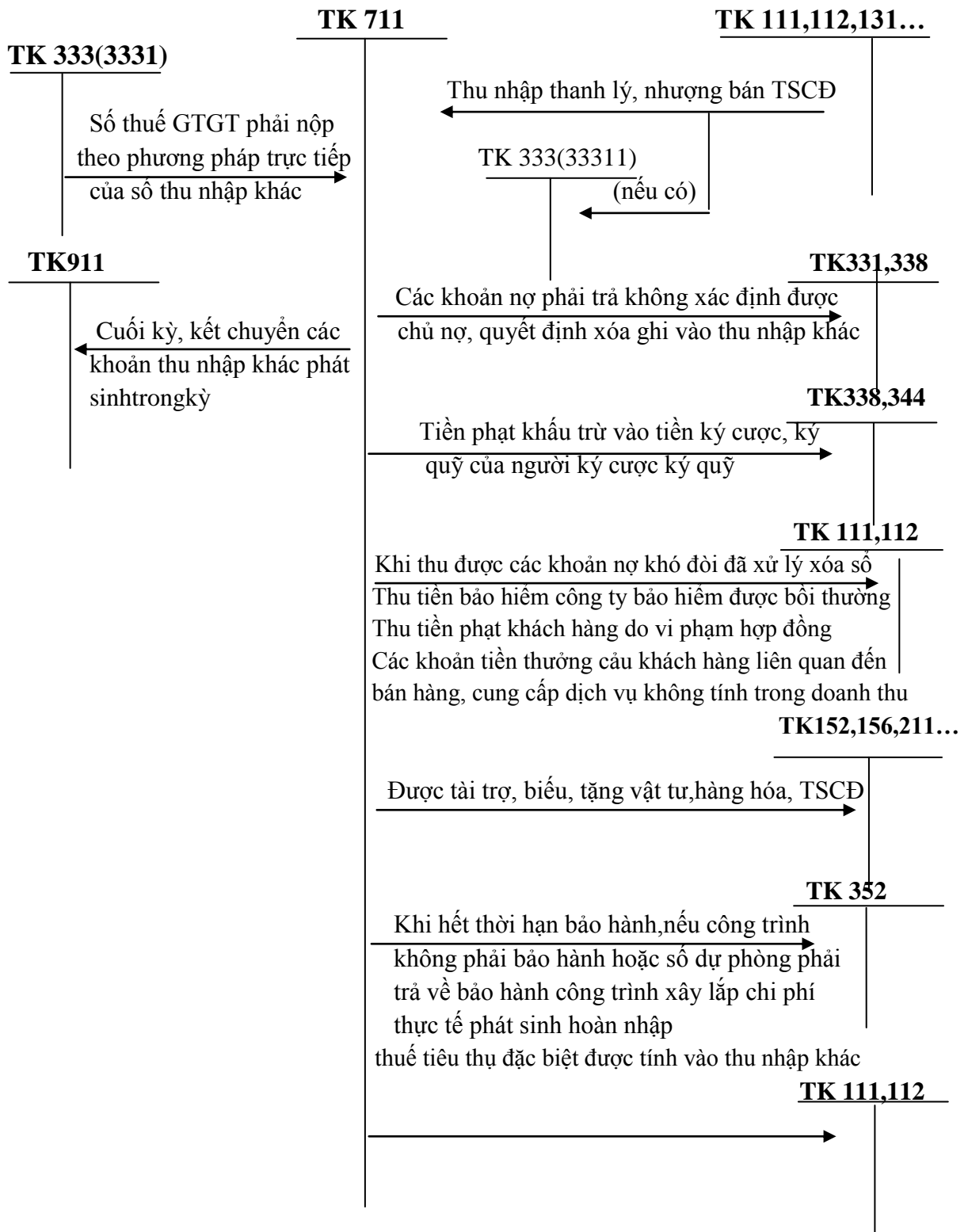
TK 711 “ Thu nhập khác”

- Kết cấu TK 711:

Nợ	TK 711	Có
<p>-Số thuế GTGT phải nộp(nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp</p> <p>-Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”.</p>		<p>Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ</p>
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 711 không có số dư cuối kỳ

❖ Phương pháp hạch toán



1.4.6.2. Kế toán chi phí khác

- ✓ Chứng từ sử dụng
 - Hóa đơn GTGT
 - Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, ủy nhiệm chi, giấy báo nợ của ngân hàng...
 - Phiếu kế toán
 - Các chứng từ liên quan khác

- ✓ Tài khoản sử dụng

TK 811 “ Chi phí khác”

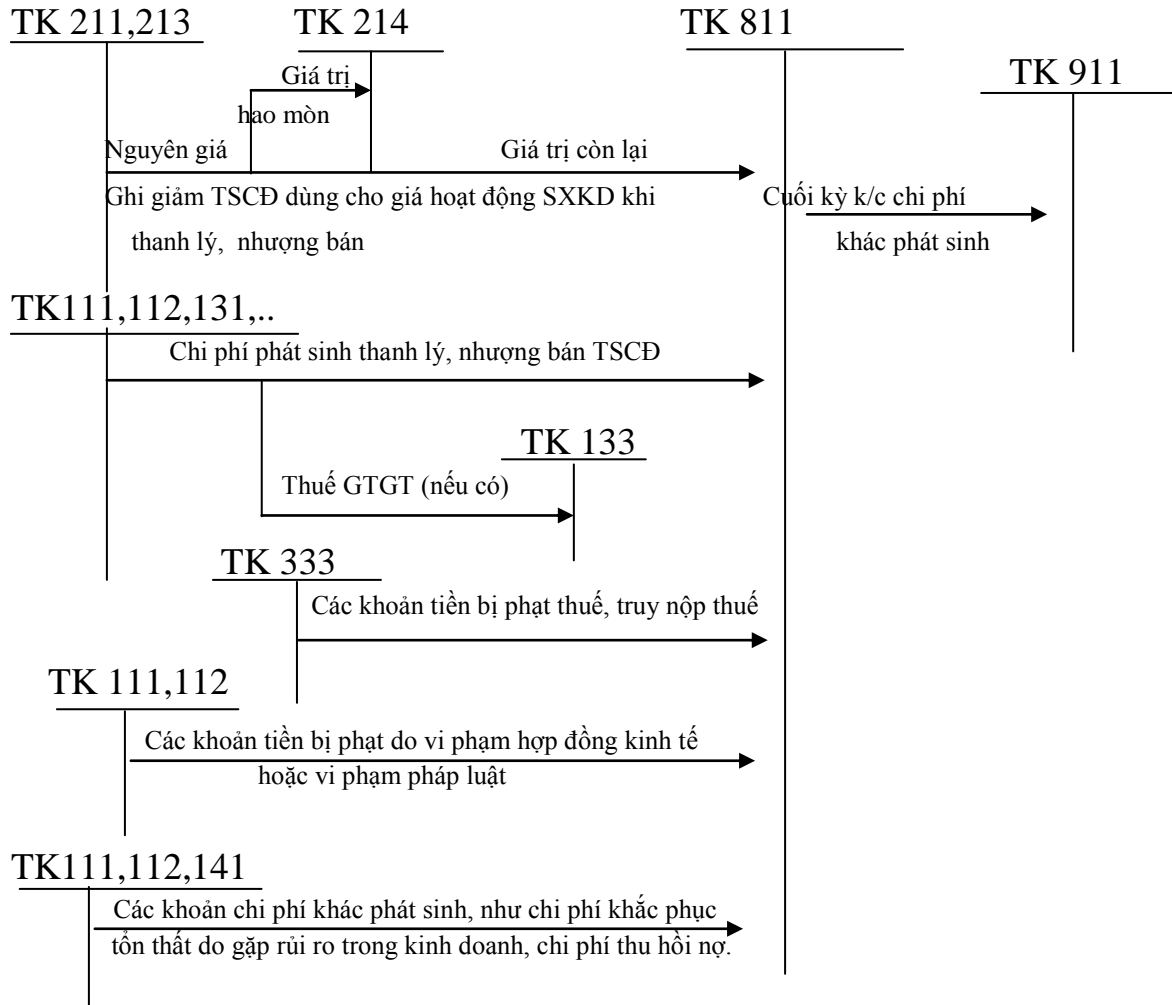
- ✓ Kết cấu TK 811:

Nợ	TK 811	Có
-Tập hợp các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.		-Cuối kỳ, kế toán kết chuyển các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 811 không có số dư cuối kỳ

❖ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.12: Kế toán chi phí khác



1.4.7. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ liên quan khác

❖ **Tài khoản sử dụng:**

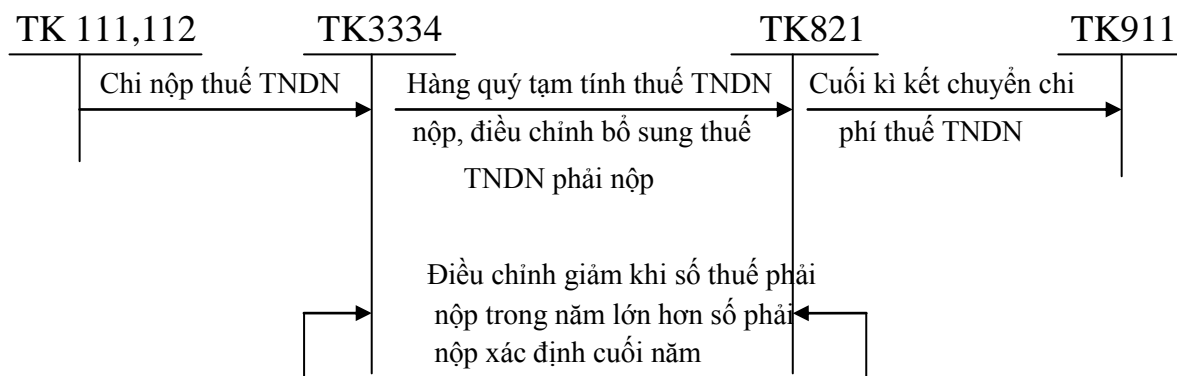
- TK 821 "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp"
- ✓ Kết cấu của TK 821 như sau:

Nợ	TK 821	Có
-Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm; - Chi phí thuế TNDN ghi tăng thêm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.	-Chênh lệch thuế TNDN thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN đã tạm nộp và chi phí thuế TNDN ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước; - Kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 821 không có số dư cuối kỳ

❖ **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.13: Hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành



1.4.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu kế toán

❖ **Tài khoản sử dụng:**

➤ **TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh"**

TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh" dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong một kỳ hạch toán.

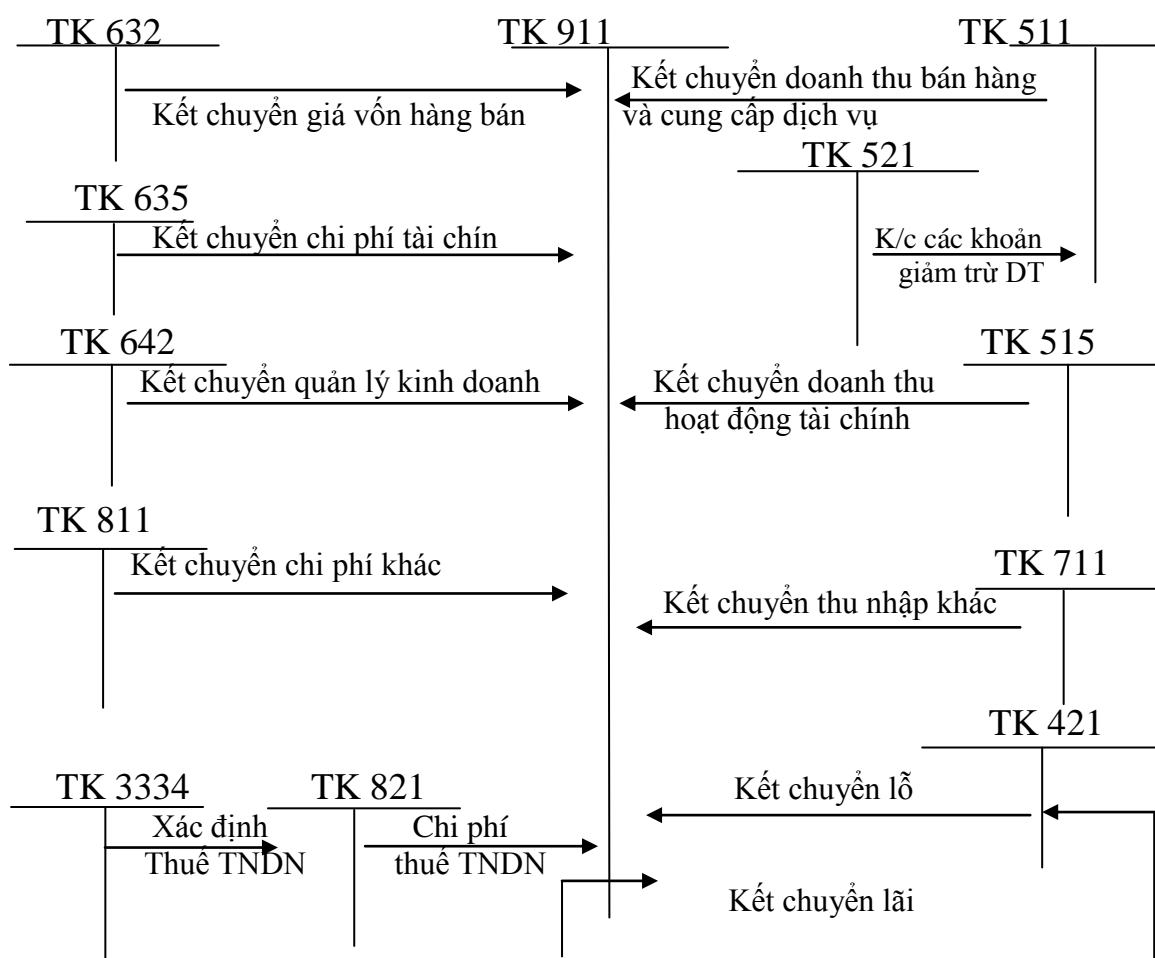
- ✓ Kết cấu của TK 911 như sau:

Nợ	TK 911	Có
- Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa bất động sản đầu tư đã bán và dịch vụ đã cung cấp; - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác; - Chi phí quản lý kinh doanh; - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp; - Kết chuyển lãi.		- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ; - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác; - Kết chuyển lỗ.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 911 không có số dư cuối kỳ

❖ **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.15: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.5. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

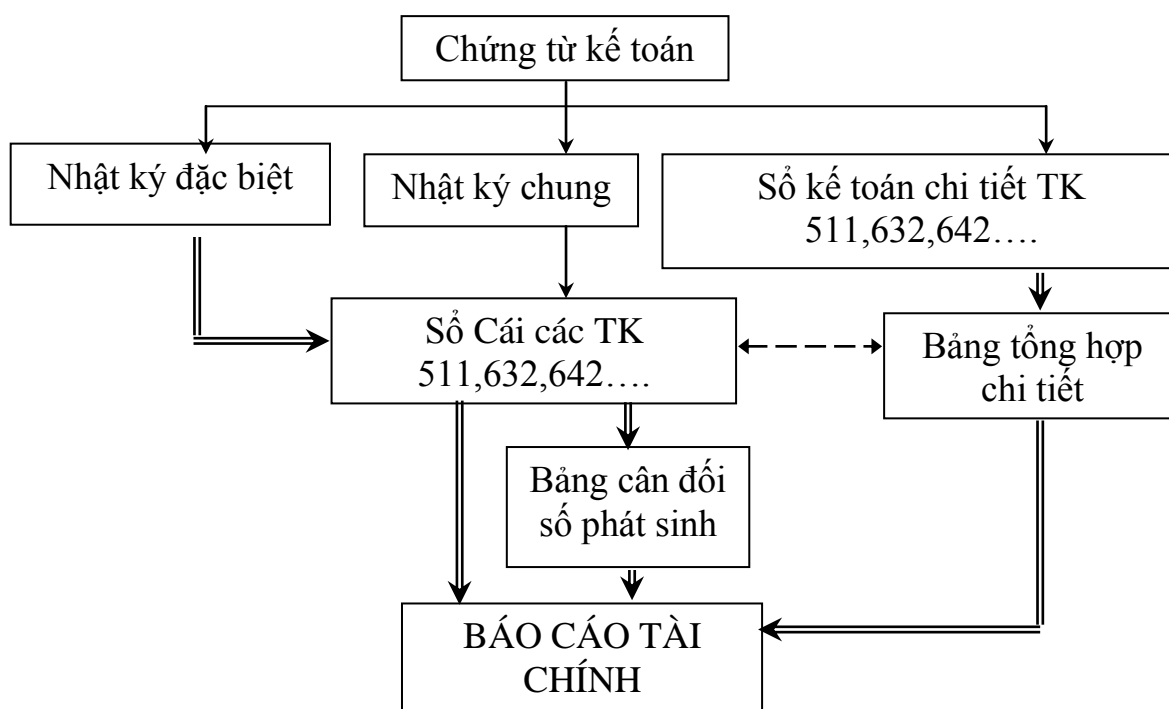
1.5.1. Hình thức Nhật ký chung:

❖ Đặc trưng cơ bản: Tất cả nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải ghi vào Sổ nhật ký chung, trọng tâm là Sổ nhật ký chung, theo thứ tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để chuyển ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

❖ Các loại sổ chủ yếu:

- Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.16: Trình tự kế toán theo hình thức Nhật ký chung



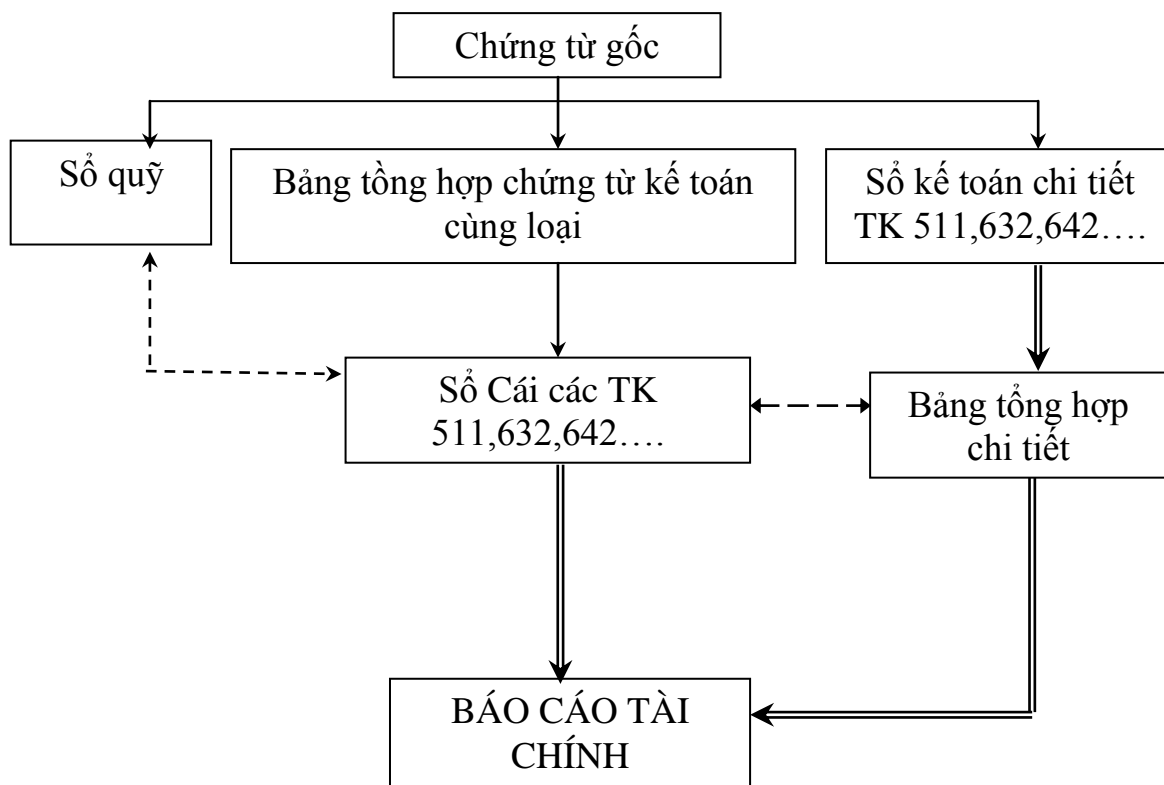
- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
 - ⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
 - ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

1.5.2. Hình thức kế toán Nhật ký - sổ cái

❖ Đặc trưng cơ bản: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ vào sổ Nhật ký - Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

- ❖ Các loại sổ chủ yếu:
 - Nhật ký – Sổ cái
 - Các sổ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.17: Trình tự kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

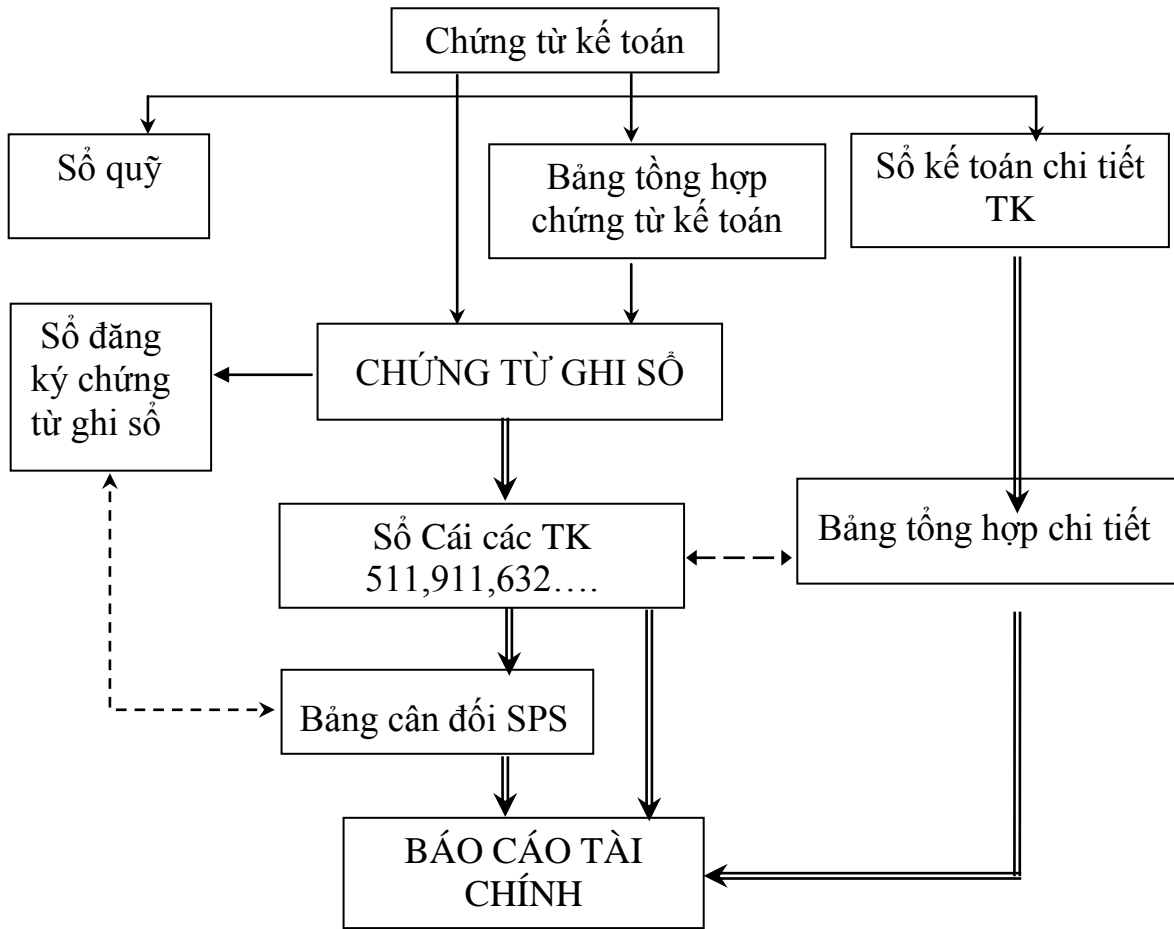


- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
 - ⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
 - ← - - → Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

1.5.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

- ❖ Đặc trưng cơ bản: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”
- ❖ Các loại sổ chủ yếu:
 - ✓ Chứng từ ghi sổ;
 - ✓ Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ;
 - ✓ Sổ cái;
 - ✓ Các sổ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.18: Trình tự kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ



- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
 - ⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
 - ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

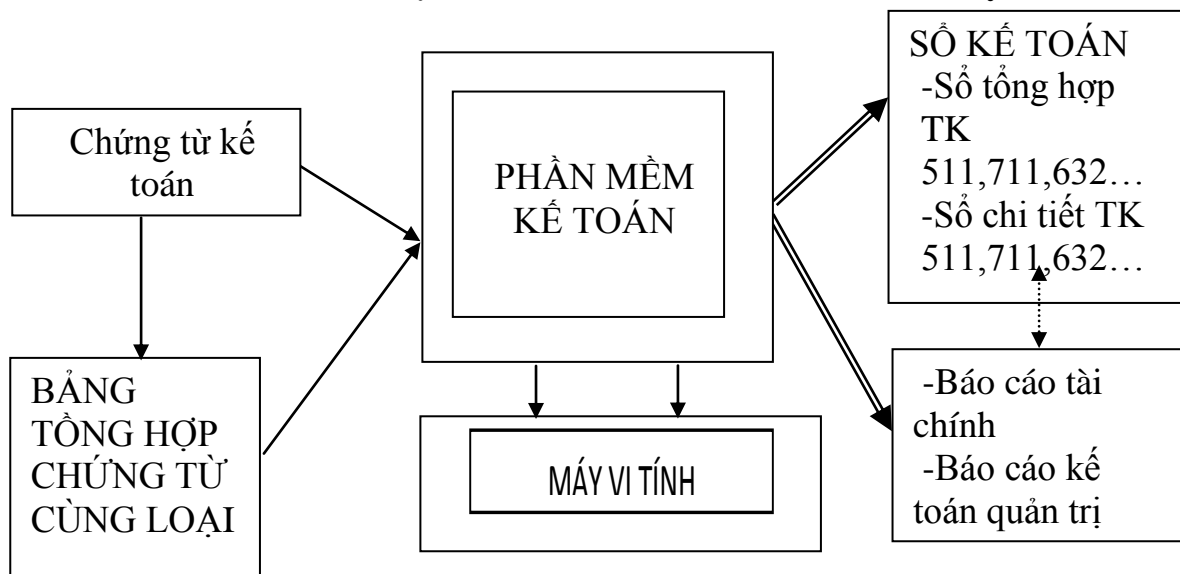
1.5.4. Hình thức kế toán máy

❖ Đặc trưng cơ bản: Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong ba hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây.

❖ Các loại sổ sách của hình thức kế toán máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.19: Trình tự kế toán theo hình thức kế toán máy vi tính



- Ghi chú**
- Nhập số liệu hàng ngày
 - ⇒ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
 - ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG II:
THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÁI GIANG

2.1. Tổng quan chung về công ty

- Công ty cổ phần thương mại Thái Giang được thành lập vào năm 2003 theo giấy phép số 020030000419 do Sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng cấp ngày 31/03/2003. Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 16 tháng 12 năm 2009.

✓ Tên giao dịch : Thai Giang joint Stock Company

✓ Tên viết tắt : ThaiGiang.JSC

✓ Địa chỉ trụ sở chính : Số 105 Lâm Sản – Sở Dầu – Hồng Bàng – Hải Phòng.

✓ Điện thoại : 031.3527244

✓ Fax : 031.3527480

✓ Mã số thuế : 0200534866

✓ Ngành nghề kinh doanh:

❖ Kinh doanh thép

❖ Cung cấp dịch vụ vận tải

✓ Vốn điều lệ : 10.000.000.000 đồng

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty

- Được thành lập từ năm 2003, với vị trí ở gần các công ty đóng tàu, công ty xây dựng và có kho bãi ngay gần công ty, công ty tuy mới mẻ nhưng với sự nỗ lực của anh em trong toàn công ty, Công ty cổ phần thương mại Thái Giang đã dần lấy được niềm tin từ phía khách hàng. Đặc biệt là sự quan tâm của các công ty lớn như: Công ty TNHH MTV Chế tạo thiết bị và đóng tàu Hải Phòng, Công ty cổ phần Lilama 69.2, Công ty cổ phần thiết bị và cầu trục AVC (Hưng Yên), Công ty cổ phần xây dựng, Công ty cổ phần thép Hải Phòng...và một số công ty nhỏ lẻ khác. Tuy thời gian hoạt động chưa thực sự lâu dài nhưng số lượng hàng

tiêu thụ của công ty đã vượt trên các công ty khác cùng ngành. Hoạt động tiêu thụ hàng của công ty đều thông qua những đơn đặt hàng của các Nhà máy, các đơn vị kinh doanh lớn. Bên cạnh việc cung cấp theo đơn đặt hàng cho các đơn vị truyền thống, Công ty cũng bán lẻ cho các hộ gia đình, các doanh nghiệp tư nhân.

- Khách hàng Công ty Cổ phần thương mại Thái Giang hiện nay không chỉ là những khách hàng trong nội ngoại thành Hải Phòng mà còn có cả những khách hàng thường xuyên tại các tỉnh khác như Hưng Yên, Hà Nội, Ninh Bình, Hải Dương... Nhằm hướng tới mục tiêu ngày càng phát triển và mở rộng thị trường trong và ngoài nước, Công ty Cổ phần thương mại Thái Giang dự kiến năm 2014 sẽ mở rộng thị trường sang các nước lân cận.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty

- Kinh doanh các mặt hàng thép như: thép hình các loại, thép tấm, thép ống, thép tròn, thép hộp vuông... với nhiều quy cách và tiêu chuẩn khác nhau.

- Hàng hóa của Công ty được nhập từ nhà máy, xưởng cán thép có uy tín, đảm bảo chất lượng, tất cả các mặt hàng đều có chứng chỉ chứng nhận chất lượng sản phẩm của nhà sản xuất như Công ty Gang thép Thái Nguyên, Công ty Cổ phần thép Hàn Việt, Công ty gang thép Vạn Lợi...

- Ngoài ra Công ty còn cung cấp thêm dịch vụ vận tải: Vận chuyển hàng hóa cho khách hàng mua hàng tại Công ty.

2.1.3 Những thuận lợi, khó khăn trong quá trình hoạt động của công ty Cổ phần thương mại Thái Giang

➤ Thuận lợi:

- Thị trường xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng được dự báo sẽ phát triển trong thời gian tới, do đó các nhu cầu về mặt hàng thép đang ngày một cao thị trường tiêu thụ được mở rộng.

- Đội ngũ nhân viên trẻ, có năng lực, tinh thần trách nhiệm cao với công việc, năng động, luôn nỗ lực hết mình với những sáng tạo mới.

- Trang thiết bị hiện đại, đầy đủ các phương tiện vận tải cần thiết, văn phòng được trang bị đầy đủ máy tính và các phương tiện thông tin liên lạc, đảm bảo phục vụ tốt nhất cho công tác và công việc của mỗi nhân viên và cho hoạt động kinh doanh của công ty.

- Công ty luôn đặt chữ tín lên hàng đầu, đảm bảo chất lượng hàng hóa 100% theo đúng tiêu chuẩn và quy cách của nhà sản xuất vì vậy đã làm hài lòng cả nhưng khách hàng khó tính nhất.

➤ **Khó khăn:**

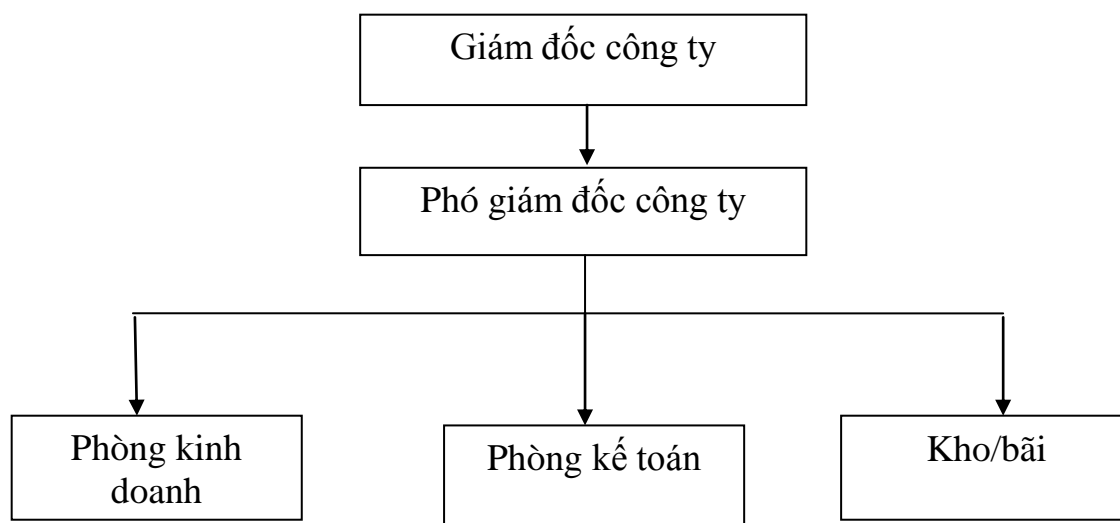
- Do tình hình lạm phát trong nước tăng cao, Chính phủ vẫn phải áp dụng nhiều biện pháp để kiềm chế, trong đó có việc thực hiện chính sách cắt giảm đầu tư công, tạm dừng, hoãn các công trình chưa thật sự cần thiết làm cho thị trường bất động sản năm 2012 đã thực sự rơi vào tình trạng đóng băng. Điều này đã tác động làm cho lượng tiêu thụ thép của công ty giảm.

- Do lượng vốn đầu tư của công ty không lớn, phần lớn là sử dụng vốn đi vay để nhập hàng, mua sắm máy móc thiết bị thậm chí cả phần vốn lưu động cũng phụ thuộc một phần vào vốn đi vay do đó phần lãi suất phải trả là rất lớn.

2.1.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần thương mại Thái Giang

- Bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần thương mại Thái Giang được tổ chức theo mô hình trực tuyến từ Ban giám đốc đến các phòng ban.

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty



❖ Chức năng của các phòng ban như sau:

✚ **Giám đốc công ty** là Người lãnh đạo cao nhất, lập ra các định hướng phát triển cho công ty, đồng thời giám sát bộ máy quản lí, các hoạt động kinh doanh, chính sách nhân sự, tài chính, chất lượng.

✚ **Phó giám đốc** là Người có trách nhiệm cùng với giám đốc quản lý công ty, là người truyền đạt các ý kiến chỉ đạo của giám đốc cho các phòng ban chức năng. Các ý kiến chỉ đạo của Giám đốc là công việc mà các phòng ban phải thực hiện một cách nhanh chóng, thận trọng, chính xác và kịp thời. Phó giám đốc sẽ thông tin lại cho giám đốc tình hình thực hiện của các phòng ban về nhiệm vụ được giao, tiến độ, khả năng thực hiện các phương án và trình lên Giám đốc công ty những phương án khác có hiệu quả hơn cho Công ty.

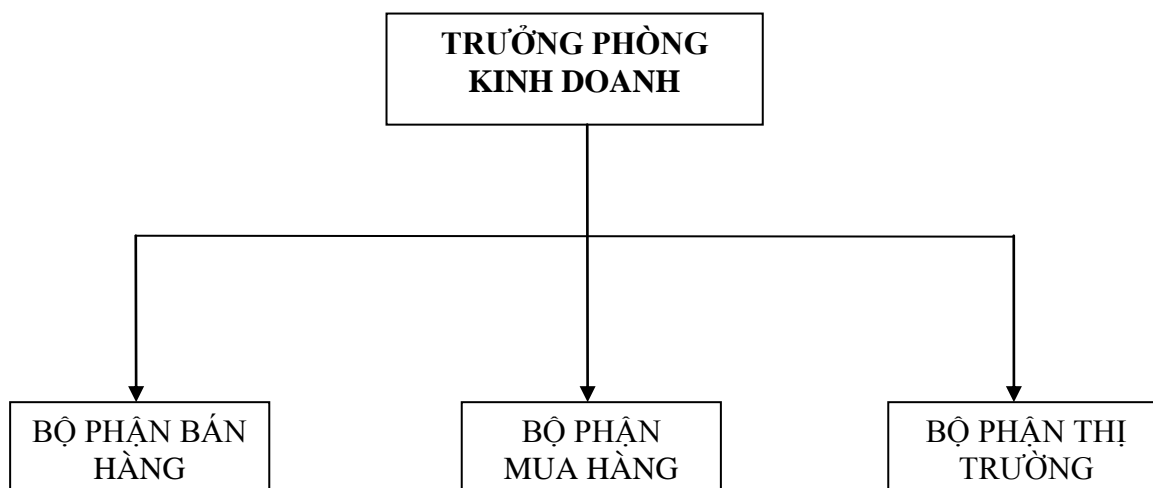
- Phó giám đốc là cầu nối giữa Giám đốc và các phòng ban, Phó giám đốc cũng là người có thể thay thế Giám đốc khi Giám đốc đi công tác hoặc ủy quyền.

✚ **Phòng kinh doanh:** Nhiệm vụ cùng giám đốc và phó giám đốc xây dựng phương án, kế hoạch, hoạt động theo đúng chủ trương của giám đốc. Đối với những mặt hàng tiêu thụ chậm cần phân tích tại sao, phải làm gì để khắc phục tình trạng ứ đọng hàng hóa trong kho. Đối với những mặt hàng mới lần đầu đưa vào kinh doanh cần thăm dò thị trường, nhu cầu cũng như khả năng tiếp

nhận của người mua nhằm mang lại hiệu quả cao trong công tác tiêu thụ. Bên cạnh công tác nghiên cứu thị trường hóa, các thành viên trong phòng cần tìm những khách hàng mới nhằm giúp Công ty đứng vững trên thị trường cạnh tranh như hiện nay. Dù tập trung tìm thị trường mới nhưng vẫn phải quan tâm, chăm sóc, tạo sự tin tưởng hơn nữa đối với những khách hàng truyền thống nhằm làm tăng thêm khả năng cạnh tranh trên thị trường.

✓ Đây là phòng có chức năng vô cùng quan trọng trong việc tạo ra nguồn doanh thu và lợi nhuận cao hơn cho Công ty, góp phần quyết định sự tồn tại công ty.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức phòng kinh doanh



✓ Phòng kinh doanh gồm một trưởng phòng và ba bộ phận hoạt động theo sự chỉ đạo của trưởng phòng kinh doanh.

▪ Bộ phận bán hàng

- Có nhiệm vụ giao nhận hàng hóa đúng chủng loại, quy cách, số lượng theo yêu cầu. Chịu trách nhiệm với khách hàng, thông báo về khả năng, ngày giờ cung cấp hàng. Đảm bảo về số lượng, chất lượng, giá cả khi giao nhận hàng hóa nhằm giúp cho công tác kế toán được chính xác về số liệu.

▪ Bộ phận mua hàng

- Tìm hiểu những nhà cung cấp bán có giá thấp, đảm bảo chất lượng hàng hóa đồng thời tìm hiểu, khai thác những nhà cung cấp mới. Sang năm 2014,

Công ty dự định sẽ giao dịch với nhà cung cấp nước ngoài, vì vậy bộ phận này rất quan trọng trong việc tư vấn cho lãnh đạo về nhà cung cấp nào có thể bắt tay.

- Bộ phận thị trường

- Tập trung thăm dò thị trường, quảng bá nhãn hiệu của công ty cho các khách hàng, thực hiện tốt công tác chăm sóc khách hàng một cách thường xuyên, thu nhập giúp cho các nhà lãnh đạo có các phương án nhằm thúc đẩy kinh doanh. Đồng thời, những thành viên thuộc bộ phận này cũng cần nghiên cứu thị trường trong và ngoài nước để có thể đưa ra các phương án giúp nhà quản trị có định hướng đúng đắn trong việc thúc đẩy tiêu thụ hàng hóa, tăng doanh thu và lợi nhuận.

- Thường xuyên có những báo cáo chính xác, kịp thời về tình hình thị trường hàng hóa như thị trường giá cả các mặt hàng trong và ngoài nước nhằm giúp cho Ban Giám đốc có những kế hoạch kịp thời, đúng đắn.

- ✚ **Phòng kế toán:** Đây là phòng có nhiệm vụ thu thập số liệu, quản lý và kiểm tra chính xác các số liệu, kiểm soát các hoạt động thanh toán, hạch toán nhằm báo cáo kịp thời cho giám đốc công ty, nhằm giúp Giám đốc có những biện pháp kịp thời về tình hình tài chính của công ty.

- ✚ **Kho/bãi:** là nơi lưu giữ và chứa hàng hóa của công ty.

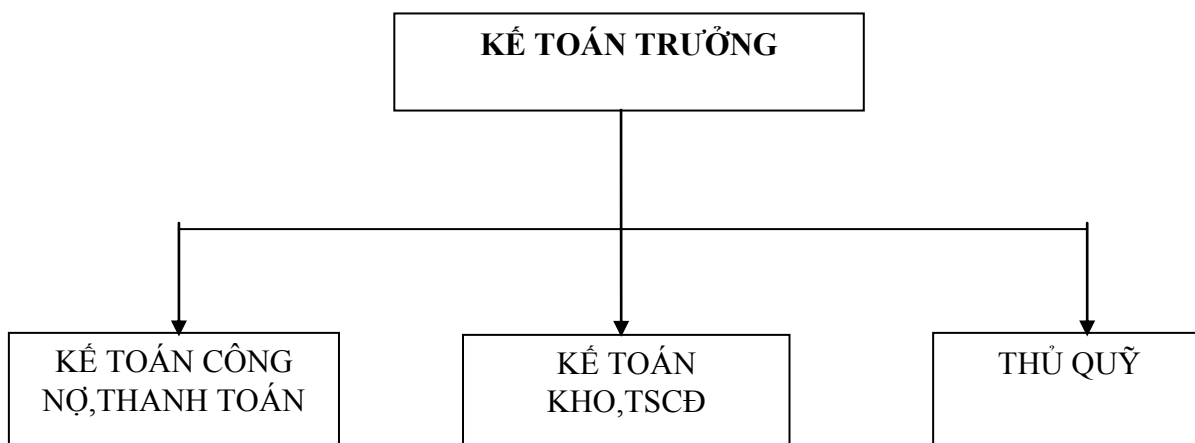
2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của Công ty cổ phần thương mại

Thái Giang

2.1.5.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán

- Công ty Cổ phần thương mại Thái Giang tổ chức công tác kế toán theo hình thức tập trung, mọi công việc kế toán được thực hiện tập trung tại phòng kế toán của công ty.

Sơ đồ 2.3 : Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty



Nhân viên phòng kế toán được phân công những nhiệm vụ cụ thể như sau:

✚ **Kế toán trưởng:** Thu thập thông tin, xử lý thông tin từ các bộ phận, cung cấp thông tin cho công tác quản lý, đưa ra những biện pháp giúp Giám đốc thực hiện tốt các kế hoạch tài chính và báo cáo theo quy định Nhà nước.

- Chịu sự chỉ đạo, điều hành của kế toán trưởng là kế toán công nợ - thanh toán, kế toán kho-TSCĐ, thủ quỹ.

▪ **Kế toán công nợ - thanh toán**

- Chịu trách nhiệm theo dõi các khoản phải thu, phải trả nhà cung cấp một cách chính xác, đối chiếu công nợ với khách hàng thường xuyên, thanh toán cho nhà cung cấp đúng hạn nhằm tạo ra sự tin cậy làm ăn lâu dài ở nhà cung cấp.

- Kế toán công nợ - thanh toán còn phải theo dõi số dư tài khoản tại ngân hàng để thông báo kịp thời cho Giám đốc công ty.

▪ **Kế toán kho – TSCĐ**

- Có nhiệm vụ theo dõi lượng hàng nhập – xuất – tồn, phản ánh giá trị hiện thời và tình hình tăng giảm các loại hàng hóa của công ty, phát hiện hàng còn ứ đọng để thông báo cho cấp trên có biện pháp tiêu thụ kịp thời. Khi phát hiện có sự chênh lệch hàng hóa trong thực tế với sổ sách cần kiểm tra, xác minh nguyên nhân rồi thông báo cho cấp trên.

- Ghi chép, phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời số hiện có tình hình tăng giảm TSCĐ của Công ty nói chung và của từng bộ phận trong Công ty nói riêng.

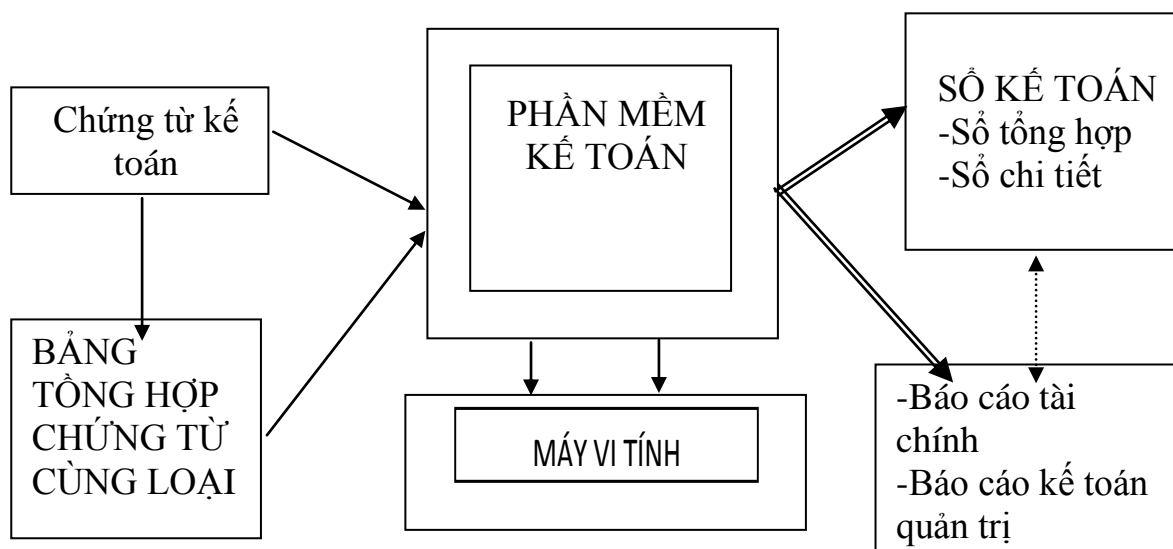
Tính toán chính xác, kịp thời số liệu khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí khấu hao TSCĐ. Đặc biệt nhiệm vụ của kế toán TSCĐ là phải kiểm tra chặt chẽ các khoản chi phí sửa chữa TSCĐ.

▪ **Thủ quỹ:** Chịu trách nhiệm quản lý quỹ, thu chi tiền. Kiểm kê, kiểm tra số quỹ tồn và phản ánh chính xác kịp thời đầy đủ số liệu hiện có, tình hình biến động vốn bằng tiền trong công ty.

2.1.5.2. Hình thức kế toán, chế độ kế toán và phương pháp áp dụng

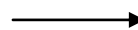
- ♦ Niên độ kế toán được tính từ ngày 01/01/N đến 31/12/N
- ♦ Chế độ kế toán áp dụng theo quyết định số 48 ngày 14/09/2009 của Bộ trưởng Bộ BTC.
- ♦ Đơn vị sử dụng trong ghi chép sổ kế toán: VNĐ
- ♦ Phương pháp khấu hao TSCĐ: Phương pháp đường thẳng
- ♦ Phương pháp tính giá xuất kho: Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ
- ♦ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên
- ♦ Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ
- ♦ Hình thức kế toán: Trên máy vi tính, hiện công ty đang sử dụng phần mềm kế toán Adsoft.

Sơ đồ 2.4: Sơ đồ hạch toán kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

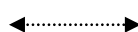
Nhập số liệu hàng ngày



In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm



Đối chiếu và kiểm tra



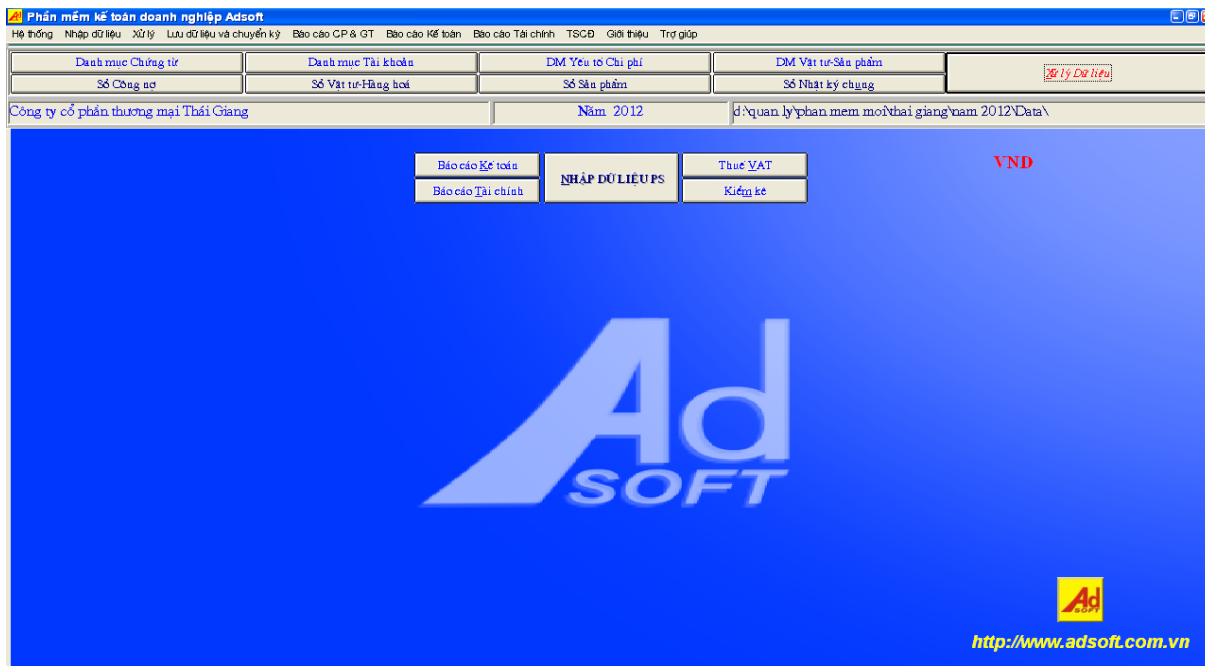
- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra xác định các tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có để nhập vào máy tính theo bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán máy. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được nhập vào máy sẽ tự động nhập vào sổ nhật ký chung và sổ cái.

- Cuối tháng (hoặc bất kỳ thời điểm nào cần thiết), kế toán thực hiện thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa các số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra đối chiếu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

- Thực hiện các thao tác để in ấn báo cáo tài chính theo quy định.

- Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Từ màn hình Window, kích đúp chuột vào phần mềm kế toán **AdSoft**, nhập tên và mật khẩu của người sử dụng, giao diện màn hình sẽ hiện như sau:



2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thương mại Thái Giang.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

✓ Chứng từ sử dụng

Hợp đồng kinh tế

Hóa đơn giá trị gia tăng

Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có

Các chứng từ liên quan khác.

✓ Tài khoản sử dụng

TK 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ"

TK 5111 "Doanh thu bán hàng hóa"

TK 5113 "Doanh thu cung cấp dịch vụ"

✓ **Phương thức bán hàng** của công ty là phương thức bán hàng trực tiếp.

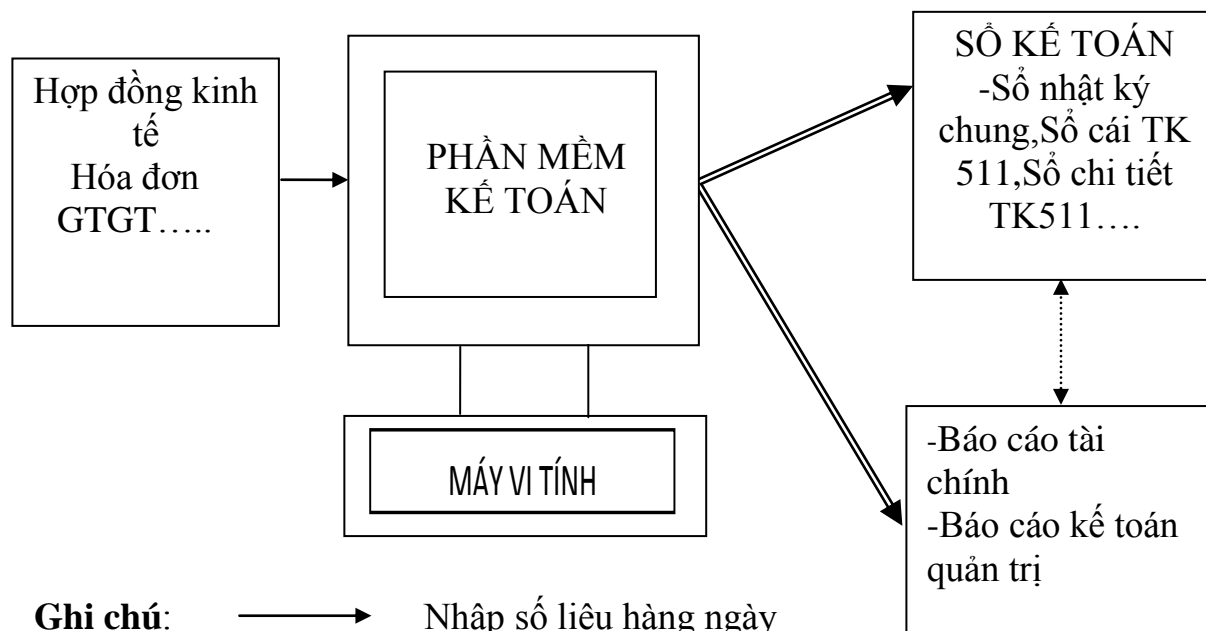
✓ **Hình thức thanh toán**

- Tiền mặt

- Chuyển khoản

✓ Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp tại Công ty cổ phần thương mại Thái Giang



- Ghi chú:**
- Nhập số liệu hàng ngày
 - ==> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm
 - ←-.-> Đối chiếu và kiểm tra

Ví dụ 1: Ngày 07/12/2012, Công ty bán 1 lô thép hình cho công ty Cổ phần Thương Mại Trung Sơn, số lượng 2560kg, đơn giá 13.909(đ/Kg), chưa thu tiền.

✓ Căn cứ vào hợp đồng kinh tế giữa công ty Cổ phần Thương Mại Trung Sơn và công ty, kế toán tiến hành lập hóa đơn giá trị gia tăng số 0000587.

Biểu số 1: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000587

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số : 01GTKT3/001		
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu : AA/11P		
Ngày 07 tháng 12 năm 2012			Số : 0000587		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÁI GIANG					
Mã số thuế : 0200534866					
Địa chỉ: Số 105 Lâm Sản, Sở Dầu, Hồng Bàng					
Điện thoại: 031.3527244 Fax: 031.3527480					
Số tài khoản: 32110000032224 Tại NH Đầu tư và Phát triển HP					
Đơn vị mua hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TRUNG SƠN					
Mã số thuế : 0200559772					
Địa chỉ : Số 23/52 đường Hà Nội, Sở Dầu, Hồng Bàng					
Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Số tài khoản: 02001018000622					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	2	3	4	5	6 = 4 x 5
01	Thép hình	Kg	2560	13.909	35.607.040
Cộng tiền hàng:					35.607.040
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		3.560.704	
Tổng cộng tiền thanh toán:					39.167.744
Số tiền viết bằng chữ : Ba chín triệu, một trăm sáu bảy nghìn, bảy trăm bốn bốn đồng.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000587, kế toán nhập số liệu vào phần mềm kế toán theo trình tự sau:

- Từ màn hình Window, kích đúp chuột vào biểu tượng phần mềm **Adsoft**, kế toán nhập tên và mật khẩu của mình để vào phần mềm. Chọn *Nhập dữ liệu*

phát sinh /Phiếu thu tiền mặt(nếu bán hàng thu ngay bằng tiền mặt) hoặc Chọn hóa đơn bán hàng (nếu bán hàng chưa thu được tiền ngay), để nhập số liệu từ hóa đơn giá trị gia tăng. Sau đó, kích chọn “Nhập” số liệu sẽ tự động chuyển vào sổ nhật ký chung, sổ cái TK5111, sổ chi tiết TK5111.

Màn hình giao diện hóa đơn bán hàng

➤ Để in Sổ Nhật ký chung, Chọn phân hệ Báo cáo kế toán/Sổ nhật ký chung. Tại mục “ kỳ phát sinh”: chọn tất cả(cả năm). Sau cùng chọn OK để xem, ấn Ctrl P để in.

Biểu số 2: Sổ Nhật ký chung

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
 CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÁI
 GIANG
 Số 105 Lâm Sơn, Sò Dầu, Hồng Bàng

Mẫu số : S38-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính : VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu				Nợ	Có
.....
04/12/2012	PT04	Rút tiền nhập quỹ	x	1111	400.000.000	
04/12/2012	PT04	Rút tiền nhập quỹ	x	1123		400.000.000
.....
07/12/2012	PX 0000587	Xuất bán hàng hóa	x	632	34.667.520	
07/12/2012	PX 0000587	Xuất bán hàng hóa	x	156		34.667.520
07/12/2012	HD 0000587	Xuất bán bán hàng	x	131	39.167.744	
07/12/2012	HD 0000587	Xuất bán hàng hóa	x	5111		35.607.040
07/12/2012	HD 0000587	Xuất bán hàng hóa	x	3331		3.560.704
....
18/12/2012	PC14	Thanh toán tiền xăng	x	642	1.894.050	
18/12/2012	PC14	Thanh toán tiền xăng	x	1331	189.405	
18/12/2012	PC14	Thanh toán tiền xăng	x	1111		2.083.455
.....
		Tổng cộng SPS			1.096.963.193.771	1.096.963.193.771

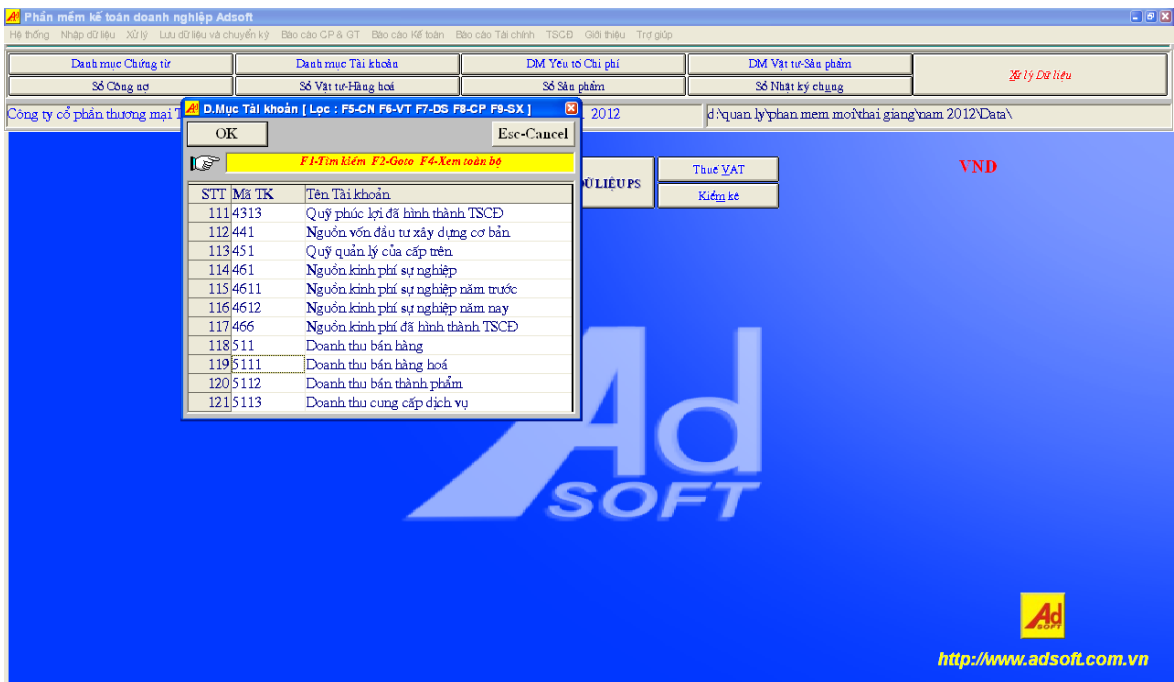
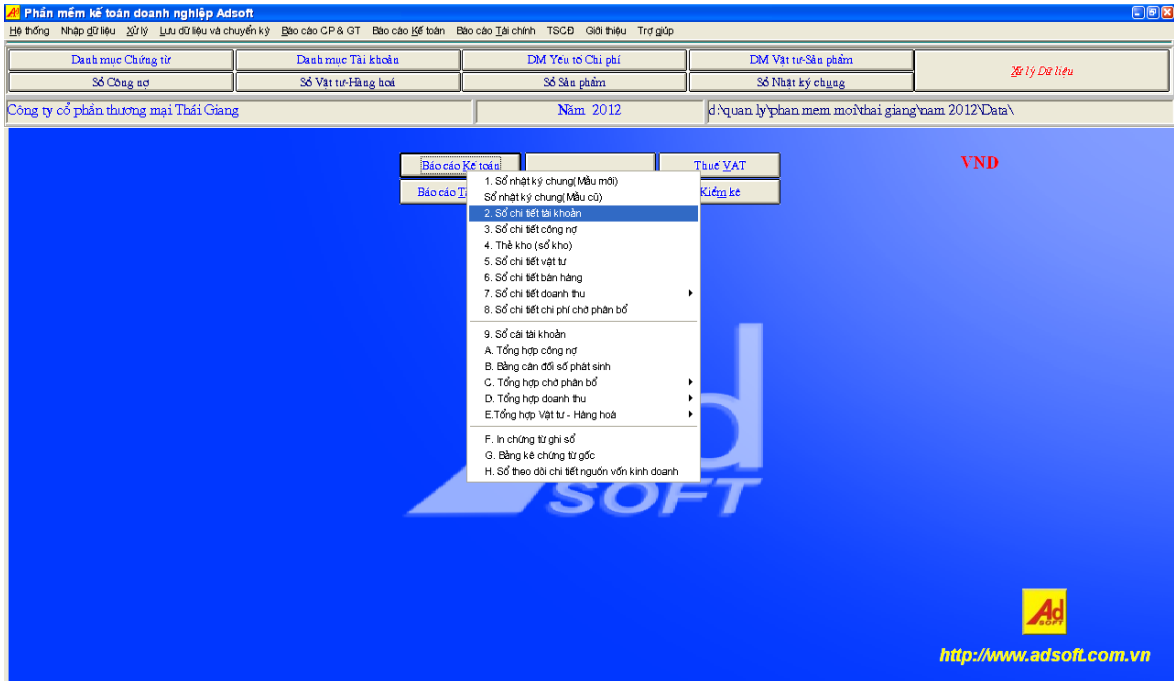
Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ và tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ và tên)

Giám đốc
(Ký, họ và tên, đóng dấu)

➤ Để in Sổ chi tiết, chọn phân hệ Báo cáo kế toán/Sổ chi tiết tài khoản/TK 5111/OK. Tại mục “ kỳ phát sinh”: chọn tất cả(cả năm). Sau cùng chọn OK để xem, ấn Ctrl P để in.



Biểu số 3: Sổ chi tiết

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Mẫu số : S38-DNN

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÁI GIANG

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)

Số 105 Lâm Sơn, Sò Dầu, Hồng Bàng

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản 5111– Doanh thu bán hàng hóa

Năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
.....
PT03	03/12/ 2012	Thu tiền bán hàng	1111		931.903
.....
HD 0000587	07/12/ 2012	Xuất bán hàng hóa	131		35.607.040
HD 0000588	08/12/ 2012	Xuất bán hàng hóa	131		138.029.300
HD 0000589	10/12/ 2012	Xuất bán hàng hóa	131		24.340.578
HD 0000590	12/12/ 2012	Xuất bán hàng hóa	131		25.678.980
.....
PKT	31/12/ 2012	Kết chuyển KQKD	911	120.820.585.213	
		Cộng số phát sinh		120.820.585.213	120.820.585.213
		Số dư cuối kỳ			

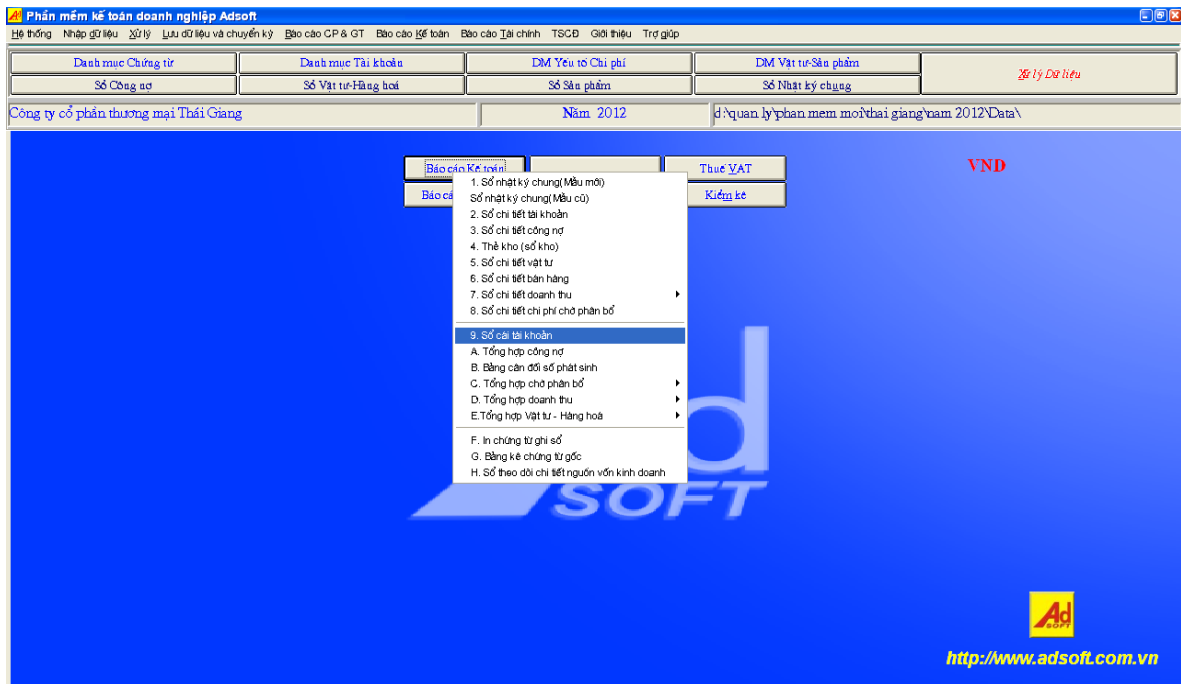
Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu**Kế toán**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

➤ Để in Sổ cái, chọn phân hệ *Báo cáo kế toán/Sổ cái/ TK 511/OK*. Tại mục “*kỳ phát sinh*”: chọn tất cả(cả năm). Sau cùng chọn OK để xem, ấn Ctrl P để in.



Biểu số 4 : Sổ Cái

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÁI GIANG
Số 105 Lâm Sơn, Sở Dầu, Hồng Bàng

Mẫu số: S03b –DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 511– Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

STT	TÀI KHOẢN ĐỐI ƯNG		SỐ PHÁT SINH TRONG KỲ	
	Mã	Tên	NỢ	CÓ
1	1111	Tiền Việt Nam		246.550.388
2	131	Phải thu khách hàng		121.163.499.372
3	911	Xác định kết quả kinh doanh	121.410.049.760	
TỔNG CỘNG :			121.410.049.760	121.410.049.760

Số dư đầu kỳ : 0 VNĐ

Số dư cuối kỳ : 0 VNĐ

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

- Công ty Cổ phần thương mại Thái Giang tính giá vốn xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ (theo tháng) nên giá vốn được tính vào cuối tháng. Đến cuối tháng, kế toán vào phân hệ *Xử lý/ Tính lại giá vật tư theo phương pháp bình quân cuối tháng/ chọn tháng cần tính/OK*. Máy tính sẽ tự động tính ra giá vốn hàng bán đơn vị bình quân đơn giá vật tư và phần mềm sẽ tự động cập nhật vào các chứng từ liên quan.

✓ **Tài khoản sử dụng**

TK 632 “ Giá vốn hàng bán “

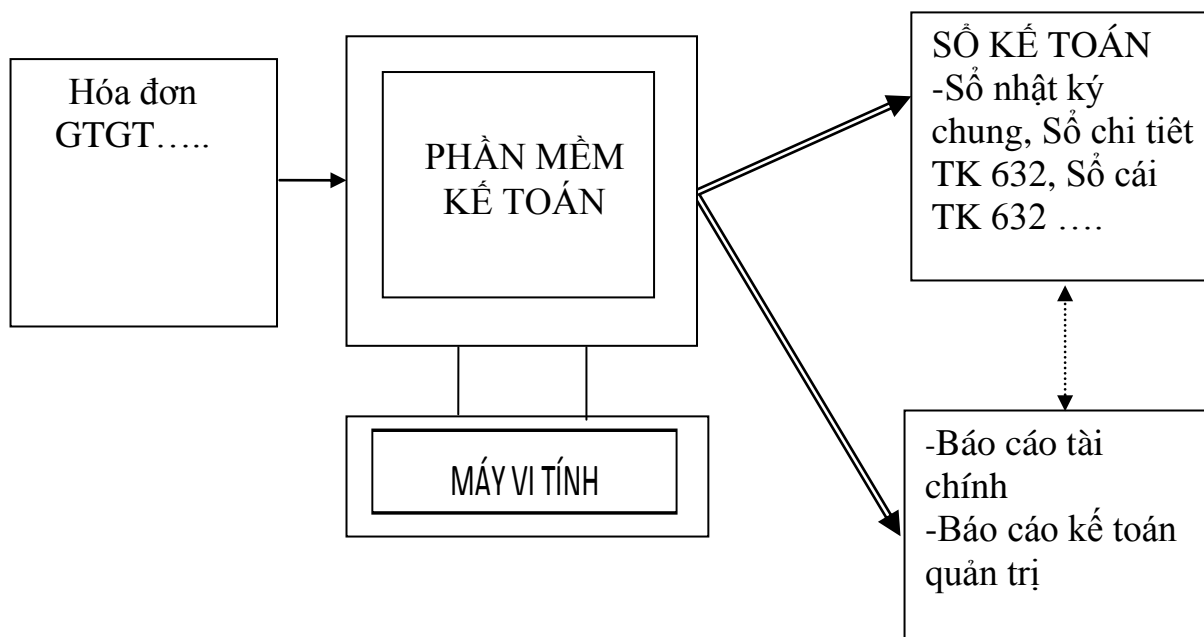
✓ **Chứng từ sử dụng**

Hóa đơn giá trị gia tăng

Các chứng từ liên quan khác.

✓ **Quy trình hạch toán**

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần thương mại Thái Giang



Ghi chú: —————> Nhập số liệu hàng ngày

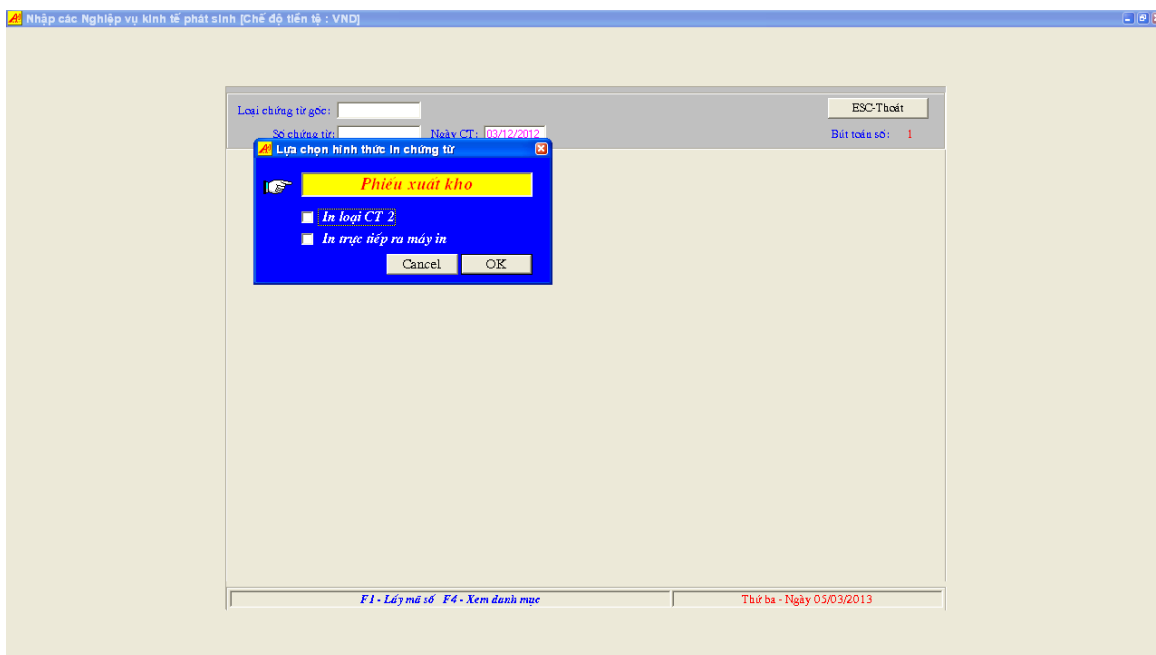
====> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm

←.....> Đối chiếu và kiểm tra

Ví dụ 2: Ngày 07/12/2012, Công ty bán 1 lô thép hình cho công ty Cổ phần Thương Mại Trung Sơn, số lượng 2560kg, đơn giá 13.909(đ/Kg), khách hàng chưa thanh toán.

(ví dụ mục 2.2.1 – kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ)

- Sau khi kế toán nhập đầy đủ thông tin từ hóa đơn giá trị gia tăng vào hóa đơn bán hàng. Trên phần mềm kế toán, kích chọn "Nhập". Để in ra phiếu xuất kho, kế toán kích chọn *Ctrl P/In trực tiếp ra máy in/OK*.



Biểu số 8: Phiếu xuất kho

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
 CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÁI GIANG
 Số 105 Lâm Sơn, Sở Dầu, Hồng Bàng

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 07/12/2012

Số PX 0000587

Xuất Cho : Công ty cổ phần thương mại Trung Sơn

Địa chỉ : Số 23/52 Đường Hà Nội – Sở Dầu

Nội dung : Xuất bán hàng hóa

Xuất những mặt hàng liệt kê dưới đây :

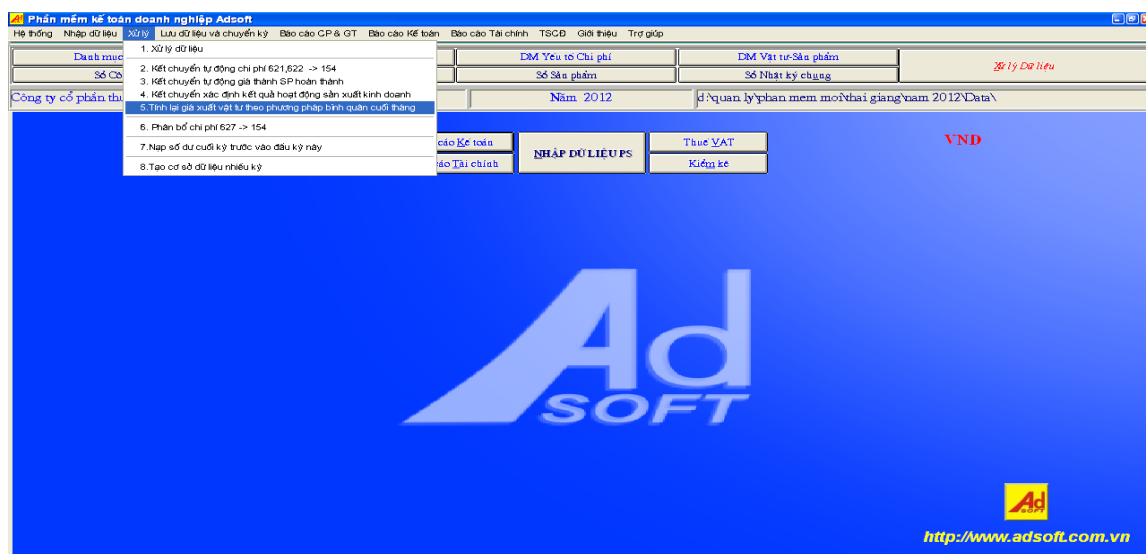
S	HÀNG HÓA					Đơn giá	Thành tiền
	Mã hiệu	Tên – Nhãn hiệu – Quy cách	Đvt	Số lượng	Thực xuất		
3	THEP	Thép hình	Kg	2560	2560		
TỔNG CỘNG							

Cộng thành tiền bằng chữ:

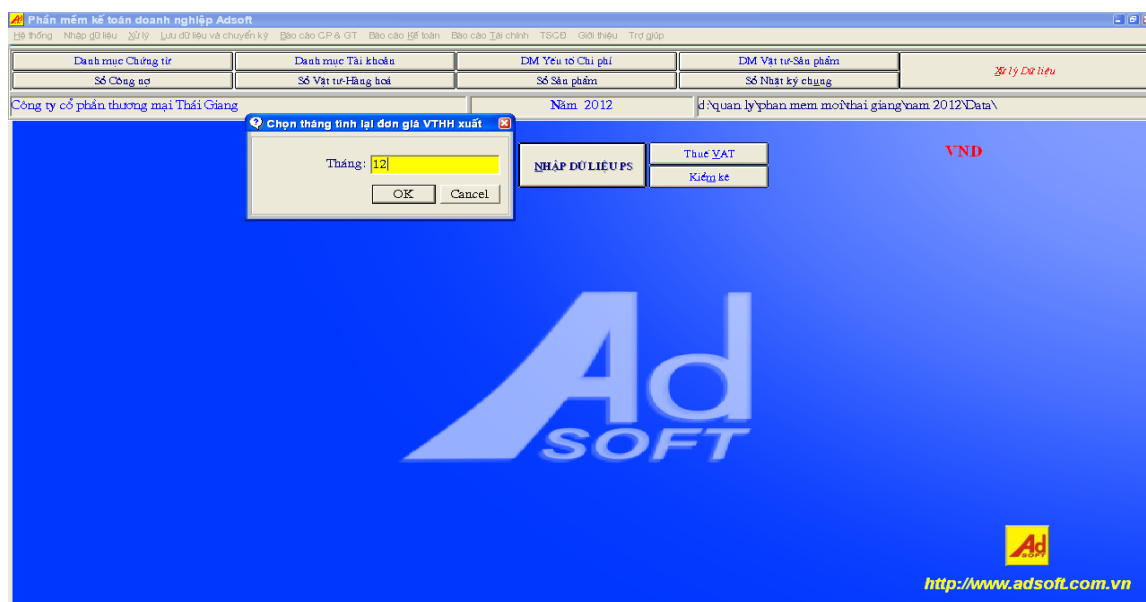
Người nhập Thủ kho Người lập phiếu Kế toán Giám đốc

- Vào ngày 31/12/2012, kế toán vào phân hệ *Xử lý/Tính lại giá vật tư theo phương pháp bình quân cuối tháng/chọn tháng cần tính/OK.*

Màn hình giao diện tính giá vốn hàng bán



- Tại mục “ Chọn tháng tính lại đơn giá VTHH xuất” / chọn tháng 12/OK.



- Sau khi kích chọn “OK” phần mềm sẽ tự động cập nhật số liệu vào nghiệp vụ ghi nhận giá vốn: Số nhật ký chung, sổ cái TK 632, sổ chi tiết TK632.

Biểu số 9: Sổ Nhật ký chung

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Mẫu số: S03b –DNN

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÁI GIANG

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Số 105 Lâm Sơn, Sở Dầu, Hồng Bàng

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính :VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu				Nợ	Có
.....
04/12/2012	PT04	Rút tiền nhập quỹ	X	1111	400.000.000	
04/12/2012	PT04	Rút tiền nhập quỹ	X	1123		400.000.000
.....
07/12/2012	PX 0000587	Xuất bán hàng hóa	X	632	34.667.520	
07/12/2012	PX 0000587	Xuất bán hàng hóa	X	156		34.667.520
07/12/2012	HD 0000587	Xuất bán hàng hóa	X	131	39.167.744	
07/12/2012	HD 0000587	Xuất bán hàng hóa	X	5111		35.607.040
07/12/2012	HD 0000587	Xuất bán hàng hóa	X	3331		3.560.704
....
18/12/2012	PC14	Thanh toán tiền xăng	X	642	1.894.050	
18/12/2012	PC14	Thanh toán tiền xăng	X	1331	189.405	
18/12/2012	PC14	Thanh toán tiền xăng	X	1111		2.083.455
.....
		Tổng cộng SPS			1.096.963.193.771	1.096.963.193.771

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN
(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên)

Biểu số 10: Sổ chi tiết

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Mẫu số: S03b –DNN

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÁI GIANG

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Số 105 Lâm Sơn, Sở Dầu, Hồng Bàng

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản 632– Giá vốn hàng bán

Năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
.....
HD 0000587	07/12/ 2012	Xuất bán hàng hóa	156	34.667.520	
HD 0000588	08/12/ 2012	Xuất bán hàng hóa	156	137.992.980	
HD 0000589	10/12/ 2012	Xuất bán hàng hóa	156	24.307.856	
HD 0000590	12/12/ 2012	Xuất bán hàng hóa	156	25.648.548	
.....
PKT	31/12/ 2012	Kết chuyển KQKD	911		119.270.042.931
		Cộng số phát sinh		119.270.042.931	119.270.042.931
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 11:Sổ cái TK 632

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Mẫu số: S03b –DNN

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÁI GIANG

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Số 105 Lâm Sơn,Sở Dầu,Hồng Bàng

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

632 – Giá vốn hàng bán

Năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

STT	TÀI KHOẢN ĐỐI ƯNG		SỐ PHÁT SINH TRONG KỲ	
	Mã	Tên	NỢ	CÓ
1	156	Hàng hóa	119.270.042.931	
2	911	Xác định kết quả kinh doanh		119.270.042.931
TỔNG CỘNG :			119.270.042.931	119.270.042.931

Số dư đầu kỳ : 0 VNĐ

Số dư cuối kỳ : 0 VNĐ

Ngày 31 tháng 12 Năm 2012

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN

GIÁM ĐỐC

(Ký,họ tên)

(Ký,họ tên)

(Ký,họ tên)

2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

✓ Nội dung doanh thu hoạt động tài chính phát sinh tại công ty

Hiện nay doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty chủ yếu là lãi từ tài khoản tiền gửi ngân hàng.

✓ Chứng từ sử dụng

Giấy báo có

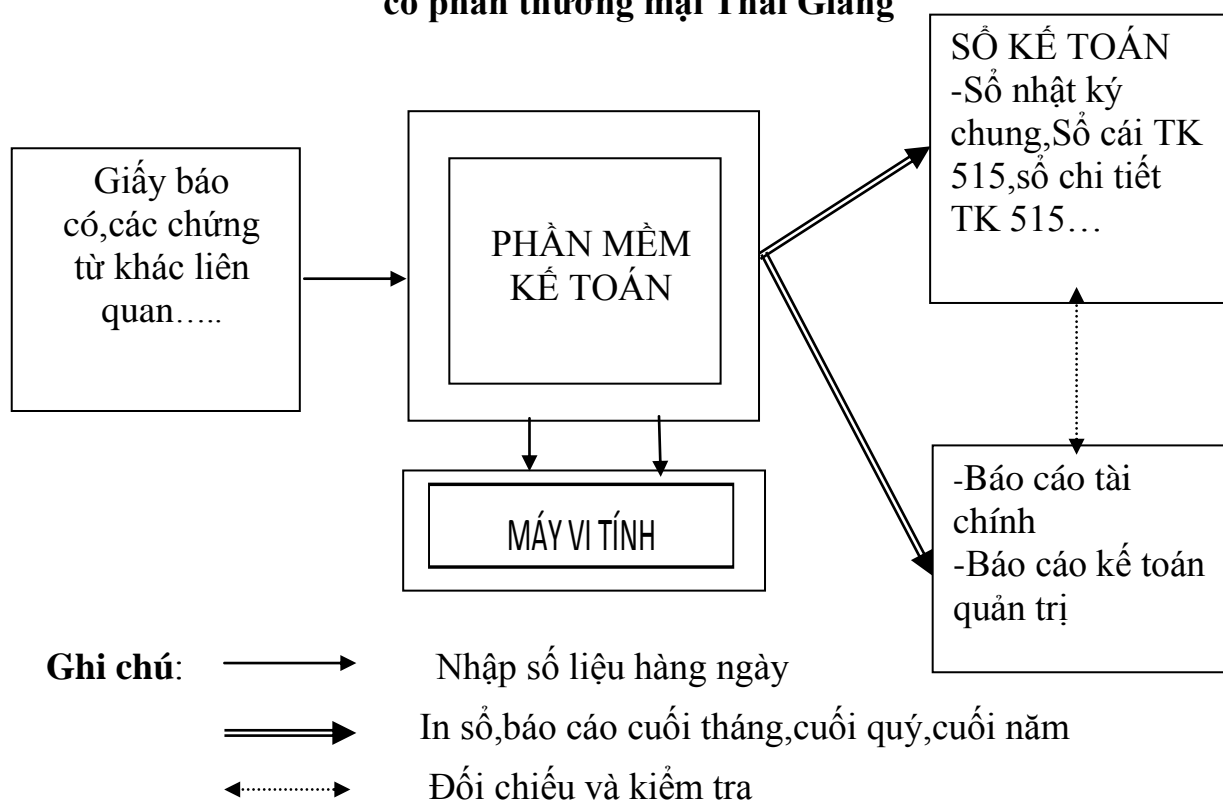
Các chứng từ khác có liên quan

✓ Tài khoản sử dụng

TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

✓ Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần thương mại Thái Giang



Ví dụ 3: Ngày 25/12/2012, Công ty nhận được Giấy báo có của ngân hàng SHB về lãi tiền gửi T12/2012, số tiền 175.980 đồng.

Biểu số 12: Giấy báo có

SHB

Ngày in: 25/12/2012

Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội

Giao dịch viên : Maker

Số giao dịch: AASF280213000129

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 25/12/2012

Đơn vị hưởng thụ

Tên tài khoản/Customer/Name : Công ty cổ phần Thương Mại Thái Giang

Số tài khoản/Account number : 1002148587

Tổng số tiền bằng số/Amount : 175.980 VND

Đơn vị trả tiền

Tên tài khoản/Customer/Name :

Số tài khoản/Account number :

Số tiền bằng chữ/Amount in words : Một trăm bảy mươi năm nghìn, chín trăm tám mươi đồng

Nội dung/Content : Nhập lãi tiền gửi vào gốc – 1002148587

Giao dịch viên

Kiểm soát

- Căn cứ vào giấy báo có của ngân hàng Ngân hàng SHB, kế toán vào phân hệ *Nhập dữ liệu phát sinh/Chứng từ thu chuyển khoản/Nhập*. Để nhập số liệu vào Giấy báo có (thu) của ngân hàng trên phần mềm kế toán máy. Sau đó, kích chọn “Nhập” số liệu sẽ tự động được chuyển vào sổ nhật ký chung, Sổ chi tiết TK 515, Sổ cái TK 515.

Màn hình giao diện chứng từ thu chuyển khoản(thu)

Nhập các Nghiệp vụ kinh tế phát sinh [Chế độ tiền tệ : VND]

Loại chứng từ gốc: NH **CHỨNG TỪ THU CHUYỂN KHOẢN** ESC:Thoát
 Số chứng từ: 2512 Ngày CT: 25/12/2012 Đợt toàn số: 2

Nhập Ctr khác Diễn giải: Lãi tiền gửi

Mã Tài khoản: 1125 Ngân hàng SHB Hải Phòng Mã Tài khoản: 315 Doanh thu hoạt động tài chính

Nguyên tệ: _____ Tỷ giá: _____ Thành tiền: 175.980
 Thuế suất VAT: * Tự động thuế Thuế: 0 Thành tiền VND

Người giao dịch: _____ Địa chỉ giao dịch: _____
 Pháp nhân: _____ Địa chỉ: _____ Mã Số Thuế: _____
 Nghiệp vụ thuế: _____
 Số HĐ thuế: _____ Ngày HĐ: 25/12/2012 Ký hiệu HĐ: _____
 Nhóm hoá đơn: _____ Mã hàng: _____ Thành tiền VND: 175.980
 Ghi chú: _____

F1 - Lấy mã số F4 - Xem danh mục Thứ sáu - Ngày 01/03/2013

Biểu số 13 : Sổ nhật ký chung

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
 CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÁI GIANG
 Số 105 Lâm Sản, Sở Dầu, Hồng Bàng

Mẫu số: S03b –DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính : VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu				Nợ	Có
.....
04/12/2012	PT04	Rút tiền nhập quỹ	X	1111	400.000.000	
04/12/2012	PT04	Rút tiền nhập quỹ	X	1123		400.000.000
.....
07/12/2012	PX 0000587	Xuất bán hàng hóa	X	632	34.667.520	
07/12/2012	PX 0000587	Xuất bán hàng hóa	X	156		34.667.520

07/12/ 2012	HD 0000587	Xuất bán bán hàng	X	131	39.167.744	
07/12/ 2012	HD 0000587	Xuất bán hàng hóa	X	5111		35.607.040
07/12/ 2012	HD 0000587	Xuất bán hàng hóa	X	3331		3.560.704
....
18/12/ 2012	PC14	Thanh toán tiền xăng	X	642	1.894.050	
18/12/ 2012	PC14	Thanh toán tiền xăng	X	1331	189.405	
18/12/ 2012	PC14	Thanh toán tiền xăng	X	1111		2.083.455
.....
25/12/ 2012	NH 2512	Lãi tiền gửi	X	1125	175.980	
25/12/ 2012	NH 2512	Lãi tiền gửi	X	515		175.980
.....
		Tổng cộng SPS			1.096.963.193.771	1.096.963.193.771

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ và tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ và tên)

Giám đốc
(Ký, họ và tên, đóng dấu)

Biểu số 14:Sổ chi tiết TK 515

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÁI GIANG
Số 105 Lâm Sơn,Sở Dầu,Hồng Bàng

Mẫu số: S03b –DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản: 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày CT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ :			
.....
NH2212	22/12/2012	Lãi tiền gửi	1121		85.132
NH2412	24/12/2012	Lãi tiền gửi	1124		162.084
NH2512	25/12/2012	Lãi tiền gửi	1125		175.980
NH3112	31/12/2012	Lãi tiền gửi	1123		358.652
PKT	31/12/2012	Kết chuyển KQKD	911	20.491.285	
		Cộng phát sinh:		20.491.285	20.491.285
		Số dư cuối kỳ :			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 15:Sổ cái TK 515

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÁI GIANG
Số 105 Lâm Sơn,Sở Dầu,Hồng Bàng

Mẫu số: S03b –DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 515 – Doanh thu hoạt động tài chính Năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

STT	TÀI KHOẢN ĐỐI ƯNG		SỐ PHÁT SINH TRONG KỲ	
	Mã	Tên	NỢ	CÓ
1	1121	Tiền gửi ngân hàng Hàng Hải VN-HP		1.343.267
2	1122	Tiền gửi ngân hàng Ngoại thương HP		822.873
3	1123	Tiền gửi ngân hàng Đầu tư và phát triển HP		7.037.032
4	1124	Tiền gửi ngân hàng ACB		5.058.191
5	1125	Tiền gửi ngân hàng SHB		6.229.922
6	911	Xác định kết quả kinh doanh	20.491.285	
TỔNG CỘNG :			20.491.285	20.491.285

Số dư đầu kỳ : 0 VNĐ

Số dư cuối kỳ : 0 VNĐ

Ngày 31 tháng 12 Năm 2012

NGƯỜI LẬP
(Ký,họ tên)

KẾ TOÁN
(Ký,họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký,họ tên)

2.2.4.Kế toán chi phí tài chính

✓ Nội dung chi phí hoạt động tài chính phát sinh tại Công ty

Chi phí hoạt động tài chính tại Công ty là chi phí lãi vay.

✓ Chứng từ sử dụng

Giấy báo nợ

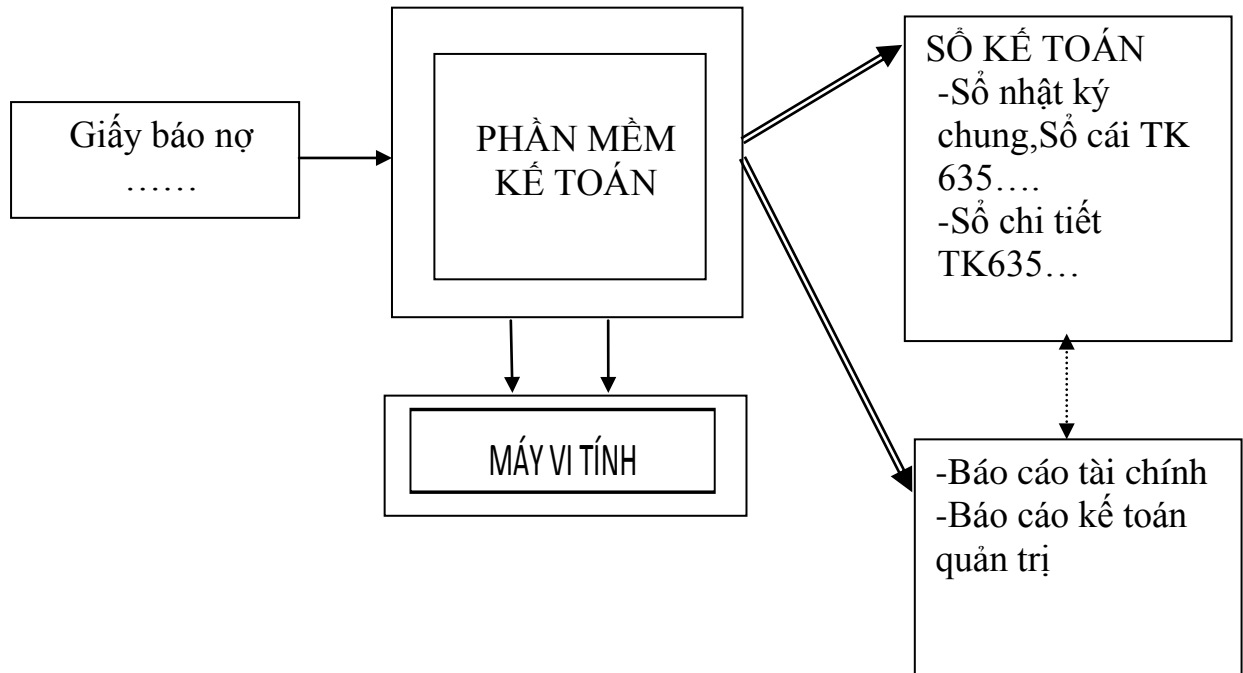
Phiếu chi và các chứng từ khác có liên quan

✓ *Tài khoản sử dụng*

- TK 635: Chi phí tài chính

✓ *Quy trình hạch toán*

Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán chi phí tài chính tại Công ty cổ phần thương mại Thái Giang



- Ghi chú:**
- Nhập số liệu hàng ngày
 - ==> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm
 - ◄.....> Đối chiếu và kiểm tra

Ví dụ 4: Ngày 31/12/2012, công ty nhận được giấy báo nợ ngân hàng ACB về tiền lãi vay phải trả T12/2012, số tiền 10.733.333 đồng.

Biểu số16: Giấy báo nợ

Ngân hàng Á Châu

Ký hiệu : HD/2012T

Chi nhánh: ACB – PGD Trần Nguyên Hãn

Số hóa đơn : 643 4690B002 41576

MST: 0301452948-031

Mã GDV : CHINTQTHA

Số GD : 111

Giấy báo nợ

Ngày 31/12/2012

Chủ tài khoản : Công ty CPTM Thái Giang

Địa chỉ : 105 khu Lâm Sản - Sở Dầu – Hồng Bàng

Mã KH : 786905

Số tài khoản : 68945739

Mã số thuế : 0200534866

Nội dung : Trả tiền lãi vay

Số tiền : 10.733.333 VND

Số tiền bằng chữ : Mười triệu bảy trăm ba ba nghìn ba trăm ba ba đồng

Giao dịch viên

Kiểm soát viên

- Căn cứ vào giấy báo nợ của ngân hàng ACB - Hải Phòng, kế toán chọn *Nhập dữ liệu phát sinh/Chứng từ thu chuyển khoản/Nhập*, để nhập số liệu vào Giấy báo nợ(chi) của ngân hàng trên phần mềm kế toán máy. Sau đó, kích chọn “Nhập” số liệu sẽ tự động được chuyển vào sổ nhật ký chung, sổ cái TK 635, sổ chi tiết TK 635.

Màn hình giao diện chứng từ thu chuyển khoản(chi)

The screenshot shows a software interface for entering a payment voucher. The main title is "CHỨNG TỪ THU CHUYỂN KHOẢN". The form includes the following fields and values:

- Loại chứng từ gốc: NH
- Số chứng từ: 3112
- Ngày CT: 31/12/2012
- Bút toán số: 1
- Diễn giải: Chuyển trả tiền lãi vay
- Loại Tài khoản: 635 (Chi phí tài chính)
- Mã Tài khoản: 1124 (Tiền gửi ngân hàng ACB)
- Tổng số tiền: 10.733.333
- Thành tiền VND: 0
- Ngày HD: 31/12/2012
- Ký hiệu HD: (empty)
- Mật hàng: (empty)
- Chức vụ: (empty)

Buttons at the bottom include "F1 - Lấy mã số", "F4 - Xem danh mục", and "Thứ sáu - Ngày 01/03/2013".

Biểu số 17 : Sổ nhật ký chung

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Mẫu số: S03b –DNN

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÁI GIANG

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Số 105 Lâm Sơn, Sở Dầu, Hồng Bàng

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính :VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu				Nợ	Có
.....
07/12/2012	PX 0000587	Xuất bán hàng hóa	X	632	34.667.520	
07/12/2012	PX 0000587	Xuất bán hàng hóa	X	156		34.667.520
07/12/2012	HD 0000587	Xuất bán hàng	X	131	39.167.744	
07/12/2012	HD 0000587	Xuất bán hàng hóa	X	5111		35.607.040
07/12/2012	HD 0000587	Xuất bán hàng hóa	X	3331		3.560.704
....
18/12/2012	PC14	Thanh toán tiền xăng	X	642	1.894.050	
18/12/2012	PC14	Thanh toán tiền xăng	X	1331	189.405	
18/12/2012	PC14	Thanh toán tiền xăng	X	1111		2.083.455
.....
25/12/2012	NH2512	Lãi tiền gửi	X	1125	175.980	
25/12/2012	NH2512	Lãi tiền gửi	X	515		175.980
.....
31/12/2012	NH3112	Trả lãi tiền vay	X	635	10.733.333	
31/12/2012	NH3112	Trả lãi tiền vay	X	1124		10.733.333
.....
		Tổng cộng SPS			1.096.963.193.771	1.096.963.193.771

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ và tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ và tên)

Giám đốc
(Ký, họ và tên, đóng dấu)

Biểu số 18 : Sổ chi tiết

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Mẫu số: S03b –DNN

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÁI GIANG

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Số 105 Lâm Sơn,Sở Dầu,Hồng Bàng

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản: 635-Chi phí hoạt động tài chính

Năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày CT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ :			
.....
NH2812	28/12/2012	Chuyển trả lãi vay	1122	2.715.237	
NH2912	29/12/2012	Chuyển trả lãi vay	1121	380.140	
NH3112	31/12/2012	Chuyển trả lãi vay	1124	10.733.333	
PKT	31/12/2012	Kết chuyển KQKD	911		1.031.528.861
		Cộng phát sinh :		1.031.528.861	1.031.528.861
		Số dư cuối kỳ :			

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 19: Sổ cái

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Mẫu số: S03b –DNN

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÁI GIANG

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Số 105 Lâm Sơn, Sở Dầu, Hồng Bàng

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

635 – Chi phí tài chính

Năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

STT	TÀI KHOẢN ĐỐI ƯNG		SỐ PHÁT SINH TRONG KỲ	
	Mã	Tên	NỢ	CÓ
1	1121	Tiền gửi ngân hàng Hàng Hải VN-HP	54.585.780	
2	1122	Tiền gửi ngân hàng Ngoại thương HP	115.299.439	
3	1123	Tiền gửi ngân hàng Đầu tư và phát triển HP	21.468.959	
4	1124	Tiền gửi ngân hàng ACB	653.999.820	
5	1125	Tiền gửi ngân hàng SHB	186.174.863	
6	911	Xác định kết quả kinh doanh		1.031.528.861
TỔNG CỘNG :			1.031.528.861	1.031.528.861

Số dư đầu kỳ : 0 VNĐ

Số dư cuối kỳ : 0 VNĐ

Ngày 31 tháng 12 Năm 2012

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

2.2.5. Kế toán thu nhập khác

✓ Nội dung thu nhập khác phát sinh tại công ty

Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ

Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng

✓ Chứng từ sử dụng

Phiếu thu

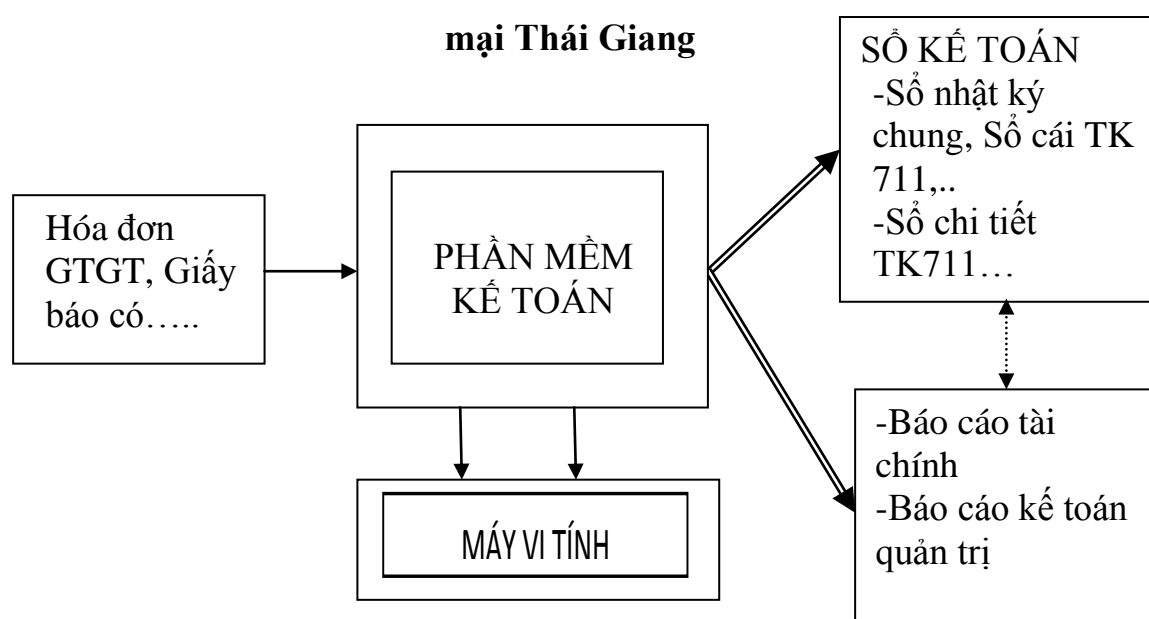
Giấy báo có
 Hóa đơn giá trị gia tăng
 Các chứng từ khác có liên quan

✓ **Tài khoản sử dụng**

▪ TK 711 "Thu nhập khác"

✓ **Quy trình hạch toán**

Sơ đồ 2.9: Quy trình hạch toán thu nhập khác tại Công ty cổ phần thương



Ghi chú: —————> Nhập số liệu hàng ngày

=====> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm

◄-----> Đối chiếu và kiểm tra

- Trong năm 2012, công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến khoản thu nhập khác...

2.2.6. Kế toán chi phí khác

✓ **Nội dung chi phí khác phát sinh tại công ty**

Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ

Chi tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế

✓ **Chứng từ sử dụng:**

Biên bản thanh lý TSCĐ

Phiếu chi, Giấy báo có

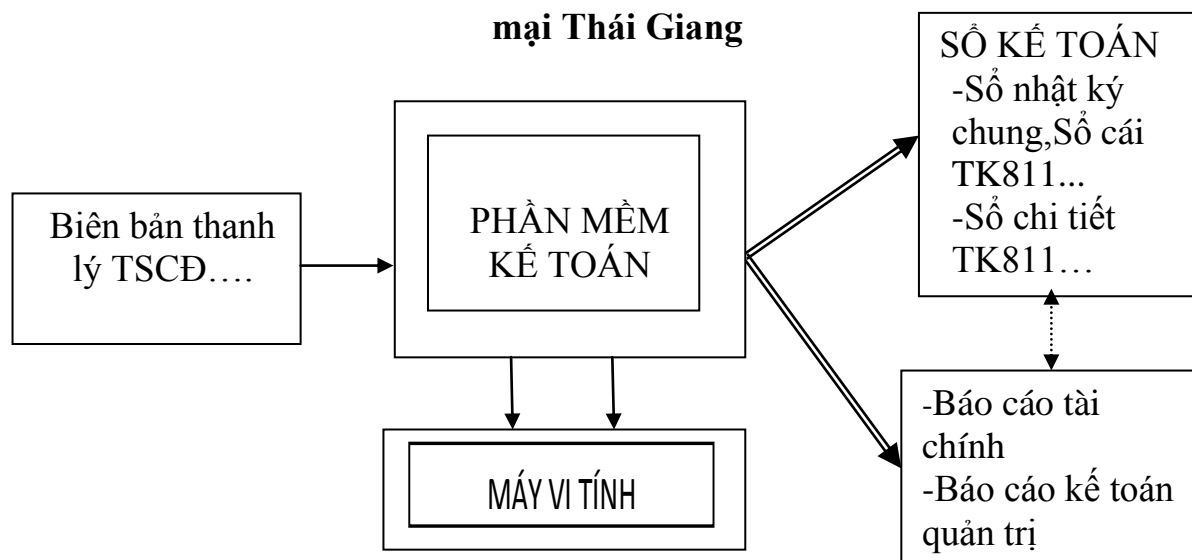
Các chứng từ khác có liên quan

✓ **Tài khoản sử dụng:**

- TK 811 “Chi phí khác”

✓ **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 2.10: Quy trình hạch toán chi phí khác tại Công ty cổ phần thương mại Thái Giang



Ghi chú: —————> Nhập số liệu hàng ngày

=====> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm

⋯⋯⋯<=> Đối chiếu và kiểm tra

-Trong năm 2012, công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến khoản chi phí khác...

2.2.7. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

✓ **Nội dung chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh tại công ty:**

Chi phí tiền lương nhân viên

Chi phí khấu hao TSCĐ

Công cụ dụng cụ, văn phòng phẩm

Tiền thuê kho bãi

Thuế phí

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Khoản chi phí bằng tiền khác....

✓ **Chứng từ sử dụng:**

Phiếu chi

Giấy đề nghị thanh toán

Hóa đơn giá trị gia tăng

Bảng thanh toán lương

Bảng tính và phân bổ khấu hao

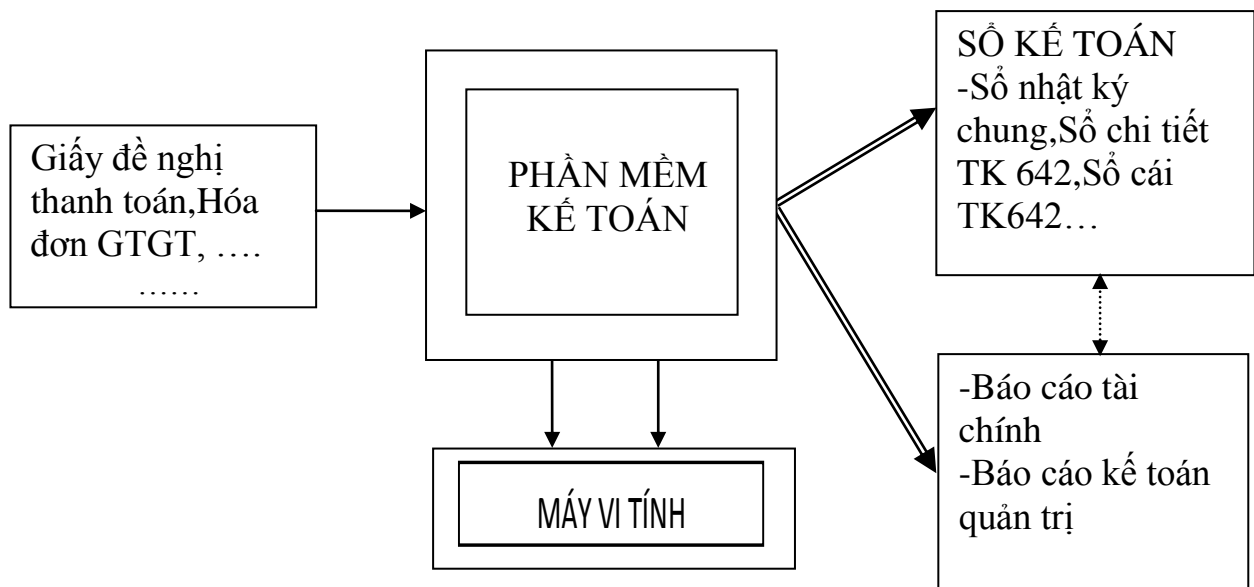
Các chứng từ khác có liên quan

✓ **Tài khoản sử dụng:**

- TK 642 “Chi phí quản lý kinh doanh”

✓ **Quy trình hạch toán**

Sơ đồ 2.11: Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp Công ty cổ phần thương mại Thái Giang



Ghi chú: \longrightarrow Nhập số liệu hàng ngày

\Longrightarrow In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm

\longleftrightarrow Đối chiếu và kiểm tra

Ví dụ 5 : Ngày 18/12/2012, Công ty thanh toán tiền mua xăng xe bằng tiền mặt, số tiền 2.083.455đ (gồm VAT10%).

Biểu số 20: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0073343

TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM		HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01GTKT3/001	
CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC III – TNHH MTV		Liên 2:Giao cho khách hàng		Ký hiệu : AB/12P	
		Ngày 18 tháng 12 năm 2012		Số : 0073343	
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC III – TNHH MTV					
Địa chỉ: Số 1 Sở Dầu – P.Sở Dầu – Q.Hồng Bàng – Hải Phòng					
Mã số thuế : 0200120833					
Người mua hàng : Phạm Đăng Nam					
Đơn vị mua hàng : CTY CPTM THÁI GIANG					
Mã số thuế : 0200534866					
Địa chỉ : 105 LÂM SÀN SỞ DẦU HỒNG BÀNG					
Phương thức thanh toán : Tiền mặt					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
03	2	3	4	5	6 = 4 x 5
	XĂNG RON 92	LTT	90	21.045	1.894.050
			Cộng tiền hàng		: 1.894.050
			Tiền thuế GTGT(10%)		: 189.405
			Tổng cộng tiền thanh toán:		2.083.455

Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu không trăm tám ba nghìn bốn trăm năm năm đồng

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0073343, kế toán nhập số liệu vào phần mềm kế toán theo trình tự sau:

- Từ màn hình Window, kích đúp chuột vào biểu tượng phần mềm **Adsoft**, nhập tên và mật khẩu của mình để vào phần mềm. Chọn *Nhập dữ liệu phát sinh / Phiếu chi tiền mặt* để nhập phiếu chi tiền mặt trên phần mềm kế toán máy. Sau đó, kích chọn “Nhập” số liệu sẽ tự động chuyển vào sổ nhật ký chung, sổ cái TK642, sổ chi tiết TK642.

Màn hình giao diện phiếu chi tiền mặt

- Để in ra phiếu chi , kế toán kích chọn *Ctrl P / In trực tiếp ra máy in / OK.*

Biểu số 21: Phiếu chi

Đơn vị: Công ty cổ phần thương mại Thái Giang

Mẫu số: 02 – TT

Địa chỉ: Số 105 Lâm Sơn-Sở Dầu-Hồng Bàng

(Ban hành theo QĐ số :48/2006/QĐ-BTC

Điện thoại:031.3527244 Fax:031.3527480

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Số: 14

Ngày 18 tháng 12 năm 2012

Nợ TK642 : 1.894.050 đồng

Nợ TK1331: 189.405 đồng

Có TK1111: 2.083.455 đồng

Họ và tên người nhận tiền : Phạm Đăng Nam

Địa chỉ: Lái xe

Lý do chi: Thanh toán tiền xăng xe

Số tiền: 2.083.455 (Viết bằng chữ: Hai triệu không trăm tám ba nghìn bốn trăm năm năm đồng)

Kèm theo 1 chứng từ gốc

Ngày 18 tháng 12 năm 2012

Giám đốc (Ký,họ tên,đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký,họ tên)	Người lập phiếu (Ký,họ tên)	Thủ quỹ (ký,họ tên)	Người nhận tiền (ký,họ tên)
--	--------------------------------------	---	-------------------------------	---------------------------------------

Biểu số 22: Sổ Nhật ký chung

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Mẫu số: S03b –DNN

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÁI GIANG

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Số 105 Lâm Sản,Sở Dầu,Hồng Bàng

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính :VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu				Nợ	Có
.....
04/12/2012	PT04	Rút tiền nhập quỹ	X	1111	400.000.000	
04/12/2012	PT04	Rút tiền nhập quỹ	X	1123		400.000.000
....
15/12/2012	NH1512	Thanh toán tiền hàng	X	331	33.691.945	
15/12/2012	NH1512	Thanh toán tiền hàng	X	1123		33.691.945
....
18/12/2012	PC14	Thanh toán tiền xăng	X	642	1.894.050	
18/12/2012	PC14	Thanh toán tiền xăng	X	1331	189.405	
18/12/2012	PC14	Thanh toán tiền xăng	X	1111		2.083.455
.....
25/12/2012	NH2512	Thu tiền hàng	X	1123	479.064.067	
25/12/2012	NH2512	Thu tiền hàng	X	131		479.064.067
.....
		Tổng cộng SPS			1.096.963.193.771	1.096.963.193.771

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ và tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ và tên)

Giám đốc
(Ký, họ và tên, đóng dấu)

Biểu số 23 : Sổ chi tiết

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Mẫu số: S38-DNN

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÁI GIANG

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)

Số 105 Lâm Sơn, Sờ Dầu, Hồng Bàng

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản: 642-Chi phí quản lý kinh doanh

Năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK đôi ứng	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày CT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ :			
		Số phát sinh :			
.....
16/12/2012	PC12	Thanh toán tiền tiếp khách	1111	1.540.000	
18/12/2012	PC14	Thanh toán tiền xăng	1111	1.894.050	
19/12/2012	PC18	Thanh toán tiền cước điện thoại	1111	1.174.320	
20/12/2012	PC20	Thanh toán tiền đặt báo	1111	209.900	
.....
31/12/2012	PKT	Khấu hao TSCĐ T12/2012	214	31.358.147	
31/12/2012	PKT	Lương phải trả T12/2012	334	35.800.000	
31/12/2012	PKT	Kết chuyển KQKD	911		978.908.473
		Cộng phát sinh :		978.908.473	978.908.473
		Số dư cuối kỳ :			

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 24:Sổ cái TK 642

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Mẫu số: S03b –DNN

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÁI GIANG

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)

Số 105 Lâm Sơn,Sở Dầu,Hồng Bàng

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

642 – Chi phí quản lý kinh doanh

Năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

STT	TÀI KHOẢN ĐỐI ƯNG		SỐ PHÁT SINH TRONG KỶ	
	Mã	Tên	NỢ	CÓ
1	1111	Tiền Việt Nam	51.595.916	
2	1122	Tiền gửi ngân hàng Ngoại thương HP	132.000	
3	1123	Tiền gửi ngân hàng Đầu tư và phát triển HP	1.117.902	
4	1124	Tiền gửi ngân hàng ACB	5.222.091	
5	214	Hao mòn tài sản cố định	376.297.764	
6	242	Chi phí trả trước dài hạn	48.532.800	
7	331	Thanh toán cho nhà cung cấp	91.410.000	
8	3338	Các loại thuế khác	2.000.000	
9	334	Phải trả công nhân viên	402.600.000	
10	911	Xác định kết quả kinh doanh		978.908.473
TỔNG CỘNG :			978.908.473	978.908.473

Số dư đầu kỳ : 0 VNĐ

Số dư cuối kỳ : 0 VNĐ

Ngày 31 tháng 12 Năm 2012

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN

GIÁM ĐỐC

(Ký,họ tên)

(Ký,họ tên)

(Ký,họ tên)

2.2.8. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

✓ Chứng từ sử dụng:

Phiếu kế toán

Các chứng từ khác có liên quan

✓ Tài khoản sử dụng:

- TK 821 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”
- TK 3334”Thuế thu nhập doanh nghiệp”
- TK 911”Xác định kết quả kinh doanh”

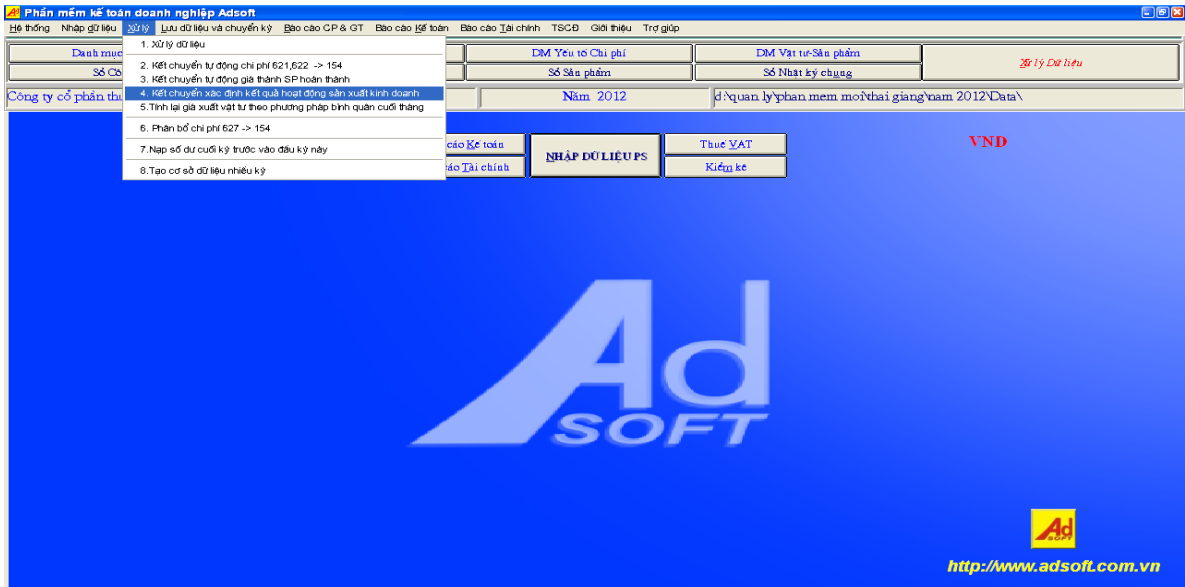
✓ Phương pháp hạch toán :

- Cuối năm, kế toán vào phân hệ *Xử lý/Kết chuyển kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh /OK*. Phần mềm sẽ tự động kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định lợi nhuận trước thuế. Kế toán lấy chỉ tiêu”Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế” để tiến hành xác định thuế TNDN phải nộp bằng cách tính thủ công. Sau đó cập nhật dữ liệu vào phiếu kế toán xác định thuế TNDN phải nộp. Phần mềm sẽ tự động chuyển sang các sổ sách có liên quan : Sổ nhật ký chung, sổ chi tiết TK 821, sổ cái TK 821.

Ví dụ 6 : Tại ngày 31/12/2012, Công ty xác định thuế TNDN phải nộp của năm 2012.

- Ngày 31/12/2012, kế toán vào phân hệ *Xử lý/Kết chuyển kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh /OK*.

Màn hình giao diện Kết chuyển xác định kết quả hoạt động kinh doanh



Phần mềm sẽ tự động kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định lợi nhuận trước thuế.

Màn hình giao diện kết chuyển xác định kết quả kinh doanh

STT	Loại CT	Số CT	Ngày CT	TK Nợ	TK Có	TTVND	Diễn giải	DT Nợ	DT Có	VND Thanh toán	KN	VT-CT N
3646	PKT		31/12/2012	5111	911	120.820.595.213	Kết chuyển doanh thu bán hàng					
3647	PKT		31/12/2012	5113	911	589.454.547	Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ					
3648	PKT		31/12/2012	515	911	20.491.285	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính					
3649	PKT		31/12/2012	911	632	119.270.042.931	Kết chuyển giá vốn hàng bán					
3650	PKT		31/12/2012	911	635	1.031.528.861	Kết chuyển chi phí tài chính					
3651	PKT		31/12/2012	911	642	978.908.473	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp					
3652	PKT		31/12/2012	911	421	150.060.780	Kết chuyển lợi nhuận trước thuế TNDN					

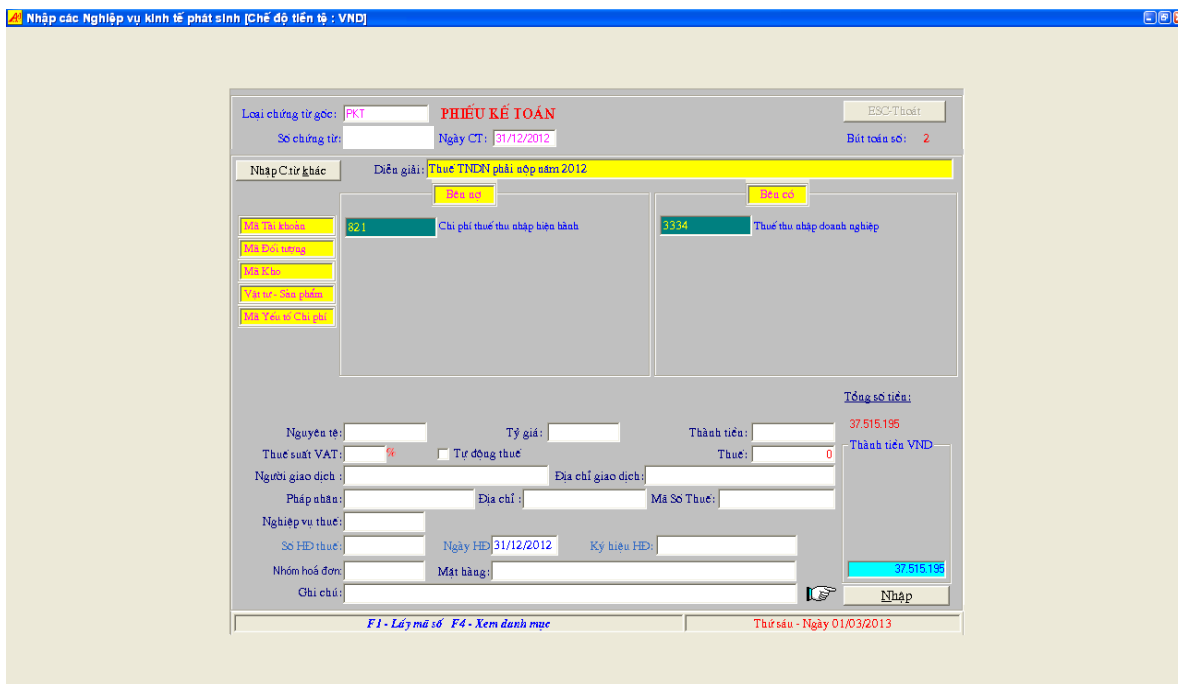
- Từ màn hình, kế toán sẽ lấy tổng lợi nhuận kế toán trước thuế bằng để tiến hành xác định thuế TNDN phải nộp bằng cách tính thủ công.

➤ Thuế TNDN phải nộp = $150.060.780 \times 25\% = 37.515.195$

Sau khi tính được số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2012, kế

toán vào phân hệ *Nhập dữ liệu phát sinh/Cập nhật số liệu/Phiếu kế toán* để lập một phiếu kế toán mới phản ánh nghiệp vụ thuế TNDN phải nộp năm 2012. Sau đó, kích chọn “Nhập” số liệu sẽ tự động chuyển vào sổ nhật ký chung, sổ cái TK821, sổ chi tiết TK821

Màn hình giao diện phiếu kế toán



Biểu số 25: Sổ Nhật ký chung

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
 CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÁI GIANG
 Số 105 Lâm Sơn, Sờ Dầu, Hồng Bàng

Mẫu số: S03b –DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính : VND

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu				Nợ	Có
.....
31/12/2012	PKT	Thuế GTGT đầu ra phải nộp	X	33311	12.110.288.823	
31/12/	PKT	Thuế GTGT được	X	1331		12.110.288.823

2012		khấu trừ của hàng hóa				
31/12/2012	PKT	Kết chuyển doanh thu	X	511	121.410.049.760	
31/12/2012	PKT	Kết chuyển doanh thu	X	911		121.410.049.760
31/12/2012	PKT	Kết chuyển doanh thu tài chính	X	515	20.491.285	
31/12/2012	PKT	Kết chuyển doanh thu tài chính	X	911		20.491.285
31/12/2012	PKT	Kết chuyển giá vốn	X	911	119.270.042.931	
31/12/2012	PKT	Kết chuyển giá vốn	X	632		119.270.042.931
31/12/2012	PKT	Kết chuyển chi phí tài chính	X	911	1.031.528.861	
31/12/2012	PKT	Kết chuyển chi phí tài chính	X	635		1.031.528.861
31/12/2012	PKT	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	X	911	978.908.473	
31/12/2012	PKT	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	X	642		978.908.473
31/12/2012	PKT	Xác định thuế TNDN hiện hành	X	821	37.515.195	
31/12/2012	PKT	Xác định thuế TNDN hiện hành	X	3334		37.515.195
31/12/2012	PKT	Kết chuyển thuế TNDN phải nộp	X	911	37.515.195	
31/12/2012	PKT	Kết chuyển thuế TNDN phải nộp	X	821		37.515.195
31/12/2012	PKT	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	X	911	112.545.585	
31/12/2012	PKT	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	X	421		112.545.585
		Tổng cộng SPS			1.096.963.193.771	1.096.963.193.771

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ và tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ và tên)

Giám đốc
(Ký, họ và tên, đóng dấu)

Biểu số 26 : Sổ chi tiết

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
 CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÁI GIANG
 Số 105 Lâm Sơn, Sở Dầu, Hồng Bàng

Mẫu số: S38-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản: 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
 Năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày CT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ :			
		Số phát sinh :			
PKT	31/12/2012	Xác định thuế TNDN hiện hành	3334	37.515.195	
PKT	31/12/2012	Kết chuyển chi phí thuế TNDN phải nộp	911		37.515.195
		Cộng phát sinh :		37.515.195	37.515.195
		Số dư cuối kỳ :			

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGƯỜI LẬP BIỂU
 (Ký, họ tên)

KẾ TOÁN
 (Ký, họ tên)

Biểu số 27: Sổ cái

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
 CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÁI GIANG
 Số 105 Lâm Sơn, Sở Dầu, Hồng Bàng

Mẫu số: S03b –DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
 Năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

STT	TÀI KHOẢN ĐỐI ƯNG		SỐ PHÁT SINH TRONG KỶ	
	Mã	Tên	NỢ	CÓ
1	3334	Chi phí thuế TNDN	37.515.195	
2	911	Kết chuyển chi phí thuế TNDN phải nộp		37.515.195
TỔNG CỘNG :			37.515.195	37.515.195

Số dư đầu kỳ : 0 VNĐ

Số dư cuối kỳ : 0 VNĐ

Ngày 31 tháng 12 Năm 2012

NGƯỜI LẬP
 (Ký, họ tên)

KẾ TOÁN
 (Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC
 (Ký, họ tên)

2.2.9. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

✓ Tài khoản sử dụng :

- TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”
- TK 421 ”Lãi chưa phân phối”

- Cuối năm, sau khi xác định được thuế TNDN phải nộp, kế toán thực hiện xóa bút toán kết chuyển lợi nhuận trước thuế. *Kế toán kích chuột vào bút toán kết chuyển lợi nhuận trước thuế/Ấn Insert(bàn phím) để đánh dấu bút toán/Xóa dòng/Xóa dòng đánh dấu/OK.*

Màn hình xóa dòng đánh dấu

The screenshot shows a software window titled "PhChu mOm kO n_n doanh nghiOp ADoft [Mode : Admin]". At the top, there are function key shortcuts: F7 - Tìm kiếm, F4 - Co to, Sắp xếp, F1 - Log cột, Loc theo dòng, F2 - Gộp, ESC - thoát; F8 - Thêm dòng, Xóa dòng, Edit, F6 - Chou cột, F3 - Lệnh, F5 - In bảng, F9 - Gộp nhóm. Below this is a status bar: "PKT - Kết chuyển lợi nhuận trước thuế TNDN", "Dòng: 3652/ 3652", and "Cột: 7/40". The main area is a table with columns: STT, Loại CT, Số CT, Ngày CT, TK Nợ, TK Có, TTVND, Diễn giải, DT Ng, DT Có, VND Thanh toán, KN, VT-CT N. The table contains several rows of data, with the last row (row 3652) highlighted in red. A dialog box titled "Xóa dòng đánh dấu" is overlaid on the table, containing the text: "Tổng số dòng đánh dấu : 1" and "Bạn có muốn xóa không ?" with "OK" and "Cancel" buttons.

STT	Loại CT	Số CT	Ngày CT	TK Nợ	TK Có	TTVND	Diễn giải	DT Ng	DT Có	VND Thanh toán	KN	VT-CT N
3646	PKT		31/12/2012	5111	911	120.820.595.213	Kết chuyển doanh thu bán hàng					
3647	PKT		31/12/2012	5113	911	589.454.547	Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ					
3648	PKT		31/12/2012	515	911	20.491.285	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính					
3649	PKT		31/12/2012	911	632	119.270.042.931	Kết chuyển giá vốn hàng bán					
3650	PKT		31/12/2012	911	635	1.031.528.861	Kết chuyển chi phí tài chính					
3651	PKT		31/12/2012	911	642	978.908.473	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp					
* 3652	PKT		31/12/2012	911	421	150.050.780	Kết chuyển lợi nhuận trước thuế TNDN					

- Sau đó, kế toán vào phân hệ *Nhập dữ liệu phát sinh/Cập nhật số liệu/Phiếu kế toán* để lập một phiếu kế toán mới phản ánh nghiệp vụ kết chuyển thuế TNDN phải nộp năm 2012 và một phiếu kế toán phản ánh nghiệp vụ kết chuyển lợi nhuận sau thuế.

Ví dụ 7: Ngày 31/12/2012, Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần thương mại Thái Giang.

- Tại ngày 31/12/2012, Kế toán vào phân hệ *Nhập dữ liệu phát sinh/Cập nhật số liệu/Phiếu kế toán* để lập một phiếu kế toán mới phản ánh nghiệp vụ kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Màn hình giao diện phiếu kế toán

- Tiếp theo, kế toán lập phiếu kế toán phản ánh nghiệp vụ kết chuyển lợi nhuận sau thuế.

Màn hình giao diện phiếu kế toán

Biểu số 28: Sổ Nhật ký chung

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Mẫu số: S03b –DNN

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÁI GIANG

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Số 105 Lâm Sơn, Sở Dầu, Hồng Bàng

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính :VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu				Nợ	Có
.....
31/12/2012	PKT	Thuế GTGT đầu ra phải nộp	X	33311	12.110.288.823	
31/12/2012	PKT	Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa	X	1331		12.110.288.823
31/12/2012	PKT	Kết chuyển doanh thu bán hàng	X	5111	120.820.595.213	
31/12/2012	PKT	Kết chuyển doanh thu bán hàng	X	911		120.820.595.213
31/12/2012	PKT	Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ	X	5113	589.454.547	
31/12/2012	PKT	Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ	X	911		589.454.547
31/12/2012	PKT	Kết chuyển doanh thu	X	515	20.491.285	
31/12/2012	PKT	Kết chuyển doanh thu	X	911		20.491.285
31/12/2012	PKT	Kết chuyển giá vốn	X	911	119.270.042.931	
31/12/2012	PKT	Kết chuyển giá vốn	X	632		119.270.042.931
31/12/2012	PKT	Kết chuyển chi phí tài chính	X	911	1.031.528.861	
31/12/2012	PKT	Kết chuyển chi phí tài chính	X	635		1.031.528.861
31/12/2012	PKT	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	X	911	978.908.473	
31/12/2012	PKT	Kết chuyển chi phí	X	642		978.908.473

		quản lý doanh nghiệp				
31/12/2012	PKT	Xác định thuế TNDN hiện hành	X	821	37.515.195	
31/12/2012	PKT	Xác định thuế TNDN hiện hành	X	3334		37.515.195
31/12/2012	PKT	Kết chuyển thuế TNDN phải nộp	X	911	37.515.195	
31/12/2012	PKT	Kết chuyển thuế TNDN phải nộp	X	821		37.515.195
31/12/2012	PKT	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	X	911	112.545.585	
31/12/2012	PKT	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	X	421		112.545.585
		Tổng cộng SPS			1.096.963.193.771	1.096.963.193.771

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ và tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ và tên)

Giám đốc
(Ký, họ và tên, đóng dấu)

Biểu số 29 : Sổ chi tiết

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Mẫu số: S03b –DNN

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÁI GIANG

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Số 105 Lâm Sơn,Sở Dầu,Hồng Bàng

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Năm 2012

Đơn vị tính:VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày CT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ :			
		Số phát sinh :			
PKT	31/12/2012	Kết chuyển doanh thu bán hàng	5111		120.820.595.213
PKT	31/12/2012	Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ	5113		589.454.547
PKT	31/12/2012	Kết chuyển doanh thu tài chính	515		20.491.285
PKT	31/12/2012	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	119.270.042.931	
PKT	31/12/2012	Kết chuyển chi phí tài chính	635	1.031.528.861	
PKT	31/12/2012	Kết chuyển phí quản lý doanh nghiệp	642	978.908.473	
PKT	31/12/2012	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	37.515.195	
PKT	31/12/2012	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	421	112.545.585	
Cộng phát sinh				121.430.541.045	121.430.541.045

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN

(Ký, họ tên)

Biểu số 29: Sổ cái

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Mẫu số: S03b –DNN

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÁI GIANG

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Số 105 Lâm Sơn, Sở Dầu, Hồng Bàng

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

911 – Xác định kết quả kinh doanh

Năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

ST T	TÀI KHOẢN ĐỐI ƯNG		SỐ PHÁT SINH TRONG KỲ	
	Mã	Tên	NỢ	CÓ
1	421	Lãi chưa phân phối	112.545.585	
2	5111	Doanh thu bán hàng hóa		120.820.595.213
3	5113	Doanh thu cung cấp dịch vụ		589.454.547
4	515	Doanh thu hoạt động tài chính		20.491.285
5	632	Giá vốn hàng bán	119.270.042.931	
6	635	Chi phí tài chính	1.031.528.861	
7	642	Chi phí quản lý kinh doanh	978.908.473	
8	821	Chi phí thuế TNDN	37.515.195	
TỔNG CỘNG :			121.430.541.045	121.430.541.045

Số dư đầu kỳ : 0 VNĐ

Số dư cuối kỳ : 0 VNĐ

Ngày 31 tháng 12 Năm 2012

NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN

(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên)

Biểu số 30 : Sổ chi tiết

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÁI GIANG
Số 105 Lâm Sơn, Sở Dầu, Hồng Bàng

Mẫu số: S03b –DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN Tài khoản 421 - Lợi nhuận chưa phân phối Năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày CT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ Nợ : 170.121.420			
		Số phát sinh :			
PKT	31/12/2012	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911		112.545.585
		Cộng phát sinh :			112.545.585
		Số dư đầu kỳ Nợ : 57.575.835			

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2012
KẾ TOÁN
(Ký, họ tên)

Biểu số 31: Sổ cái

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÁI GIANG
Số 105 Lâm Sơn, Sở Dầu, Hồng Bàng

Mẫu số: S03b –DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN Năm 2012

421-Lợi nhuận chưa phân phối

Đơn vị tính: VNĐ

STT	TÀI KHOẢN ĐỐI ƯNG		SỐ PHÁT SINH TRONG KỶ		
	Mã	Tên	NỢ	CÓ	
1	911	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế		112.545.585	
		TỔNG CỘNG :			112.545.585

Số dư đầu kỳ NỢ : 170.121.420 VNĐ
Số dư cuối kỳ NỢ : 57.575.835 VNĐ

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 Năm 2012
GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên)

.CHƯƠNG III:

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH NHẪM TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ CHI PHÍ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÁI GIANG

3.1.Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Thái Giang

3.1.1.Kết quả đạt được

Trong thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Thương mại Thái Giang, em nhận thấy tổ chức kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty đã đạt được những kết quả như sau:

3.1.1.1.Về tổ chức bộ máy kế toán

Kế toán là một trong những công cụ quan trọng nhất của doanh nghiệp. Kế toán là một bộ phận cấu thành nên hệ thống quản lý kinh tế tài chính của doanh nghiệp và là bộ phận quan trọng quyết định sự thành bại trong kinh doanh. Vì vậy công ty sớm nhận thấy vai trò của bộ máy kế toán trong việc giám sát quản lý hoạt động kinh doanh:

- Bộ máy kế toán công ty được tổ chức một cách tập trung phù hợp với đặc điểm kinh doanh và quản lý của Công ty.

- Bộ máy kế toán được tổ chức thống nhất từ kế toán trưởng xuống các nhân viên kế toán. Nhân viên kế toán có trình độ chuyên môn cùng với tinh thần tận tâm và nhiệt tình trong công việc nên công tác kế toán tại Công ty ít khi xảy ra sai sót. Phần lớn nhân viên kế toán là những người gắn bó với Công ty từ những ngày đầu thành lập, am hiểu chế độ, chính sách kế toán và không ngừng học hỏi để nâng cao trình độ chuyên môn. Kịp thời cập nhật những thông tin mới nhất về thuế và các chuẩn mực kế toán doanh nghiệp được Bộ tài chính ban hành trong năm.

3.1.1.2. Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

➤ Về chứng từ kế toán và tài khoản kế toán sử dụng:

- Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kế toán phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định, quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời.

- Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC của bộ trưởng bộ tài chính. Hệ thống tài khoản kế toán sử dụng tương đối đầy đủ, có sử dụng tài khoản chi tiết.

➤ Về tổ chức hệ thống sổ kế toán:

- Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung, ưu điểm của hình thức này là khá đơn giản từ mẫu sổ sách cho đến cách thức vào sổ, thuận tiện cho phân công việc, ngoài ra nó còn là hình thức phù hợp nhất và được sử dụng nhiều nhất cho các phần mềm kế toán trên máy vi tính.

- Hầu hết các sổ kế toán chi tiết, sổ cái đều được xây dựng theo kết cấu đơn giản và phản ánh đầy đủ các chỉ tiêu cần thiết và các nội dung kinh tế chủ yếu của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

➤ Về việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty

▪ **Về kế toán doanh thu:** Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều phù hợp khi ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh.

▪ **Về kế toán chi phí:** Các chi phí phát sinh như giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh được cập nhật nhanh chóng, chi tiết vào máy vi tính. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ là phù hợp với loại hình kinh doanh của công ty.

▪ **Về kế toán xác định kết quả kinh doanh:** Trên cơ sở đặc điểm của kết quả kinh doanh tại công ty, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đã vận dụng linh hoạt lý luận vào thực tiễn, để đưa ra hệ thống sổ sách

ghi chép, xác định chính xác doanh thu, chi phí. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, bên cạnh việc cung cấp thông tin một cách kịp thời, chính xác cho các cơ quan chức năng: cơ quan thuế, ngân hàng...còn cung cấp đầy đủ thông tin cho ban lãnh đạo công ty, giúp cho những nhà quản lý, đầu tư có những quyết định đúng đắn về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, đề ra những chiến lược kinh doanh một cách kịp thời và hiệu quả.

3.1.1.3. Về ứng dụng công nghệ thông tin

Nhận thức được tầm quan trọng của việc ứng dụng công nghệ thông tin vào tổ chức kế toán, công ty đã mua bản quyền sử dụng phần mềm kế toán ADSOFT. Phần mềm kế toán ADSOFT có nhiều tính năng và tiện ích giúp cho việc sử dụng chương trình được dễ dàng và khai thác chương trình có hiệu quả. Khi sử dụng phần mềm này, kế toán chỉ việc cập nhật các số liệu đầu vào, phần mềm sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách, báo cáo kế toán. Ngoài ra, phần mềm được thiết kế đảm bảo có thể cung cấp các báo cáo kế toán tổng hợp và chi tiết nhiều chiều phục vụ công tác quản trị điều hành. Việc sử dụng phần mềm kế toán đã đem lại những lợi ích thiết thực trong tổ chức kế toán tại công ty nói chung cũng như tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng cũng giúp tiết kiệm thời gian, giảm bớt được đáng kể khối lượng công việc so với kế toán ghi sổ nhưng vẫn đảm bảo tính chính xác trong tính toán.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được thì tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Thái Giang còn có một số những hạn chế sau:

✓ Về tài khoản sử dụng:

- Hiện nay, Công ty đã mở tài khoản cấp 2 cho TK511gồm: TK 5111- Doanh thu bán hàng và TK 5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ. Nhưng chưa mở tài khoản chi tiết cho TK 5111 để theo dõi doanh thu cho từng loại thép cụ thể.

- Công ty chưa mở tài khoản chi tiết cho TK 632 để theo dõi giá vốn cho từng loại thép cụ thể.

- Công ty chưa mở tài khoản chi tiết cho TK 642 để theo dõi từng yếu tố chi phí phát sinh.

✓ **Về sổ sách sử dụng:**

- Công ty chưa mở sổ chi tiết bán hàng cho từng loại thép dẫn đến khó theo dõi doanh thu cho từng loại thép cụ thể.

- Công ty chưa mở sổ chi tiết giá vốn cho từng loại thép do đó sẽ khó theo dõi giá vốn của từng loại thép cụ thể.

- Công ty chưa mở sổ chi tiết theo dõi cho từng loại chi phí.

✓ **Chưa áp dụng chính sách chiết khấu thương mại, chính sách chiết khấu thanh toán:**

- Chiết khấu thương mại: Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng. Khi Công ty không áp dụng chính sách chiết khấu thương mại dẫn đến không khuyến khích được khách hàng mua hàng số lượng lớn đặc biệt trong thời kỳ kinh tế khủng hoảng như hiện nay, khó giữ chân được những khách hàng lâu năm và thu hút thêm lượng khách hàng tiềm năng.

- Chiết khấu thanh toán: Là khoản tiền doanh nghiệp giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn trong hợp đồng. Khi công ty không áp dụng chiết khấu thanh toán cho những khách hàng thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng sẽ không kích thích được khách hàng thanh toán trước hạn. Điều này sẽ làm chậm khả năng thu hồi vốn của doanh nghiệp.

✓ **Chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi:**

Hiện nay, Công ty có những khoản nợ quá 6 tháng không thu hồi được và những khoản nợ không có khả năng thu hồi nhưng Công ty chưa trích lập dự

phòng phải thu khó đòi sẽ dẫn đến rủi ro về vốn, dễ gây đột biến chi phí kinh doanh và ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

✓ *Chưa phân tích chi phí kinh doanh*

Hiện công ty chưa phân tích chi phí quản lý kinh doanh dẫn đến nhà quản trị khó có thể thấy được những khoản chi phí nào phát sinh nhiều, vượt quá mức nhằm đưa ra những giải pháp kịp thời giúp tiết kiệm chi phí một cách hiệu quả, tránh lãng phí, nâng cao lợi nhuận cho công ty.

3.2. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý chi phí kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Thái Giang

3.2.1. Nguyên tắc của việc hoàn thiện

Phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng muốn có tính khả thi cần đáp ứng những nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Nhà nước xây dựng và ban hành hệ thống kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ.

- Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh hiệu quả, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành mình.

- Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin chính xác, cần thiết, kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.

- Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường hợp đó

là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

3.2.2. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Thái Giang

3.2.2.1. Giải pháp hoàn thiện tài khoản sử dụng

❖ Công ty nên mở tài khoản chi tiết cho TK5111

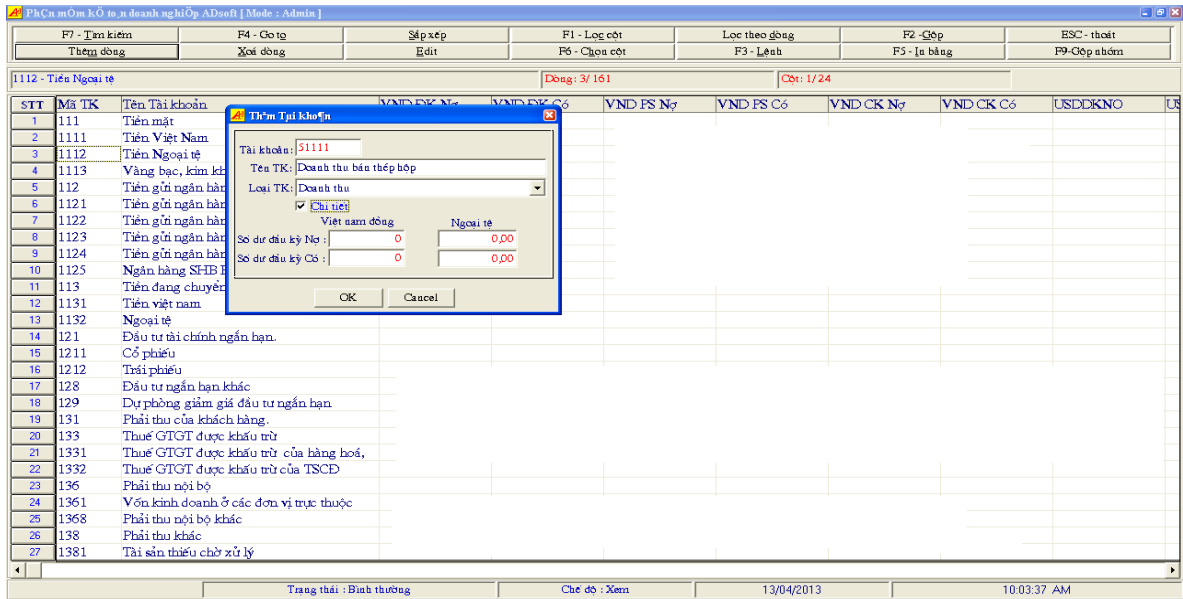
- Công ty nên mở tài khoản chi tiết cho TK5111 nhằm thuận tiện cho việc theo dõi doanh thu từng loại thép. Cụ thể:

✓ Để mở tài khoản chi tiết cho tài khoản doanh thu, kế toán vào phân hệ *Danh mục TK / Thêm dòng*, và nhập các thông tin cần thiết.

- TK 51111: Doanh thu bán thép hộp
- TK 51112: Doanh thu bán thép hình
- TK 51113: Doanh thu bán thép tấm
- TK 51114: Doanh thu bán thép ray
- TK 51115: Doanh thu bán thép ống
- TK 51116: Doanh thu bán thép tròn
- TK 51117: Doanh thu bán thép chữ Z
- TK 51118: Doanh thu bán thép mạ màu
- TK 51119: Doanh thu bán thép mạ kẽm
- TK 511110: Doanh thu bán thép tấm lợp sáng
- TK 511111: Doanh thu bán thép dập giãn

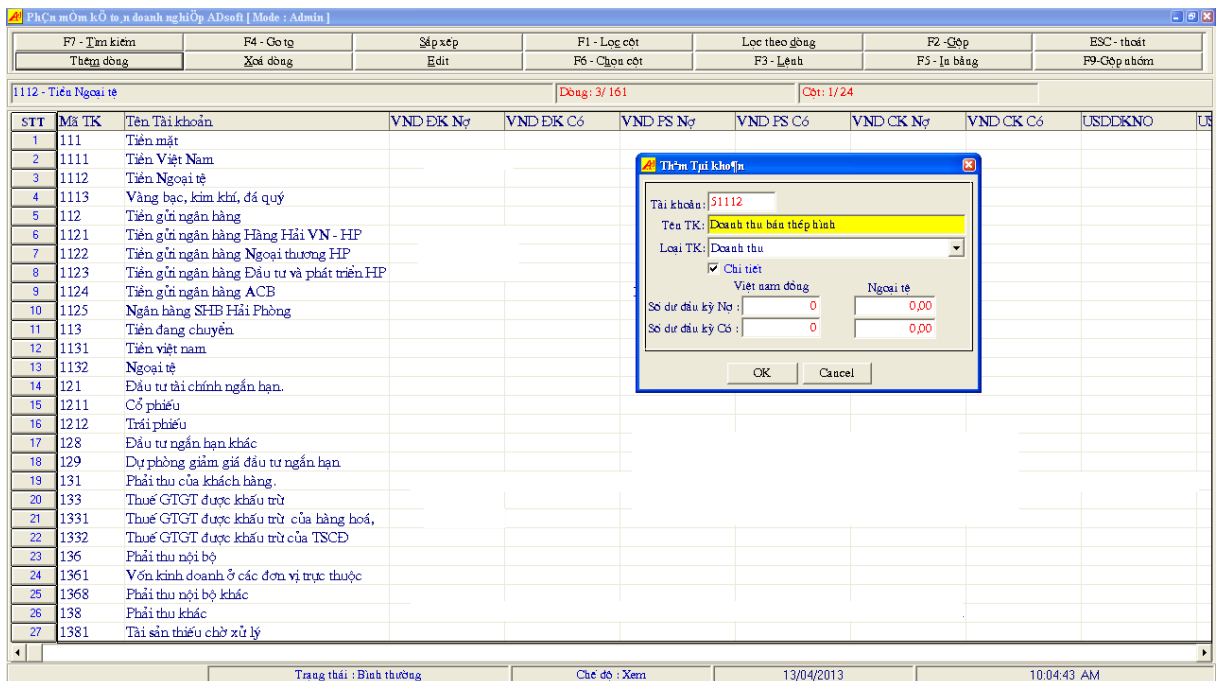
Ví dụ : Để mở TK chi tiết cho tài khoản doanh thu bán thép hộp, kế toán vào phân hệ *Danh mục tài khoản / Thêm dòng* . Khi đó xuất hiện hộp thoại thêm tài khoản, tại ô Tài khoản kế toán nhập 51111, tại ô tên TK nhập Doanh thu bán thép hộp, tại ô loại TK chọn Doanh thu / OK.

Thêm tài khoản



Ví dụ : Để mở TK chi tiết cho tài khoản doanh thu bán thép hình, kế toán vào phân hệ *Danh mục tài khoản / Thêm dòng* . Khi đó xuất hiện hộp thoại thêm tài khoản, tại ô Tài khoản kế toán nhập 51112, tại ô tên TK nhập Doanh thu bán thép hình, tại ô loại TK chọn Doanh thu / OK.

Thêm tài khoản



- ❖ Công ty nên mở tài khoản chi tiết cho TK632
- Công ty nên mở tài khoản chi tiết cho TK 632 nhằm thuận tiện cho việc

theo dõi doanh thu từng loại thép. Cụ thể:

✓ Để mở tài khoản chi tiết cho tài khoản giá vốn, kế toán vào phân hệ *Danh mục tài khoản / Thêm dòng* và nhập các thông tin cần thiết.

- TK 6321: Giá vốn bán thép hộp
- TK 6322: Giá vốn bán thép hình
- TK 6323: Giá vốn bán thép tấm
- TK 6324: Giá vốn bán thép ray
- TK 6325: Giá vốn bán thép ống
- TK 6326: Giá vốn bán thép tròn
- TK 6327: Giá vốn bán thép chữ Z
- TK 6328: Giá vốn bán thép mạ màu
- TK 6329: Giá vốn bán thép mạ kẽm
- TK 63210: Giá vốn bán thép tấm lợp sáng
- TK 63211: Giá vốn bán thép dập giã

Ví dụ : Để mở TK chi tiết cho tài khoản giá vốn bán thép hộp, kế toán vào phân hệ *Danh mục tài khoản / Thêm dòng* . Khi đó xuất hiện hộp thoại thêm tài khoản , tại ô Tài khoản kế toán nhập 6321, tại ô tên TK nhập Giá vốn thép hộp, tại ô loại TK chọn Giá vốn / OK.

Thêm tài khoản

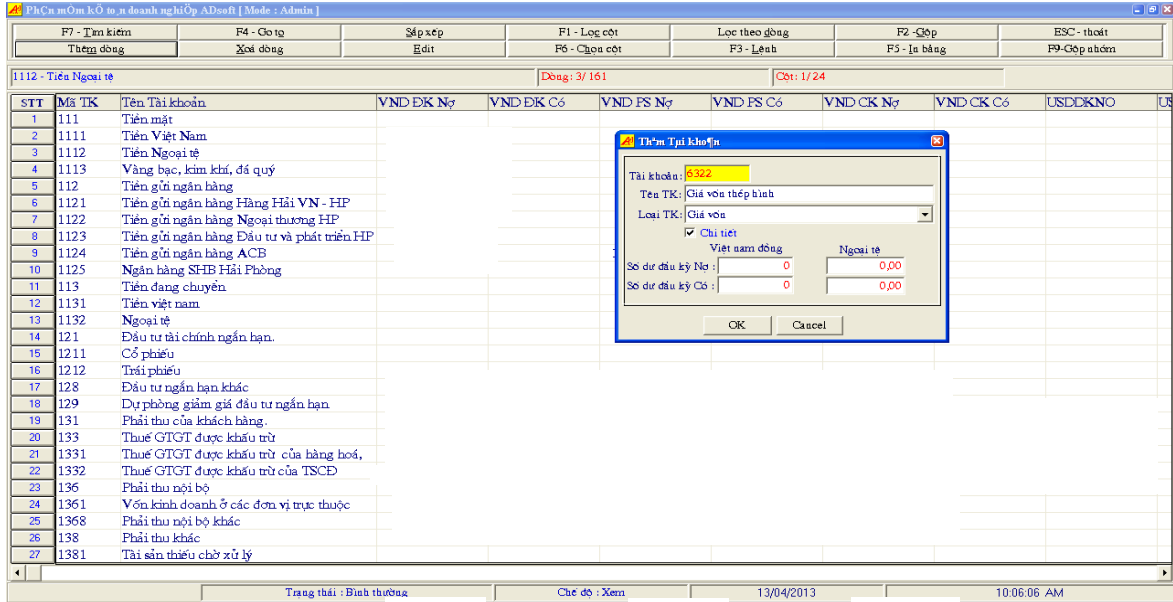
The screenshot shows the 'Thêm tài khoản' (Add Account) dialog box in the ADSoft accounting software. The dialog box is overlaid on a main window showing a list of accounts. The dialog box contains the following fields:

- Tài khoản: 6321
- Tên TK: Giá vốn thép hộp
- Loại TK: Giá vốn
- Chi tiết
- Số dư đầu kỳ Nợ: 0
- Số dư đầu kỳ Có: 0

The dialog box has 'OK' and 'Cancel' buttons at the bottom.

Ví dụ: Để mở TK chi tiết cho tài khoản giá vốn bán thép hình, kế toán vào phân hệ *Danh mục tài khoản / Thêm dòng* . Khi đó xuất hiện hộp thoại thêm tài khoản, tại ô Tài khoản kế toán nhập 6322, tại ô tên TK nhập Giá vốn thép hộp, tại ô loại TK chọn Giá vốn / OK.

Thêm tài khoản



❖ Công ty nên mở tài khoản chi tiết cho TK642

- Công ty nên mở tài khoản chi tiết cho TK642 nhằm thuận tiện cho việc theo dõi từng khoản mục chi phí phát sinh, giúp cho nhà quản lý có thể nắm bắt và quản lý từng yếu tố chi phí. Cụ thể :

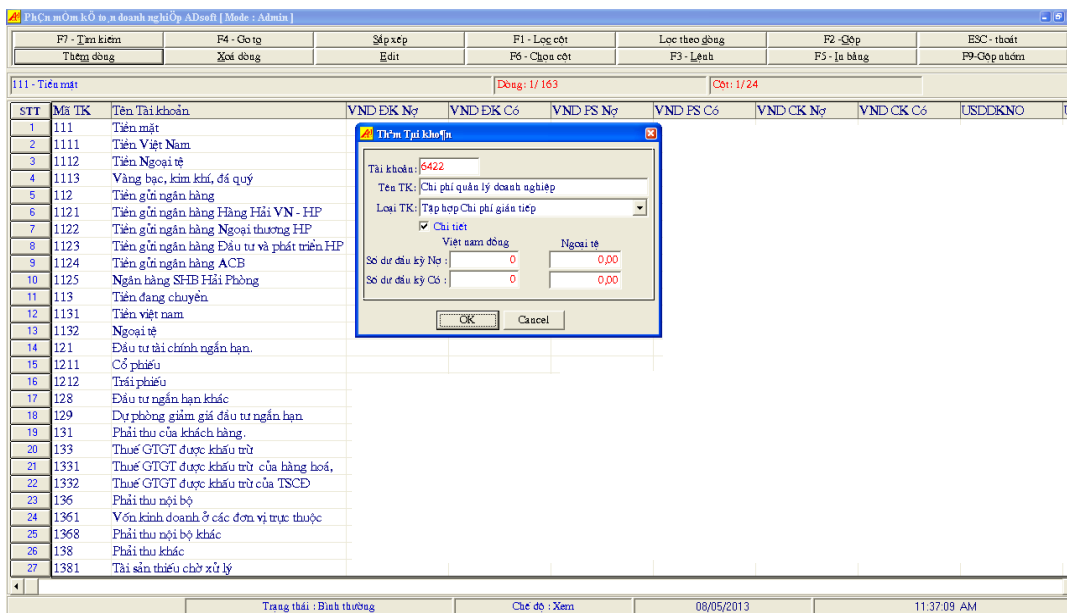
✓ Để mở tài khoản chi tiết cho tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp, kế toán vào phân hệ *Danh mục TK / Thêm dòng*, và nhập các thông tin cần thiết.

- TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

- TK 64221: Chi phí nhân viên quản lý
- TK 64222: Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 64224: Chi phí khấu hao tài sản cố định
- TK 64224: Thuế,phí và lệ phí
- TK 64226: Chi phí dự phòng
- TK 64227: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 64228: Chi phí bằng tiền khác

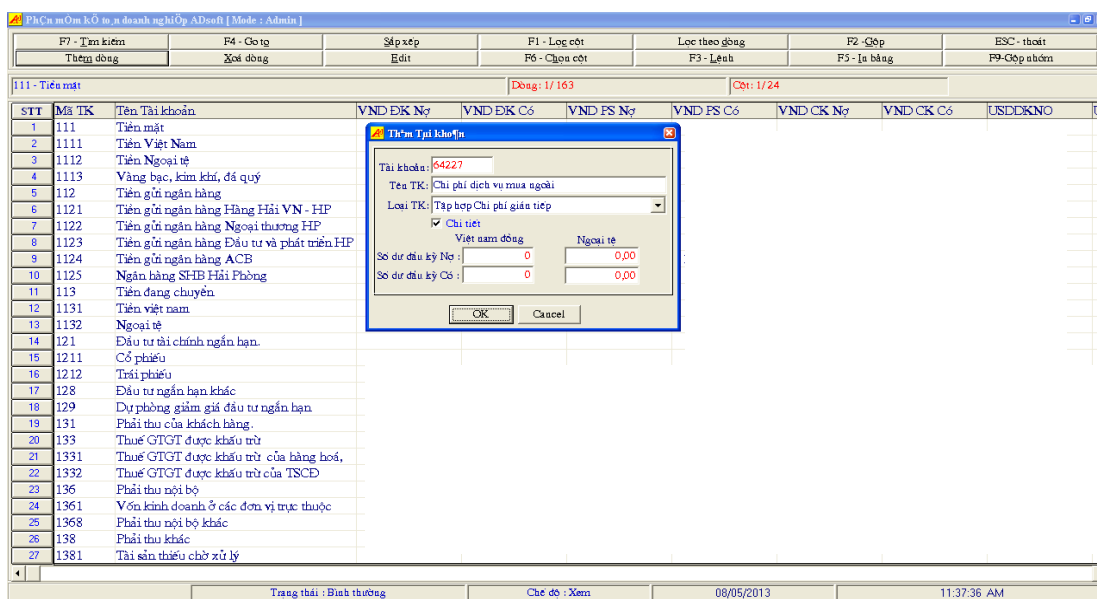
Ví dụ : Để mở TK chi tiết cho tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp, kế toán vào phân hệ *Danh mục tài khoản / Thêm dòng* . Khi đó xuất hiện hộp thoại thêm tài khoản, tại ô Tài khoản kế toán nhập 6422, tại ô tên TK nhập Chi phí quản lý doanh nghiệp, tại ô loại TK chọn Tập hợp chi phí gián tiếp / OK.

Thêm tài khoản



Ví dụ : Để mở TK chi tiết cho tài khoản chi phí dịch vụ mua ngoài, kế toán vào phân hệ *Danh mục tài khoản / Thêm dòng* . Khi đó xuất hiện hộp thoại thêm tài khoản, tại ô Tài khoản kế toán nhập 64226, tại ô tên TK nhập Chi phí dịch vụ mua ngoài, tại ô loại TK chọn Tập hợp chi phí gián tiếp / OK.

Thêm tài khoản

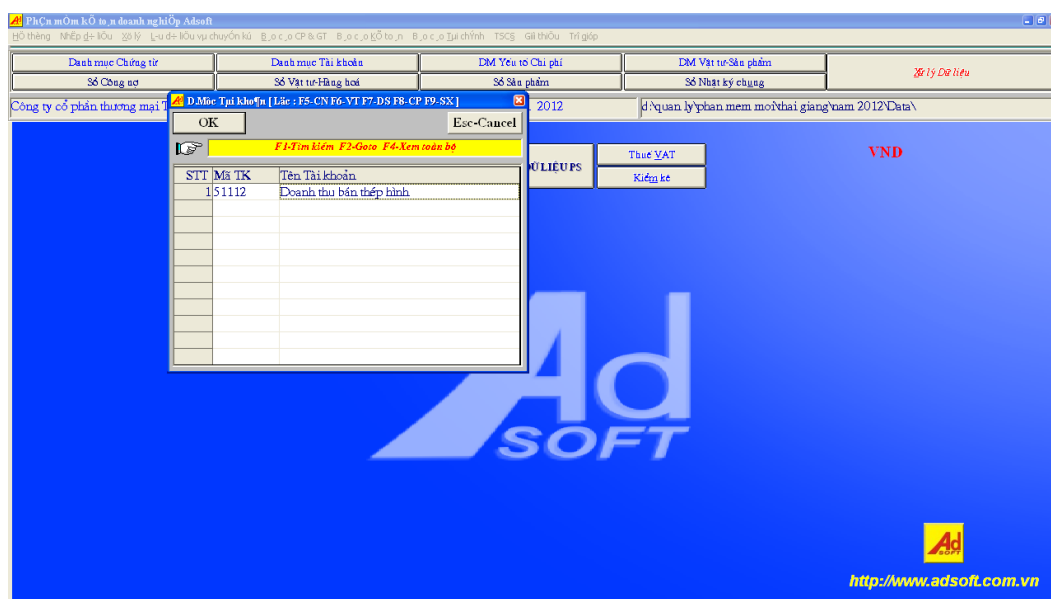
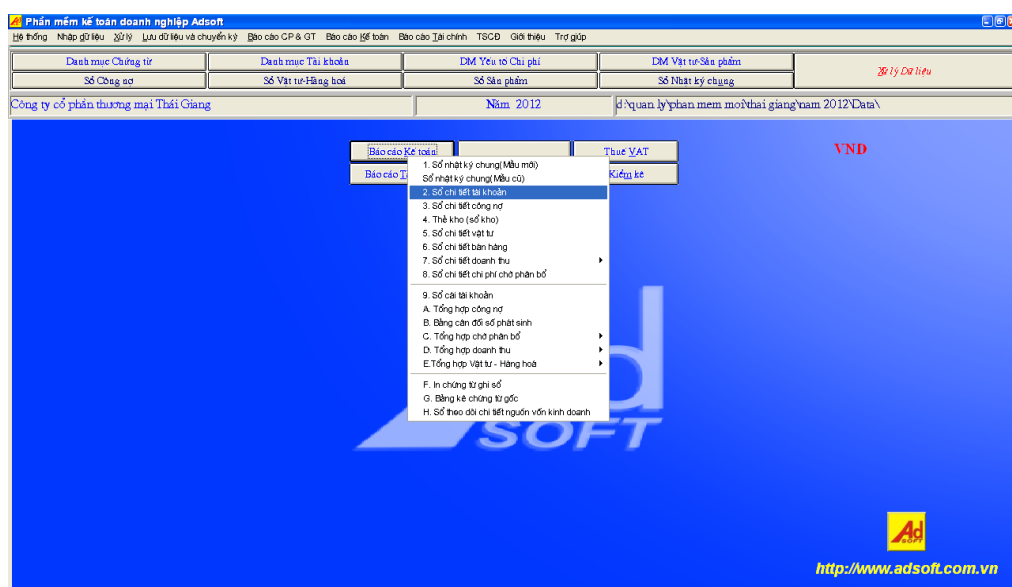


3.2.2.2. Hoàn thiện sổ sách sử dụng

- ❖ Công ty nên mở sổ chi tiết doanh thu và giá vốn cho từng loại thép
 - Nhằm theo dõi doanh thu, giá vốn, lợi nhuận gộp của từng loại thép từ đó thấy được loại thép nào tiêu thụ mạnh, loại thép nào tiêu thụ chậm, giúp cho nhà quản trị có được những quyết định trong kinh doanh đúng đắn.
- ♦ Mở sổ chi tiết doanh thu từng loại thép

Ví dụ: Để mở sổ chi tiết doanh thu thép hình, kế toán chọn phân hệ *Báo cáo kế toán/Sổ chi tiết tài khoản/TK 51112/OK*. Sau cùng ấn Ctrl P để in.

Sổ chi tiết tài khoản



Biểu số 32 : Sổ chi tiết

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Mẫu số: S03b –DNN

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÁI GIANG

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Số 105 Lâm Sơn, Sở Dầu, Hồng Bàng

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản 51112– Doanh thu thép hình

Năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
.....
HD 0000587	07/12 /2012	Xuất bán hàng hóa	131		35.607.040
HD 0000592	09/12 /2012	Xuất bán hàng hóa	131		16.927.253
HD 0000597	12/12 /2012	Xuất bán hàng hóa	131		61.686.415
HD 0000610	18/12 /2012	Xuất bán hàng hóa	131		64.955.030
.....
PKT	31/12 /2012	Kết chuyển KQKD	911	21.262.062.395	
		Cộng số phát sinh		21.262.062.395	21.262.062.395
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 33: Sổ chi tiết

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Mẫu số : S38-DNN

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÁI GIANG

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)

Số 105 Lâm Sơn, Sò Dầu, Hồng Bàng

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản 6322– Giá vốn thép hình

Năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
.....
HD 0000587	07/12 /2012	Xuất bán hàng hóa	156	34.667.520	
HD 0000592	09/12 /2012	Xuất bán hàng hóa	156	16.480.614	
HD 0000597	12/12 /2012	Xuất bán hàng hóa	156	60.058.770	
HD 0000610	18/12 /2012	Xuất bán hàng hóa	156	63.241.140	
.....
PKT	31/12 /2012	Kết chuyển KQKD	911		20.701.046.010
		Cộng số phát sinh		20.701.046.010	20.701.046.010
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

- ❖ Công ty nên mở sổ chi tiết cho từng loại chi phí quản lý doanh nghiệp.
 - Nhằm theo dõi từng khoản mục chi phí, cung cấp thông tin cho nhà quản lý xem xét và tìm nguyên nhân gây ra biến động của khoản mục chi phí, đồng thời xác định hiệu quả kinh tế mang lại do chi các khoản này để có biện pháp tiết kiệm chi phí một cách hợp lý.

Biểu số 34: Sổ chi tiết

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Mẫu số : S38-DNN

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÁI GIANG

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)

Số 105 Lâm Sơn, Sò Dầu, Hồng Bàng

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản 64227 – Chi phí dịch vụ mua ngoài

Năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày CT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ :			
		Số phát sinh :			
.....
PC 18	19/12/2012	Thanh toán tiền cước điện thoại	1111	1.174.320	
PC 20	20/12/2012	Thanh toán tiền đặt báo	1111	209.900	
PC 25	22/12/2012	Thanh toán tiền nước	1111	467.155	
.....
HĐ 0000684	25/12/2012	Tiền thuê kho	331	9.240.000	
.....
PKT	31/12/2012	Kết chuyển KQKD	911		139.660.067
		Cộng phát sinh :		139.660.067	139.660.067
		Số dư cuối kỳ :			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán

(Ký, ghi rõ họ tên)

3.2.2.3. *Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại*

- Để thu hút khách hàng, để tăng doanh thu tăng lợi nhuận công ty nên có chính sách khuyến khích người mua hàng với khối lượng lớn bằng cách áp dụng chính sách chiết khấu thương mại.

- Chiết khấu thương mại: Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng.

- Công ty có thể áp dụng chiết khấu thương mại trong một số trường hợp sau:

+ Đối với khách hàng thường xuyên ký kết hợp đồng có giá trị lớn với công ty, công ty có thể: giảm giá trị hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm nào đó trên tổng trị giá hợp đồng.

+ Đối với khách hàng lần đầu có mối quan hệ mua bán với công ty nhưng mua hàng với khối lượng lớn, công ty có thể áp dụng chính sách chiết khấu nhằm khuyến khích khách hàng có mối quan hệ thường xuyên hơn, tạo lợi thế cạnh tranh với doanh nghiệp khác kinh doanh cùng một mặt hàng.

➤ Tỷ lệ chiết khấu:

- Hiện nay, không có một văn bản chính thức nào quy định cụ thể về mức chiết khấu thương mại, công ty có thể căn cứ vào sản lượng tiêu thụ, giá bán thực tế của công ty, giá bán của đối thủ cạnh tranh, giá bán bình quân của vật tư, hàng hóa trên thị trường. Đồng thời, Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của doanh nghiệp cùng ngành để xây dựng chính sách chiết khấu thương mại riêng phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty.

➤ Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại:

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm vào giá bán trên “Hóa đơn (GTGT)” hoặc “Hóa đơn bán hàng” lần cuối cùng. Trên hóa đơn thể hiện rõ dòng ghi Chiết khấu thương mại mà khách hàng được hưởng.

Lần mua cuối cùng được xác định dựa trên hợp đồng kinh tế giữa các bên. Do đó, trường hợp công ty và các đại lý ký kết hợp đồng kinh tế, trong đó xác định ngày 31/12 hàng năm là ngày xác định công nợ và thực hiện chiết khấu thì ngày 31/12 được coi là ngày mua cuối cùng để thực hiện việc điều chỉnh giảm giá.

- Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua. Khoản chiết khấu thương mại trong các trường hợp này được hạch toán vào Tài khoản 5211.

- Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK 5211. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

- Tài khoản sử dụng: TK 5211 "Chiết khấu thương mại"

- Phương pháp hạch toán:

- Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh:

- Nợ TK 5211: Chiết khấu thương mại

- Nợ TK 3331: Số thuế GTGT được khấu trừ (33311) (Nếu có)

- Có TK 131,111,112....

- Cuối kỳ, kết chuyển chiết khấu thương mại đã chấp nhận cho người mua phát sinh trong kỳ sang tài khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

- Nợ TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Có TK 5211: Chiết khấu thương mại

Với việc áp dụng chính sách chiết khấu thương mại trong tiêu thụ hàng hóa, không những công ty có thể giữ được những khách hàng truyền thống mà còn có thể tăng lượng khách hàng mới trong tương lai vì có sự ưu đãi của Công ty trong việc bán hàng, giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ.

3.2.2.4. Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán

- Trong tình hình thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay, để tồn tại và phát triển vững mạnh thì ngoài những chính sách bán hàng truyền thống, công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng thanh toán trước hạn để kích thích khách hàng thanh toán sớm và tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn, lâu dài.

- Chiết khấu thanh toán cho khách hàng là khoản tiền khách hàng được hưởng theo thỏa thuận do thanh toán trước thời hạn so với quy định của hợp đồng kinh tế nhằm thúc đẩy khách hàng thanh toán tiền hàng sớm.

➤ Tỷ lệ chiết khấu:

- Để áp dụng chiết khấu thanh toán, trước hết công ty cần xây dựng cho mình chính sách chiết khấu phù hợp. Xác định mức chiết khấu thanh toán cho khách hàng dựa trên:

- Tỷ lệ lãi vay ngân hàng hiện nay
- Thời gian thanh toán tiền hàng
- Dựa vào mức chiết khấu thanh toán của doanh nghiệp cùng loại
- Dựa vào hoạch định chính sách kinh doanh của doanh nghiệp

- Khi xây dựng tỷ lệ chiết khấu, công ty cần chú ý một số điểm sau:

+ Tỷ lệ chiết khấu không nên quá lớn ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của doanh nghiệp và cũng không quá nhỏ khiến nó không thể phát huy tác dụng khuyến khích khách hàng.

+ Khi áp dụng một tỷ lệ chiết khấu nhất định sẽ có ảnh hưởng tích cực đến tốc độ thu tiền với các khoản phải thu, nhưng nó sẽ làm giảm lợi nhuận. Doanh nghiệp cần xem xét rằng chi phí đầu tư khoản phải thu có đủ bù đắp được thiệt hại

cho việc giảm lợi nhuận hay không ?

➤ Tài khoản sử dụng:

TK 635 - " Chi phí tài chính "

➤ Phương pháp hạch toán:

Chiết khấu thanh toán được phản ánh vào TK 635 - " Chi phí hoạt động tài chính"

Nợ TK 635 - Chiết khấu thanh toán

Có các TK 131, 111, 112 ...

Cuối kỳ, kết chuyển chi phí tài chính sang tài khoản 911

Nợ TK 911 - Kết quả từ hoạt động tài chính

Có TK 635 - Chiết khấu thanh toán

3.2.2.5. Giải pháp về lập dự phòng phải thu khó đòi

Để đề phòng những tổn thất do những khoản nợ phải thu khó đòi đem lại và hạn chế đến mức tối thiểu nhưng đột biến về kết quả kinh doanh trong kỳ, công ty lập dự phòng phải thu khó đòi.

Quán triệt nguyên tắc thận trọng, đòi hỏi doanh nghiệp phải lập dự phòng khi có những bằng chứng tin cậy về các khoản phải thu khó đòi. Lập dự phòng phải thu khó đòi thực chất của công việc này là cho phép doanh nghiệp tính dự phòng bằng cách dành một phần lợi nhuận trong năm nay chuyển sang năm sau, không làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của năm sau.

➤ Điều kiện lập dự phòng phải thu khó đòi:

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận nợ của bên khách hàng về số tiền còn nợ, bao gồm: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng khác. Các khoản thu không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như là một khoản tổn thất.

- Căn cứ để được ghi nhận là một khoản nợ phải thu khó đòi là:

▪ Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần mà vẫn chưa được.

▪ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm và tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

▪ Những khoản nợ qua 3 năm trở lên coi như không có khả năng thu hồi nợ và được xử lý xóa nợ.

➤ Phương pháp xác định

✓ Dựa trên tài liệu hạch toán chi tiết các khoản nợ phải thu của từng khách hàng, phân loại theo thời hạn thu nợ, các khách hàng quá hạn được xếp loại khách hàng khó đòi, nghi ngờ. Doanh nghiệp cần thông báo cho khách hàng và trên cơ sở thông tin phản hồi từ khách hàng, kể cả bằng phương pháp xác minh, để xác định số dự phòng cần lập theo số % khả năng mất (thất thu):

$$\text{Dự phòng phải thu khó đòi cần lập} = \frac{\text{Nợ phải thu khó đòi}}{\text{X}} \times \text{Số \% có khả năng mất}$$

➤ Phương pháp dự phòng:

Mức trích lập (theo Thông tư 228/2009/TT - BTC ngày 07/12/2009)

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm
- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn nhưng khách hàng nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc làm thủ tục giải thể, bị cơ quan pháp luật truy tố... thì Công ty dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

Sau khi lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi, Công ty tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

➤ Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 159 – Các khoản dự phòng, có 3 tài khoản cấp 2:

- TK 1591: Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn
- TK 1592: Dự phòng phải thu khó đòi
- TK 1593: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ Tài Chính thì kế toán sử dụng TK 1592 để hạch toán Dự phòng phải thu khó.

➤ Kết cấu tài khoản:

• Bên Nợ

- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi
- Xóa các khoản nợ phải thu khó đòi

• Bên Có

- Số dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập tính vào chi phí quản lý Doanh

nghiệp

• Số dư bên Có

- Số dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi hiện có cuối kỳ

➤ Phương pháp hạch toán:

Cuối kỳ kế toán năm, doanh nghiệp căn cứ vào nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được (nợ phải thu khó đòi), kế toán tính, xác định số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập hoặc hoàn nhập:

- Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn được hạch toán vào chi phí, ghi :

Nợ TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 1592 - Dự phòng phải thu khó đòi

- Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi giảm chi phí, ghi

Nợ TK 1592 - Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được phép xóa nợ. Việc xóa nợ các khoản nợ phải thu khó đòi phải theo chính sách tài chính hiện hành. Căn cứ vào quyết định xóa nợ về các khoản nợ phải thu khó

đòi, ghi:

Nợ TK 1592 - Dự phòng phải thu khó đòi

Nợ TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 131- Phải thu khách hàng

Có TK 138 – Phải thu khác

Đồng thời ghi vào bên nợ TK 004 “ Nợ khó đòi đã xử lý” (Tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán)

Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi đã xử lý xóa nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu được, ghi:

Nợ TK 111, 112...

Có TK 711: Thu nhập khác

Đồng thời ghi đơn vào bên có TK 004 “ Nợ khó đòi đã xử lý” (Tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán)

Ví dụ: Dựa trên báo cáo tình hình công nợ đến hết ngày 31/12/2012 và mức trích

lập dự phòng theo thông tư 228/2009/TT-BTC, công ty nên tiến hành trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi vào ngày 31/12/2012.

Biểu 35: Báo cáo tình hình công nợ
BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ ĐẾN HẾT 31/12/2012

STT	TÊN KHÁCH HÀNG	Công nợ đến 31/12/2012		GHI CHÚ
		Dư nợ cuối kỳ	Dư có cuối kỳ	
1.	Công ty CP Cầu Trục và thiết bị AVC	78.986.542		Phát sinh ngày 23/04/2011, thời hạn thanh toán 19/02/2012
2.	Xí Nghiệp tư nhân Thành Trung		35.678.985	Khách hàng đặt tiền trước
3.	Công ty TNHH Tuấn Len	22.247.896		Phát sinh ngày 07/12/2011, Cửa hàng thua lỗ - không thu hồi được nợ
4.	Công ty cổ phần Lisemco	32.469.000		Phát sinh ngày 09/08/2012, thời hạn thanh toán 19/04/2013
.....
8.	Công ty TNHH Đại Việt	18.940.560		Phát sinh ngày 02/11/2012, thời hạn thanh toán 24/03/2013
.....
12.	Công ty CPTM và dịch vụ Huy Hùng		21.678.874	Khách hàng đặt tiền trước
13.	Công ty CP vật liệu và xây dựng Thống Nhất	69.000.470		Phát sinh ngày 10/07/2011, thời hạn thanh toán 17/03/2012
14.	Công ty CP XNK và Xây dựng Bạch Đằng	27.856.432		Phát sinh 02/10/2011, thời hạn thanh toán 25/02/2012
.....
	Cộng	2.198.091.340	57.357.859	

Ngày 31 tháng 12 Năm 2012

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN
(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên)

- Dự phòng phải thu khó đòi năm 2012:

+ Dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 6 tháng đến dưới 1 năm:

$$(78.986.542 + 69.000.470 + 27.856.432) \times 30\% = 52.753.033 \text{ (VND)}$$

+ Kế toán định khoản:

Nợ TK 642: 52.753.033

Có TK 1592: 52.753.033

- Khoản nợ phải thu không thu hồi được: Đối với khoản nợ phải thu mà Công ty TNHH Tuấn Len được xác định là không thu hồi được, cần xử lý đưa vào chi phí như sau:

+ Khoản nợ phải thu không thu hồi được: 22.247.896 (VND)

+ Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 642: 22.247.896

Có TK 131: 22.247.896

Đồng thời ghi: Nợ TK 004: 22.247.896

3.2.2.6. Giải pháp phân tích chi phí kinh doanh

Công ty nên phân tích chi phí kinh doanh nhằm giúp nhà quản trị có thể thấy được những khoản chi phí nào phát sinh nhiều, vượt quá mức từ đó đưa ra những giải pháp kịp thời giúp tiết kiệm chi phí một cách hiệu quả, tránh lãng phí, nâng cao lợi nhuận cho công ty.

Để phân tích chi phí kinh doanh, công ty có thể phân tích tổng chi phí kinh doanh và các khoản mục cấu thành chi phí kinh doanh theo bảng sau:

Bảng 3.1:**BẢNG PHÂN TÍCH TỔNG CHI PHÍ KINH DOANH**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm N-1</i>		<i>Năm N</i>		<i>Năm Nso với Năm N-1</i>	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
TỔNG CHI PHÍ KINH DOANH						
- Giá vốn hàng bán						
- Chi phí tài chính						
- Chi phí quản lý kinh doanh						

Bảng 3.2**BẢNG PHÂN TÍCH CÁC KHOẢN MỤC CẤU THÀNH CHI PHÍ KINH DOANH**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm N-1</i>		<i>Năm N</i>		<i>Năm Nso với Năm N-1</i>	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
1. Giá vốn hàng bán						
2. Chi phí tài chính						
- Chi phí lãi vay ngân hàng						
- Chi phí tài chính khác						
3. Chi phí quản lý DN						
- Chi phí nhân viên quản lý						
- Chi phí vật liệu quản lý						
- Chi phí phân bổ						
- Chi phí khấu hao tài sản cố định						
- Thuế, phí và lệ phí						
- Chi phí dịch vụ mua ngoài						
- Chi phí bằng tiền khác						

Em xin phân tích tổng chi phí kinh doanh và các khoản mục cấu thành chi phí kinh doanh như sau:

BẢNG PHÂN TÍCH TỔNG CHI PHÍ KINH DOANH

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>2011</i>		<i>2012</i>		<i>2012 so với 2011</i>	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
TỔNG CHI PHÍ KINH DOANH	85.665.256.952	100	121.280.480.265	100	35.615.223.313	41,575
- Giá vốn hàng bán	84.244.576.385	98,342	119.270.042.931	98,342	35.025.466.546	41,576
- Chi phí tài chính	447.364.094	0,522	1.031.528.861	0,851	584.164.767	130,579
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	973.316.473	1,136	978.908.473	0,807	5.592.000	0,575

Qua bảng phân tích tổng chi phí kinh doanh nhận thấy tổng chi phí kinh doanh năm 2012 so với năm 2011 tăng 35.615.223.313đ tương ứng với tỷ lệ tăng 41,575%. Nguyên nhân do.

- Giá vốn hàng bán tăng 35.025.466.546đ tương ứng với tỷ lệ tăng 41,576%. Nguyên nhân tăng chủ yếu là do lượng tiêu thụ tăng (Doanh thu tăng 36.174.295.224đ tương ứng với tỷ lệ tăng 42,441% dẫn đến giá vốn hàng bán tăng tương ứng).

Chi phí tài chính tăng cũng làm cho tổng chi phí kinh doanh tăng. Nguyên nhân chính là do tăng các khoản chi phí lãi vay. Năm 2012, lượng tiền vay Ngân hàng tăng lên khá lớn dẫn đến chi phí lãi vay năm 2012 tăng 584.164.767đ so với năm 2011.

- Bên cạnh đó, Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 5.592.000đ tương ứng với tỷ lệ tăng 0,575%.

Để tiện theo dõi và phân tích nguyên nhân tăng chi phí quản lý doanh nghiệp, ta có các bảng phân tích các khoản mục cấu thành chi phí quản lý doanh nghiệp như sau:

**BẢNG PHÂN TÍCH CÁC KHOẢN MỤC CẤU THÀNH CHI PHÍ
QUẢN LÝ KINH DOANH**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>2011</i>		<i>2012</i>		<i>2012 so với 2011</i>	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Chi phí quản lý DN	973.316.473	100	978.908.473	100	5.592.000	0,575
- Chi phí nhân viên quản lý	378.500.000	38,887	402.600.000	41,127	24.100.000	6,367
- Chi phí phân bổ	48.781.674	5,012	48.532.800	4,958	-248.874	-0,512
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	370.234.308	38,038	376.297.764	38,441	6.063.456	1,638
-Thuế. phí và lệ phí	2.000.000	0,541	2.000.000	0,204	0	0
-Chi phí dịch vụ mua ngoài	167.458.970	17,205	139.660.067	114,267	-27.798.903	-16,601
- Chi phí bằng tiền khác	6.341.521	0,652	9.817.824	1,003	3.476.321	54,818

Qua bảng phân tích các khoản mục cấu thành chi phí quản lý doanh nghiệp trên ta nhận thấy chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2012 tăng 5.592.000đ so với năm 2011 tương ứng với tỷ lệ 0,575%. Nguyên nhân chủ yếu là do tăng chi phí nhân viên quản lý, chi phí khấu hao TSCĐ và chi phí bằng tiền khác. Trong đó:

- Chi phí nhân viên quản lý tăng 24.100.000đ tương ứng với tỷ lệ tăng 6,367%;
- Chi phí khấu hao TSCĐ tăng 6.063.456đ tương ứng với tỷ lệ 1,638%
- Chi phí bằng tiền khác tăng 3.476.321đ tương ứng với tỷ lệ 54,818%

Việc tăng các khoản chi phí này cũng do trong năm 2012 công ty tăng thêm khoản chi lương nhân viên quản lý, các khoản chi khác bằng tiền, đồng thời công ty cũng đầu tư thêm 1 số TSCĐ phục vụ cho công tác quản lý dẫn đến chi phí khấu hao TSCĐ tăng.

KẾT LUẬN

Đề tài đã hệ thống hóa được lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Đề tài đã mô tả và phân tích thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh năm 2012 tại công ty Cổ phần thương mại Thái Giang theo chế độ kế toán ban hành theo Quyết định 48/2006QĐ-BTC ngày 16/09/2006 của Bộ tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung từ đó thấy được một số ưu điểm trong công tác kế toán tại đơn vị như sau:

- **Về kế toán doanh thu:** Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được ghi chép một cách chi tiết, đầy đủ và kịp thời đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh.

- **Về kế toán chi phí:** Các chi phí phát sinh như giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp được cập nhật nhanh chóng, chi tiết vào máy vi tính. Công ty áp dụng kế toán hàng tồn kho và tính giá trị hàng xuất kho phù hợp với loại hình kinh doanh của công ty.

- **Về kế toán xác định kết quả kinh doanh:** Cuối niên độ kế toán, kế toán tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, vì thế hoạt động kinh doanh luôn được cung cấp một cách chính xác, kịp thời.

- **Về tổ chức bộ máy kế toán của công ty:** Bộ máy kế toán công ty được tổ chức một cách tập trung phù hợp với đặc điểm kinh doanh và quản lý của Công ty.

- **Về ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức công tác kế toán:** Công ty sử dụng phần mềm ADSOFT vào công tác kế toán nhằm giảm bớt khối lượng công việc, tiết kiệm chi phí và thời gian cho kế toán viên. Mặt khác, đảm bảo cung cấp số liệu chính xác và kịp thời.

Tuy nhiên nhìn chung công ty vẫn còn một số hạn chế như sau

✓ **Về tài khoản sử dụng:**

- Công ty chưa mở tài khoản chi tiết cho TK 5111 để theo dõi doanh thu cho từng loại thép cụ thể.

- Công ty chưa mở tài khoản chi tiết cho TK 632 để theo dõi giá vốn cho từng loại thép cụ thể.

- Công ty chưa mở tài khoản chi tiết cho TK 642 để theo dõi từng yếu tố chi phí phát sinh.

✓ **Về sổ sách sử dụng:**

- Công ty chưa mở sổ chi tiết bán hàng cho từng loại thép dẫn đến khó theo dõi doanh thu cho từng loại thép cụ thể.

- Công ty chưa mở sổ chi tiết giá vốn cho từng loại thép do đó sẽ khó theo dõi giá vốn của từng loại thép cụ thể.

- Công ty chưa mở sổ chi tiết theo dõi cho từng loại chi phí.

✓ **Về chính sách bán hàng:** Công ty chưa có hình thức khuyến khích khách hàng mua nhiều với số lượng lớn, khách hàng thanh toán nhanh như chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại.

✓ **Chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi:** Hiện nay, Công ty có những khoản nợ quá 6 tháng không thu hồi được và những khoản nợ không có khả năng thu hồi nhưng Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi sẽ dẫn đến rủi ro về vốn, dễ gây đột biến chi phí kinh doanh và ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

✓ **Về việc phân tích chi phí kinh doanh:** Hiện công ty chưa phân tích chi phí quản lý kinh quản lý kinh doanh dẫn đến nhà quản trị khó có thể thấy được những khoản chi phí nào phát sinh nhiều, vượt quá mức nhằm đưa ra những giải pháp kịp thời giúp tiết kiệm chi phí một cách hiệu quả, tránh lãng phí, nâng cao lợi nhuận cho công ty.

Đề tài đã đưa ra một số giải pháp để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý chi phí kinh doanh tại công ty Cổ phần thương mại Thái Giang như sau:

✓ *Giải pháp hoàn thiện tài khoản sử dụng:*

- Công ty nên mở tài khoản chi tiết cho TK5111 nhằm thuận tiện cho việc theo dõi doanh thu từng loại thép.

- Công ty nên mở tài khoản chi tiết cho TK 632 nhằm thuận tiện cho việc theo dõi giá vốn từng loại thép.

- Công ty nên mở tài khoản chi tiết cho TK642 nhằm thuận tiện cho việc theo dõi từng khoản mục chi phí phát sinh

✓ *Giải pháp hoàn thiện sổ sách sử dụng:*

- Công ty nên mở sổ chi tiết doanh thu và giá vốn cho từng loại thép: Nhằm theo dõi doanh thu, giá vốn, lợi nhuận gộp của từng loại thép từ đó thấy được loại thép nào tiêu thụ mạnh, loại thép nào tiêu thụ chậm, giúp cho nhà quản trị có được những quyết định trong kinh doanh đúng đắn.

- Công ty nên mở sổ chi tiết cho từng loại chi phí quản lý doanh nghiệp: Nhằm theo dõi từng khoản mục chi phí, cung cấp thông tin cho nhà quản lý xem xét và tìm nguyên nhân gây ra biến động của khoản mục chi phí, đồng thời xác định hiệu quả kinh tế mang lại do chi các khoản này để có biện pháp tiết kiệm chi phí một cách hợp lý.

✓ *Về chính sách bán hàng:* Công ty nên sử dụng chính sách chiết khấu thanh toán khuyến khích khách hàng thanh toán nhanh chóng tiền hàng trước hạn, tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn và lâu dài; sử dụng chính chiết khấu thương mại với tỷ lệ hợp lý khuyến khích khách hàng mua hàng với số lượng lớn, mở rộng thị trường tiêu thụ, tăng doanh thu, lợi nhuận.

✓ *Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:* Công ty nên trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nhằm đề phòng nợ phải thu thất thu khi khách hàng không có khả năng chi trả nợ và xác định giá trị thực của một khoản tiền nợ phải thu lập trên các BCTC của năm báo cáo.

✓ *Phân tích chi phí kinh doanh:* Công ty nên phân tích chi phí kinh doanh nhằm giúp nhà quản trị có thể thấy được những khoản chi phí nào phát sinh nhiều, vượt quá mức từ đó đưa ra những giải pháp kịp thời giúp tiết kiệm chi phí một cách hiệu quả, tránh lãng phí, nâng cao lợi nhuận cho công ty.

Trên đây là toàn bộ nội dung đề tài nghiên cứu khoa học “Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý chi phí kinh doanh tại công ty Cổ phần thương mại Thái Giang”.

Do kiến thức thực tế của bản thân còn hạn chế, cộng với thời gian nghiên cứu có hạn nên đề tài của em không tránh được những thiếu sót. Vì vậy, em rất mong được sự chỉ bảo, đóng góp ý kiến của hội đồng khoa học để đề tài của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. GS.TS Đặng Thị Loan, Giáo trình kế toán tài chính trong các doanh nghiệp, NXB đại học kinh tế quốc dân, xuất bản năm 2009
2. PGS.TS Võ Văn Nhị, Kế toán tài chính, NXB tài chính, xuất bản năm 2009
3. Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa, NXB Tài Chính, xuất bản năm 2009.
4. Các trang web: <http://ketoan.org/> ; <http://www.webketoan.vn/> ;
<http://www.danketoan.com>.....
5. Chứng từ, sổ sách năm 2012 của công ty cổ phần Thương Mại Thái Giang